SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

BIDV

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2012 đính kèm Quyết định số 66/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: /SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày... tháng...năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp từ ngày … tháng …năm ..... tại:

1. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)**
   Trụ sở chính : Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
   Điện thoại : (84.24) 2220 5544 Fax: (84.24) 2220 0399
   Website : www.bidv.com.vn

2. **Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**
   Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222
   Website : www.masvn.com

Phụ trách công bố thông tin:
Họ tên : (Ông) Trần Long
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc BIDV
Điện thoại : (84.24) 2220 1162 Fax: (84.24) 2222 5329

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2012 đính kèm Quyết định số 66/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu	:	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng (BIDL2636009C).
Loại trái phiếu	:	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và là nợ thứ cấp của BIDV.
Mã trái phiếu	:	BIDC12627
Mệnh giá	:	100.000 VND (*Một trăm nghìn đồng Việt Nam*)/trái phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết	:	8.533.300 trái phiếu *(Bằng chữ: Tám triệu năm trăm ba mươi ba ngàn ba trăm trái phiếu).*
Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	:	853.330.000.000 VND *(Bằng chữ: Tám trăm năm mươi ba tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng).*
Lãi suất	:	Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,25%/năm *(hai phẩy hai mươi lăm phần trăm một năm)* + Lãi Suất Tham Chiếu (LSTC) là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày xác định lãi suất của Kỳ tính lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội. + Lãi Suất Tham Chiếu điều chỉnh 06 tháng/lần. + Kỳ tính lãi: 06 (sáu) tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu. + Ngày xác định lãi suất là Ngày phát hành Trái phiếu đối với Kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày làm việc thứ 7 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ tính lãi tiếp theo.

+ Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết không thực hiện mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại như được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch, lãi suất trái phiếu trong 5 năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,25%/năm *(ba phẩy hai mươi lăm phần trăm một năm).*

Kỳ hạn trái phiếu : 10 (mười) năm

Ngày phát hành : 09/09/2026

Ngày đáo hạn : 09/09/2036

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2023 và từ 01/01/2025 đến 30/06/2026:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 15, Toà nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 6288 3568 Fax: (84.24) 6288 5678

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024:

Công ty TNHH KPMG

Trụ sở chính : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 39461600 Fax: (84.24) 39461601

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRÁI PHIẾU:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở chính : 74 Phố Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

Số điện thoại : (84.24) 39411 846 Fax: (84.24) 39411 847

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7

1. Tổ chức đăng ký niêm yết 7

2. Tổ chức tư vấn 7

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7

1. Rủi ro về kinh tế 7

2. Rủi ro về luật pháp 8

3. Rủi ro đặc thù 9

4. Rủi ro đặc thù khác 12

5. Rủi ro quản trị công ty 14

6. Rủi ro khác 14

III. CÁC KHÁI NIỆM 16

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 16

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết 16

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết 20

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết 25

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết 26

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối Đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 32

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 35

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 45

8. Hoạt động kinh doanh 50

9. Thông tin về cổ đông lớn 85

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 86

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại 127

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết 127

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức đăng ký niêm yết 128

14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 128

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 128

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 128

2. Tình hình tài chính 134

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết 142

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 144

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 146

1. Tên Trái Phiếu 146
2. Loại trái phiếu 146
3. Mệnh giá 146
4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết 146
5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá 146
6. Kỳ Hạn Trái Phiếu 146
7. Ngày phát hành 146
8. Ngày đáo hạn trái phiếu 146
9. Mục đích phát hành trái phiếu 147
10. Lãi suất và tiền lãi 147
11. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc 151
12. Xếp hạng tín nhiệm: Không có 151
13. Quyền của người sở hữu trái phiếu 151
14. Đại diện người sở hữu trái phiếu 155
15. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn 156
16. Phương thức tính giá 157
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn 160
18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết (sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu 162
19. Cam kết về bảo đảm 163
20. Thông tin về các cam kết 163
21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 163
22. Các loại thuế có liên quan 163

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 166

VIII. PHỤ LỤC 167

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

(Ông) Lê Ngọc Lâm	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông) Hoàng Việt Hùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
(Bà) Bùi Thị Hòa	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đại diện theo pháp luật:	Ông Huh Hong Suk
Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 01-2025/HĐDV-MAS-BIDV ngày 27 tháng 11 năm 2025 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế và thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam ghi nhận một số kết quả tích cực nhờ đột phá thể chế, thực hiện các quyết sách chiến lược gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số rủi ro, thách thức khi rủi ro bên ngoài vẫn hiện hữu, phức tạp, khó lường và những khó khăn nội tại.

- *Rủi ro, thách thức bên ngoài*: (i) căng thẳng địa chính trị dai dẳng, khó đoán định (đặc biệt là xung đột tại Trung Đông và Ukraine); (ii) cạnh tranh chiến lược về thương mại-công nghệ, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng làm tăng nguy cơ đứt gẫy/gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động giá năng lượng, nguyên nhiên vật liệu; (iii) lạm phát, lãi suất dù giảm nhưng còn neo cao (trong năm 2025, Fed đã 3 lần hạ lãi suất, đưa về mức 3,5% - 3,75% góp phần giảm

áp lực tỷ giá và tạo thêm dư địa điều hành chính sách tiền tệ trong nước), song rủi ro vĩ mô toàn cầu vẫn ở mức cao do biến động tỷ giá, nguy cơ đảo chiều dòng vốn và mặt bằng nợ công, nợ tư nhân toàn cầu duy trì ở mức cao; (iv) kinh tế thế giới phục hồi chưa vững chắc, đặc biệt các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản... do "cú sốc" thuế quan (mức thuế quan thực tế của Mỹ với hầu hết các nước - trong đó có Việt Nam - thấp hơn đáng kể so với các dự kiến song diễn biến vẫn khó đoán định) có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đà tăng trưởng của các hoạt động thương mại, đầu tư, du lịch...của Việt Nam; (v) An ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh mạng, dữ liệu; thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu cực đoan, ô nhiễm môi trường vẫn là những mối đe dọa thường trực, thách thức đà tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế thế giới, trong đó Việt Nam.

❖ *Khó khăn nội tại*: (i) Một số động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng, sản xuất công nghiệp) chưa thực sự bứt phá trong khi các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, tăng năng suất lao động, đóng góp của TFP vào tăng trưởng...) vẫn cần thêm thời gian để phát huy hiệu quả rõ nét hơn; (ii) DN vẫn còn khó khăn; thị trường bất động sản phục hồi chưa bền vững; (iii) Áp lực nợ xấu, tỷ giá tăng (dù trong tầm kiểm soát); (iv) Vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn vướng mắc hoàn thiện thể chế, thực thi pháp luật còn bất cập; tình trạng lãng phí còn chậm khắc phục (dù đã và đang được chú trọng tháo gỡ); (v) Đời sống và hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN và người dân còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của bão lũ, thiên tai cực đoan.

2. Rủi ro về luật pháp

BIDV là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, niêm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay vẫn còn chồng chéo, phân tán và chưa đồng bộ với nhiều quy định đan xen giữa các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Chính sự chưa đồng bộ này đã và đang tạo ra không ít thách thức trong quá trình áp dụng tại các Ngân hàng thương mại cổ phần như BIDV, đồng thời tiềm ẩn những rủi ro pháp lý cơ bản có thể phát sinh trong hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh như:

(i) Sự chồng chéo của hệ thống pháp luật: Thực tế cho thấy, việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể ảnh hưởng ngắn hạn không mong muốn đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

(ii) Sự chưa thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi

khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất với nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.

(iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) đối với một vấn đề, đặc biệt là những vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp chưa thống nhất và có quan điểm khác nhau, theo đó, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.

Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về chứng khoán, tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.

Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của BIDV. Tuy nhiên để chủ động hạn chế rủi ro này, BIDV luôn bám sát quá trình ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng, chủ động tham gia, đề xuất, kiến nghị trong quá trình soạn thảo nhằm nắm được nội dung văn bản để chủ động trong hoạt động kinh doanh, đồng thời hạn chế các vướng mắc, bất cập khi văn bản được ban hành; cập nhật và phổ biến các văn bản pháp luật mới nhất đến toàn thể các phòng ban và đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Đồng thời Ngân hàng cũng xây dựng một hệ thống các văn bản nội bộ gồm các chính sách, quy định, quy trình và bộ phận Pháp chế là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tham gia biên soạn và kiểm soát các chính sách, quy định, quy trình nội bộ,... đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và luôn được cập nhật theo những quy định mới của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Tại BIDV, Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập giới hạn tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng, đối

với mỗi lĩnh vực ngành nghề cũng như thiết lập giới hạn tín dụng trung, dài hạn phù hợp với cơ cấu huy động vốn.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Mỗi khách hàng được xếp hạng ở một mức độ rủi ro theo kết quả chấm điểm trên hệ thống xếp hạng tín dụng, mức độ rủi ro này được cập nhật, điều chỉnh định kỳ hoặc đột xuất. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập dựa trên mức độ rủi ro, phương án sử dụng vốn và tài sản bảo đảm. Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng thông qua xây dựng mức thẩm quyền phán quyết của từng cấp từ Trụ sở chính đến chi nhánh trên cơ sở hiệu quả, chất lượng tín dụng thực tế, năng lực quản lý của từng đơn vị và đánh giá tiềm năng của từng vùng. Bên cạnh đó, trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo thông lệ quốc tế và kinh nghiệm của các ngân hàng tại Hàn Quốc, BIDV đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng nhằm nhận diện, đánh giá các thay đổi về rủi ro tín dụng của khách hàng ngay từ giai đoạn sớm, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý cần thiết, kịp thời nhằm ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu rủi ro tín dụng xảy ra đối với BIDV.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị rủi ro tín dụng. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel. Trong toàn hệ thống BIDV từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu tổ chức được thiết lập phù hợp, phân định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các bộ phận/các cá nhân liên quan theo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng. Hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng, chính sách quản lý rủi ro toàn hàng được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát cập nhật đáp ứng quy định của NHNN cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa. Rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là rủi ro xảy ra tổn thất đối với giá trị danh mục do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của BIDV. Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của BIDV. Rủi ro hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của BIDV.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, kết hợp với trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) của Sổ ngân hàng, có thể ảnh hưởng đến thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã triển khai đồng bộ các công việc bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN tại Thông tư 13, 14, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn hoạt động của ngân hàng: (i) Duy trì cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ; Ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ; (ii) Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế theo dõi, giám sát; (iii) Triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động - RCSA, chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động - LDC, sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ), nghiên cứu triển khai tích hợp kết quả triển khai các công cụ và xếp hạng rủi ro hoạt động; (iv) tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động, kiểm tra sức chịu đựng về vốn đáp ứng các quy định của NHNN; (v) Xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục; (vi) Mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động; (vii) Quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, hoạt động thuê ngoài và Kiểm soát xung đột lợi ích trong Quản lý rủi ro hoạt động; (viii) triển khai hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động định kỳ, đột xuất và tăng cường công tác cảnh báo rủi ro kịp thời; (ix) xây dựng và triển khai chương trình Quản lý rủi ro hoạt động để tự động hóa công tác báo cáo, chuẩn hóa chất lượng dữ liệu phục vụ công tác quản lý rủi ro hoạt động.

Bên cạnh đó, với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ phát triển toàn diện về chuyên môn, đạo đức và văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập, BIDV sớm xác lập Văn hóa kiểm soát rủi ro là trụ cột trong quản trị, điều hành, khẳng định vai trò tiên phong của ngân hàng trong việc xây dựng "hành lang mềm" định hướng nhận thức và hành vi cán bộ, khuyến khích chủ động nhận diện rủi ro và nâng cao trách nhiệm.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

BIDV đã triển khai đầy đủ các nội dung để quản lý rủi ro thanh khoản theo quy định hiện hành của NHNN, đồng thời nghiên cứu áp dụng thông lệ tiên tiến phù hợp. Hệ thống văn bản được ban hành đồng bộ bao gồm chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn. BIDV cũng thực hiện nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro và báo cáo theo đúng quy định của NHNN và đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ.

Bên cạnh việc đảm bảo các chỉ tiêu, tỷ lệ an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn xây dựng hệ thống chỉ tiêu cảnh báo sớm, triển khai các chỉ tiêu đo lường rủi ro thanh khoản nâng cao theo thông lệ tiên tiến,... Kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ nhằm xác định khả năng chống đỡ của Ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp.

3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3.7. Rủi ro tín dụng đối tác

Rủi ro tín dụng đối tác là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch mua lại và giao dịch mua lại đảo ngược; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, vàng, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

3.8. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV là 371.152 tỷ đồng (số liệu hợp nhất), trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 349.461 tỷ đồng, các cam kết khác là 21.691 tỷ đồng. Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán Thư tín dụng (L/C), không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt và phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, quy định về định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu/bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,...). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.

- Đối với các cam kết thanh toán L/C: BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, quy định về nguồn thanh toán L/C và yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

4. Rủi ro đặc thù khác

4.1. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Rủi ro công nghệ thông tin là khả năng xảy ra tổn thất khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin. RRCNTT liên quan đến quản lý, sử dụng phần cứng, phần mềm, truyền thông, giao diện hệ thống, vận hành và con người. Theo đó, RRCNTT được BIDV xác định bao gồm 08 loại hình rủi ro sau: Rủi ro kiến trúc, chiến lược CNTT, Rủi ro an ninh mạng và bảo mật HTTT, Rủi ro vận hành HTTT, Rủi ro thực thi chương trình CNTT, Rủi ro quản trị dữ liệu, Rủi ro trong quá trình cung cấp các kênh dịch vụ (kênh quầy, kênh số, giao dịch tự động và công nghệ số), Rủi ro bên thứ ba và chuỗi cung ứng công nghệ thông tin, Rủi ro liên quan đến công tác QLRRCNTT.

Đối với mỗi loại hình rủi ro CNTT, BIDV thực hiện nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro theo Quy định quản lý rủi ro CNTT (được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm).

Trong số các rủi ro được nhận diện, rủi ro an ninh mạng và bảo mật HTTT, rủi ro vận hành HTTT có thể gây ra ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động của Ngân hàng. Để triển khai các biện pháp kiểm soát đối với các rủi ro này, BIDV đã triển khai đồng bộ các công tác đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế. Theo đó, BIDV đã triển khai đáp ứng đầy đủ Thông tư 09/2020/TT-NHNN Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến công tác bảo đảm an toàn thông tin và hoạt động liên tục cho các hệ thống CNTT. Về công tác an ninh bảo mật hệ thống, BIDV triển khai đồng bộ cả 03 yếu tố: (i) Tăng cường cả về số lượng và chất lượng nhân sự về an toàn thông tin; (ii) Hoàn thiện các quy trình, chính sách về an toàn thông tin; (iii) Triển khai các giải pháp công nghệ hiện đại về an ninh bảo mật, dự phòng thảm họa CNTT.

4.2. Rủi ro đối với BIDV

❖ BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao

Sau khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) thành công vào cuối tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phê chuẩn BIDV là công ty đại chúng vào ngày 24/01/2014, cổ phiếu BIDV chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (mã cổ phiếu: BID).

Hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại cổ phần giúp BIDV có thể đa dạng hóa hình thức sở hữu và từng bước giảm sự phụ thuộc về vốn vào Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó có thể dẫn tới việc BIDV sẽ phải tuân thủ hệ thống quy định về quản trị điều hành, giám sát mới.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

❖ Các quy định khác nhau về công bố thông tin, kế toán và quản lý

BIDV lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo VAS và IFRS mà các chuẩn mực này có những khác biệt cơ bản. Trừ trường hợp được quy định khác đi, các thông tin tài chính thể hiện trong Bản công bố thông tin này được thể hiện trên cơ sở áp dụng VAS.

NHNN quy định hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Nhà nước, các ngân hàng thương mại cổ phần mà Nhà nước có cổ phần chi phối và có khả năng tác động đến thị trường ngân hàng tài chính nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng các quy định về quản lý tại Việt Nam có thể khác so với các quy định hiện hành tại các quốc gia khác. Bên cạnh đó, do BIDV hoạt động trong ngành ngân hàng và chứng khoán là những ngành chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ tại Việt Nam, các nhà đầu tư tiềm năng cũng nên lưu ý rằng các cơ quan quản lý đã ban hành các chuẩn mực riêng tại Việt Nam cũng như đưa ra những hướng dẫn và các quy định cụ thể tại Việt Nam đối với các lĩnh vực đặc thù nêu trên.

5. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổ chức đăng ký niêm yết, ảnh hưởng đến các hoạt động quản lý tài sản và nguồn vốn, quản lý nguồn nhân lực và quy trình vận hành hệ thống. Để giảm thiểu rủi ro, BIDV luôn chủ động tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị nội bộ, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát, kiểm toán nội bộ.

6. Rủi ro khác

6.1. Rủi ro liên quan đến Trái Phiếu

❖ ***Trái Phiếu không được bảo đảm***

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ chức đăng ký niêm yết.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và

- BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.

❖ ***Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp***

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

❖ ***Phát hành thêm chứng khoán***

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được

phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ ***Rủi ro về việc sử dụng số vốn thu được từ đợt chào bán***

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động cho BIDV và thực hiện cho vay nền kinh tế. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất...

❖ ***Bảo hiểm tiền gửi***

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

6.2. Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Tổ chức đăng ký niêm yết còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bãi công, chiến tranh,..v..v là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa dự kiến của Tổ chức đăng ký niêm yết. Nếu các rủi ro này xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và khiến gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết.

6.3. Rủi ro cụ thể khác tại Việt Nam

❖ ***Thuế tại Việt Nam***

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

❖ ***Hạn chế chuyển tài sản về nước***

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- "ATM": Máy rút tiền tự động
- "BIDV", "Tổ chức đăng ký niêm yết": Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- "CHDCND": Cộng hòa dân chủ nhân dân
- "CMND": Chứng minh thư nhân dân
- "CCCD": Căn cước công dân
- "CNTT": Công nghệ Thông tin
- "CTCP": Công ty Cổ phần
- "ĐHĐCĐ": Đại Hội đồng Cổ đông
- "Giấy CNĐKDN": Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- "HĐQT": Hội đồng Quản trị
- "MAS": Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
- "ISO": Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
- "MHB": Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- "NHTM": Ngân hàng Thương mại
- "NHNN": Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- "TMCP": Thương mại Cổ phần
- "TNHH": Trách nhiệm hữu hạn
- "TCTD": Tổ chức tín dụng
- "UBCKNN": Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- "USD": Đồng đô la Mỹ
- "VND": Việt Nam Đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết

- Tên đầy đủ: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên viết tắt: BIDV

- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Logo: BIDV
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024
- Giấy phép thành lập và hoạt động của BIDV:

  Ngày 23 tháng 04 năm 2012, BIDV được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN (Giấy phép 84), Giấy phép này đã được NHNN nhiều lần sửa đổi, bổ sung, dưới đây là các Văn bản sửa đổi, bổ sung và còn hiệu lực đến nay:

  + Giấy phép kinh doanh mua bán, vàng miếng số 269/GP-NHNN ngày 28/12/2012;
  + Quyết định số 909/QĐ-NHNN ngày 08/5/2018 điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua bán vàng miếng số 269/GP-NHNN ngày 28/12/2012;
  + Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015;
  + Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017;
  + Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018;
  + Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018;
  + Quyết định số 466/QĐ-NHNN ngày 29/3/2022;
  + Quyết định số 884/QĐ-QLGS2 ngày 13/05/2025;
  + Quyết định số 2289/QĐ-QLGS2 ngày 05/09/2025;
  + Quyết định số 17/QĐ-QLGS2 ngày 19/03/2026;
  + Quyết định số 751/QĐ-NHNN ngày 21/04/2026;
  + Quyết định số 33/QĐ-QLGS2 ngày 27/5/2026;
  + Quyết định số 66/QĐ-QLGS2 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.22205544
- Fax: 024.22200399
- Website: www.bidv.com.vn

- Vốn điều lệ: 77.782.294.730.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi hai tỷ hai trăm chín mươi tư triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)*

- Ngành nghề kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh chính: BIDV được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp; các Quyết định bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã ngành 6419 (chính)) và Điều lệ hoạt động của BIDV, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

+ Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;

+ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài;

+ Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

  a) Cho vay;

  b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

  c) Bảo lãnh ngân hàng;

  d) Phát hành thẻ tín dụng;

  e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;

  f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

+ Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;

+ Cung ứng các phương tiện thanh toán;

+ Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:

  a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

  b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế;

  c) Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của pháp luật.

+ Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

+ Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác;

c) Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

+ Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:

a) Tổ chức thanh toán nội bộ, thanh gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;

b) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

c) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế GLN.

d) Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế Tenpay.

+ Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

+ Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;

+ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

+ Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất;

+ Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

+ Các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại:

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;

c) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Cung cấp dịch vụ môi giới tiền tệ;

e) Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng;

f) Hoạt động mua nợ;

g) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;

h) Ngân hàng giám sát theo pháp luật chứng khoán;

i) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

j) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;

k) Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại và các hoạt động kinh doanh khác được NHNN chấp thuận theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Việt Hùng** – Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**
- Mã cổ phiếu: BID
- Sàn niêm yết: HSX
- Mã số thuế: 0100150619

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ với nhiệm vụ chính ban đầu là cấp phát vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản, phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong suốt 18 năm (từ 1957 đến 1975), Ngân hàng Kiến thiết đã bám sát nhiệm vụ cốt lõi cấp phát vốn kịp thời, hiệu quả để xây dựng hàng trăm công trình quốc kế dân sinh ở miền Bắc. Đồng thời, ngân hàng đã tổ chức những đơn vị đặc biệt để cấp vốn xây dựng các công trình cầu đường, thông tin liên lạc, đường ống xăng dầu dọc tuyến đường Hồ Chí Minh, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, Ngân hàng Kiến thiết đã tiếp quản và sớm hình thành mạng lưới hoạt động ở các tỉnh thành phía Nam để làm nhiệm vụ quản lý và cung ứng vốn nhằm tái thiết và xây dựng CNXH trên cả nước. Trong giai đoạn này, ngân hàng đã tập trung mọi nguồn lực với trách nhiệm cao nhất để tiếp tục thực hiện quản lý hiệu quả nguồn vốn phục vụ xây dựng các công trình tạo đà cho phát triển kinh tế.

Nhằm triển khai chủ trương tập trung hệ thống tín dụng, tiền tệ vào một ngân hàng thống nhất, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 259/CP ngày 24/6/1981 về việc chuyển Ngân hàng Kiến thiết thuộc Bộ Tài chính để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước với nghiệp vụ chủ yếu vẫn là cấp phát, cho vay thi công xây lắp. Đây cũng là thời gian Ngân hàng tham gia tích cực vào việc cung ứng vốn xây dựng nhiều công trình lớn, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong gần 10 năm, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng đã vượt qua nhiều khó khăn để có những bước phát triển mạnh mẽ trong dòng chảy đổi mới của đất nước, khẳng định vị thế là một ngân hàng chuyên doanh chủ lực trong lĩnh vực kiến thiết, đầu tư, xây dựng đất nước. Qua đó, ngân hàng đã góp phần thiết thực hình thành cơ chế mới trong đầu tư kinh tế, khơi dậy tiềm năng to lớn của toàn xã hội để phát triển sản xuất kinh doanh.

Thực hiện Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 401/CT ngày 14/11/1990 để thành lập Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) trên cơ sở chuyển đổi từ Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng. Tiếp tục phát huy truyền thống xung kích và sáng tạo, BIDV đã có những đột phá về xoá bao cấp trong đầu tư xây dựng cơ bản, tự lo một phần tới tự lo toàn bộ nguồn vốn cho đầu tư trung và dài hạn các công trình, dự án theo kế hoạch nhà nước; từ độc canh tín dụng theo kế hoạch đã phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ mới theo nhu cầu của thị trường.

Đến cuối năm 1994, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hoạt động cấp phát, tín dụng chỉ định được tách ra khỏi chức năng nhiệm vụ của BIDV để hình thành nên Tổng cục Đầu tư Phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam). Và kể từ 01/01/1995, BIDV chính thức hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại. Mặc dù chính thức chuyển sang kinh doanh thương mại muộn nhất trong số các ngân hàng quốc doanh của Việt Nam, song bằng khát vọng cống hiến, bản lĩnh vững vàng, tinh thần đoàn kết, sự năng động sáng tạo,... BIDV đã trưởng thành vượt bậc về bản lĩnh vượt khó và tư duy kinh doanh; gặt hái được những thành tựu quan trọng về phát triển thể chế, mạng lưới, sản phẩm - dịch vụ, công nghệ, đối ngoại,... Trong suốt thời gian tiếp đó, BIDV đã có những đổi mới toàn diện và mạnh mẽ, đột phá và tăng tốc; hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả; vươn lên thành một ngân hàng có đẳng cấp cao, có đủ năng lực cạnh tranh và tự tin tham gia vào sân chơi quốc tế.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, BIDV cổ phần hóa thành công và từ tháng 5/2012 chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (theo Giấy phép số 84/GP-NHNN ngày 23/4/2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Từ đó đến nay, BIDV tiếp tục quán triệt, chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ; chỉ đạo điều hành của Ngân hàng Nhà nước; linh hoạt theo diễn biến thị trường, chủ động, sáng tạo, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và kế hoạch kinh doanh. BIDV đã chuyển đổi toàn diện, đồng bộ sang mô hình ngân hàng thương mại hiện đại, đa năng; xác lập mô hình kinh doanh theo tiêu chí của ngân hàng hiện đại; xác định khách hàng là trung tâm, công nghệ và nguồn nhân lực là giá trị, là công cụ cạnh tranh cốt lõi. BIDV cũng đã có những bước tiến phát triển trong đổi mới thể chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành. Hoạt động kinh doanh của BIDV luôn tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành ngân hàng và đất nước.

Trong giai đoạn này, có một số dấu mốc đáng chú ý: (i) Ngày 25/5/2015, BIDV sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống; (ii) Ngày 11/11/2019, BIDV hoàn thành giao dịch hợp tác chiến lược với Tập đoàn tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Ngân hàng Hana trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài. Đây là giao dịch mua bán sáp nhập lớn nhất lịch sử ngành tài chính ngân hàng Việt Nam, đem lại lợi ích to lớn cho BIDV và cho cổ đông Nhà nước; (iii) Ngày 11/01/2021, BIDV ban hành "Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030"; (iv) Ngày 26/04/2022, nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu; (v) Ngày 03/09/2023, BIDV chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi Core Banking Profile - mở ra một chặng đường mới trong lịch sử phát triển của BIDV, trong đó BIDV tự tin làm chủ công nghệ, sáng tạo đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và củng cố vị thế ngân hàng trong tương lai; (vi) Năm 2024, BIDV tiếp tục khẳng định vai trò dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính xanh với việc phát hành thành công 5.500 tỷ đồng trái phiếu xanh, trái phiếu bền vững, có quy mô lớn nhất tại Việt Nam.

Ngày 24/4/2026, BIDV ban hành Nghị quyết phê duyệt Chiến lược phát triển BIDV đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Trải qua 69 năm hoạt động với 30 năm kinh doanh thương mại, từ một ngân hàng đơn sở hữu, hoạt động đơn lĩnh vực trong môi trường nội địa và khách hàng thuần túy là doanh nghiệp nhà nước, BIDV ngày nay đã trở thành một định chế tài chính đa sở hữu, hoạt động đa quốc gia, kinh doanh đa năng, đa lĩnh vực, vận hành công khai, minh bạch theo chuẩn mực, thông lệ quản trị quốc tế. Từ một ngân hàng chuyên doanh với quy mô ban đầu rất khiêm tốn là 11 chi nhánh và 200 cán bộ, BIDV ngày nay có mạng lưới kinh doanh rộng khắp gồm hơn 1.000 chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước, 10 công ty con và các hiện diện thương mại tại Lào, Campuchia, Myanmar, Nga, Đài Loan (Trung Quốc) với gần 30.000 cán bộ được đào tạo bài bản, dạn dày kinh nghiệm. BIDV hiện đang phục vụ gần 26 triệu khách hàng cá nhân, gần 500.000 khách hàng doanh nghiệp; hợp tác, giao dịch với hơn 2.300 định chế tài chính ở 177 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Kết thúc Q2-2026, tổng tài sản của BIDV đạt hơn 3,44 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng thương mại có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Với những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước, BIDV tự hào được Đảng, Nhà nước Việt Nam phong tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Ba; Huân chương Lao động các hạng... BIDV cũng đã được Đảng, Nhà nước Lào trao tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất...; được Quốc vương Campuchia trao tặng Huân chương Hoàng gia hạng Nhất, Huân chương Monisaraphon hạng Moha Sereivath... Bên cạnh đó, BIDV còn được các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế ghi nhận, vinh danh với nhiều giải thưởng, tiêu biểu như: Top 1.000 công ty đại chúng lớn nhất và quyền lực nhất thế giới, Top 50 Doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á, Top 10 Doanh nghiệp bền vững lĩnh vực thương mại – dịch vụ, Top 25 Thương hiệu tài chính dẫn đầu Việt Nam, Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng SME tốt nhất Đông Nam Á; Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 11 năm liên tiếp, Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng Chuyển đổi số xuất sắc; Doanh nghiệp vì cộng đồng…

Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV

Năm	Sự kiện
26/04/1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
27/05/1957	Thành lập 11 Chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết đầu tiên
15/11/1976	Mở rộng quy mô hoạt động ra toàn quốc
24/06/1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
14/11/1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
01/01/1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
23/03/1996	Trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt

1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay.
27/12/2000	Đón nhận Danh hiệu "Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001–2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay.
25/04/2007	Đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đấu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
01/05/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.

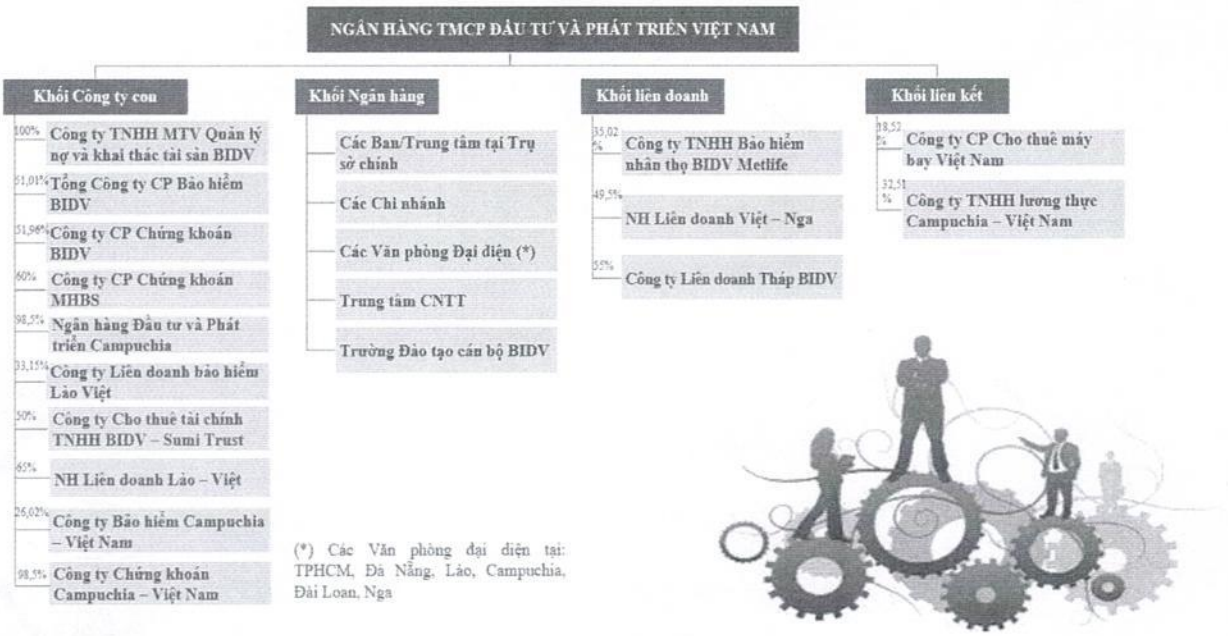
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
24/01/2014	Cổ phiếu BIDV (mã BID) chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
25/05/2015	Sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng Sông Cửu Long (MHB) vào hệ thống BIDV
2015	22/05/2015: Tăng vốn điều lệ lên 31.481.237.440.000 đồng 29/09/2015: Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng.
30/06/2016	BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar.
2016	BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng.
26/4/2017	Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia.
11/11/2019	Hoàn thành giao dịch chiến lược với Tập đoàn Tài chính Hana (Hàn Quốc) và công bố Hana Bank trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài sở hữu 15% vốn điều lệ của BIDV. Đây là thương vụ M&A với một nhà đầu tư chiến lược lớn nhất trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam. Tăng vốn điều lệ lên 40.220.180.400.000 VND
11/01/2021	Ban hành "Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV đến năm 2025, tầm nhìn 2030".
31/12/2021	Căn cứ văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của BIDV, BIDV phát hành thành công hơn 1.036 triệu cổ phiếu để chi trả cổ tức và tăng vốn điều lệ lên 50.585 tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị trí là ngân hàng thương mại có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.
26/04/2022	Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập, BIDV chính thức điều chỉnh nhận diện thương hiệu
03/9/2023	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi Core Banking Profile
21/12/2023	Tăng vốn điều lệ lên 57.004.359.000.000 đồng.
31/12/2024	Tăng vốn điều lệ lên 68.975.152.680.000 đồng
05/03/2025	Tăng vốn điều lệ lên 70.213.619.170.000 đồng

30/03/2026	Tăng vốn điều lệ lên 72.800.652.100.000 đồng
18/08/2026	Tăng vốn điều lệ lên 77.782.294.730.000 đồng

Nguồn: BIDV

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



Nguồn: BIDV

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức của BIDV như sau:

❖ Khối ngân hàng: gồm có

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- 175 Chi nhánh tại Việt Nam; 1 Chi nhánh ở nước ngoài (tại Myanmar);
- 927 Phòng Giao dịch;
- 02 Đơn vị Sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trường Đào tạo Cán bộ BIDV);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện ở nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

❖ Khối công ty con gồm 10 đơn vị, gồm:

- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (BAMC);
- Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC);

- Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC);
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS);
- Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB);
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC);
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi TRUST (BSL);
- Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI);
- Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS);
- Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).

❖ Khối liên doanh gồm 03 đơn vị:

- Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB);
- Công ty liên doanh Tháp BIDV;
- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.

❖ Khối Liên kết gồm 02 đơn vị:

- Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC);
- Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV



Nguồn: BIDV

4.1. Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV hiện tại gồm 06 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm Soát
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm Soát
5	Ông Huỳnh Phương	Thành viên Ban Kiểm Soát
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

4.3. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 11 thành viên.

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Hoàng Việt Hùng	Ủy viên
3	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
5	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên

STT	Tên	Chức vụ
6	Ông Kim Sang Soo	Ủy viên
7	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
8	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
9	Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
10	Ông Lê Quốc Nghị (đã *nghỉ hưu từ 01/10/2026*)	Ủy viên
11	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Ủy viên độc lập

Các Ban, Ủy Ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm:

- Ủy ban Chiến lược và tổ chức
- Ủy ban Quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự
- Ủy ban Công nghệ thông tin
- Ủy ban Hợp tác chiến lược BIDV – Hanabank
- Ban Thư ký và Quan hệ cổ đông
- Ban Chính sách và Giám sát hệ thống
- Ban Nghiên cứu và Quản trị Chiến lược

4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Điều hành chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Điều hành có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (Hội đồng ALCO), Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng khác.

Cơ cấu Ban Điều hành BIDV như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Việt Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

5	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Vũ Hoàng Dương	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban điều hành
12	Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng

4.5. Các khối chức năng tại Trụ sở chính:

Trụ sở chính của BIDV được tổ chức theo 14 khối chức năng, 3 đơn vị giúp việc HĐQT bao gồm:

- Khối Khách hàng doanh nghiệp chịu trách nhiệm: xây dựng, triển khai, giám sát, thúc đẩy chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chính sách, sản phẩm và chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng hoạt động kinh doanh của phân khúc khách hàng doanh nghiệp; trực tiếp kinh doanh, cung cấp sản phẩm dịch vụ và quản lý các khách hàng doanh nghiệp trọng điểm được phân công quản lý tại Trụ sở chính.

- Khối Ngân hàng bán lẻ chịu trách nhiệm: hoạch định và triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách ngân hàng bán lẻ; quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ; quản lý và phát triển mạng lưới và kênh phân phối bán lẻ; quản lý, vận hành nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ và hệ thống Contact Center.

- Khối Định chế tài chính và Kinh doanh vốn chịu trách nhiệm: xây dựng, triển khai, giám sát, thúc đẩy chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chính sách, sản phẩm và chịu trách nhiệm về kết quả, chất lượng hoạt động kinh doanh phân khúc định chế tài chính và hoạt động kinh doanh vốn và tiền tệ của BIDV; trực tiếp kinh doanh, cung cấp sản phẩm dịch vụ và quản lý các khách hàng trọng điểm được phân công quản lý tại Trụ sở chính.

- Khối Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai công tác điều hành chiến lược công nghệ thông tin, chiến lược chuyển đổi số; kiến trúc công nghệ thông tin; phát triển phần mềm; an ninh bảo mật; quản trị vận hành hệ thống; quản lý hạ tầng công nghệ thông tin; đầu tư mua sắm, thuê tài sản/dịch vụ công nghệ thông tin, bảo trì tài sản công nghệ thông tin và các công việc khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin tại BIDV.

- Khối Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm: triển khai công tác Quản lý rủi ro tại BIDV; đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và quản lý tỷ lệ an toàn vốn; thực hiện công tác phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố, phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tuân thủ chính sách cấm vận, tuân thủ FATCA; kiểm định các mô hình đo lường rủi ro, xây dựng và tổ chức thực hiện lộ trình/kế hoạch triển khai văn hóa kiểm soát rủi ro; tổ chức triển khai Basel và các thông lệ quản lý rủi ro tốt tại BIDV.

- Khối Thẩm định và phê duyệt chịu trách nhiệm: thẩm định/tái thẩm định/thẩm định rủi ro, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các đề xuất: cấp tín dụng, bảo lãnh, đầu tư, hạn mức đối tác, hạn mức giao dịch tương lai hàng hóa, định giá giá trị tài sản bảo đảm từ các Đơn vị/bộ phận kinh doanh/bộ phận đầu tư/bộ phận khách hàng.

- Khối Vận hành chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai, quản lý, quản trị và vận hành hệ thống các hoạt động tác nghiệp của toàn hệ thống; quản lý tập trung và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ tác nghiệp tại Trụ sở chính theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

- Khối Tài chính chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai công tác xây dựng kế hoạch và quản trị tài chính kế toán toàn hệ thống hiệu quả, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và BIDV; thực hiện chức năng đối tác kinh doanh hỗ trợ các Đơn vị nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, hướng tới các thông lệ quản trị tài chính tiên tiến trên thị trường.

- Khối Pháp chế và xử lý nợ chịu trách nhiệm: tư vấn pháp lý cho toàn bộ hoạt động của các Đơn vị trong hệ thống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV, của người lao động BIDV, quản lý công tác pháp chế, chế độ, công tác giải quyết tranh chấp tại Tòa án/Trọng tài trong toàn hệ thống BIDV; xây dựng, quản lý, giám sát, thúc đẩy và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chiến lược/kế hoạch thu hồi nợ của toàn hệ thống; trực tiếp xây dựng và thực hiện các phương án xử lý nợ đối với các khoản vay thuộc Chi nhánh/khách hàng phụ trách được chuyển giao về Trụ sở chính.

- Khối Hỗ trợ chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu; quan hệ công chúng; truyền thông nội bộ; an sinh xã hội; xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp; quản lý và triển khai công tác đầu tư xây dựng công trình; quản lý và triển khai công tác đầu tư mua sắm tài sản, thuê tài sản tại BIDV (ngoại trừ các tài sản được mua sắm theo các quy định về mua sắm tài sản công nghệ thông tin); quản lý tài sản tại BIDV; mua sắm tập trung và lựa chọn nhà thầu theo Luật Đấu thầu; hành chính quản trị; kế toán tài vụ văn phòng; quản sự và bảo vệ an ninh; quản lý, bảo quản, vận hành các tài sản phục vụ hoạt động tại Trụ sở chính và công tác lễ tân.

- Khối Quản trị nguồn nhân lực chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai công tác xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực tại BIDV.

- Khối Dữ liệu và đổi mới sáng tạo chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai công tác quản trị dữ liệu; bảo vệ dữ liệu cá nhân; quản lý hệ thống thông tin báo cáo; phát triển, ứng dụng AI tại BIDV và nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ mới, có tính đột phá để ứng dụng tại BIDV.

- Khối Kiểm tra và giám sát tuân thủ chịu trách nhiệm: xây dựng văn bản chế độ, hướng dẫn, chỉ đạo trong hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và các hoạt động khác theo nhiệm vụ được phân giao; tổ chức triển khai công tác kiểm tra và giám sát tuân thủ đối với tất cả các mặt hoạt động tại các Đơn vị trong toàn hệ thống; tổ chức triển khai công tác phối hợp làm việc với các cơ quan quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; tham mưu, giúp việc Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm BIDV triển khai thực hiện theo các chủ trương, pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của NHNN, BIDV về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm; triển khai công tác rà soát, đánh giá tính đầy đủ, tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Khối Đảng đoàn thể: Tham mưu, giúp việc cho Cơ quan Đảng Uỷ BIDV để phục vụ công tác Đảng theo quy định, Phụ trách công tác Đoàn thanh niên toàn hệ thống, Phụ trách công tác Công đoàn toàn hệ thống.

- ❖ Các Đơn vị giúp việc HĐQT: Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác điều hành, quản trị chiến lược, giám sát hệ thống và quản lý quan hệ cổ đông

- ❖ Ban Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm: xây dựng các văn bản chế độ của Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ; thực hiện nhiệm vụ Kiểm toán nội bộ; thực hiện nhiệm vụ Giúp việc cho Ban Kiểm soát.

4.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến thời điểm hiện tại, BIDV có 176 chi nhánh (bao gồm 175 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài tại Myanmar). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV



Cơ cấu tổ chức thông thường của chi nhánh bao gồm Ban Giám đốc và các Khối chức năng giúp việc cho Ban Giám đốc như sau:

- Khối Quản lý khách hàng: Gồm Phòng khách hàng doanh nghiệp, Phòng khách hàng doanh nghiệp nước ngoài, Phòng khách hàng cá nhân, Phòng khách hàng ưu tiên, Phòng Xử lý nợ, Phòng dịch vụ ngân hàng số;

- Khối Quản lý rủi ro: Gồm Phòng Quản lý rủi ro;

- Khối Vận hành: Gồm Phòng Quản trị tín dụng, Phòng Giao dịch khách hàng, Phòng Quản lý và dịch vụ kho quỹ;

- Khối Quản lý nội bộ: Gồm Phòng Quản lý nội bộ; hoặc Phòng Kế hoạch – Tài chính và Phòng Tổ chức hành chính;

- Khối trực thuộc: Gồm các Phòng Giao dịch;
- Phòng Quản lý và dịch vụ kho quỹ chỉ có tại các chi nhánh có quy mô giao dịch lớn;
- Đối với các Chi nhánh có các Phòng đặc thù ngoài mô hình tổ chức mẫu nêu trên, BIDV sẽ có văn bản quy định riêng.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối Đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Danh sách công ty mẹ, công ty con của BIDV, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với BIDV, những công ty mà BIDV nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm 30/06/2026 như sau:

5.1. Thông tin về công ty mẹ của BIDV, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với BIDV

BIDV hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với BIDV là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại BIDV.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại 49 Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
  + NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
  + Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu của NHNN tại BIDV tại ngày 18/08/2026 (ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu): 76,73% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con của BIDV:

Bảng 2: Danh sách các công ty con năm 2024, năm 2025 và tại 30/06/2026

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2025	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 30/06/2026
1	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV ("BAMC")	Giấy CNĐKDN số 0101196750 thay đổi lần 10 ngày 11 tháng 07 năm 2025 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội	05/2018	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%	100,00%	100,00%
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	Giấy phép số B7.09.148 ngày 14 tháng 08 năm 2009 do Ngân hàng Quốc gia Campuchia cấp	08/2009	Ngân hàng	98,50%	98,50%	98,50%
3	Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam ("CVS") (*)	Giấy ĐKKD số Co0394E/2010 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày 23/02/2010	02/2010	Chứng khoán	98,50%	98,50%	98,50%
4	Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt ("LVB")	Giấy phép số 985-326 ngày 10 tháng 06 năm 1999 và bản sửa đổi bổ sung mới nhất số bản sửa đổi bổ sung mới nhất số 003-2021/KH-ĐT4 ngày 04 tháng 1 năm 2021 do Ủy Ban Quản lý Đầu tư Nước ngoài của CHDCND Lào cấp	06/1999	Ngân hàng	65,00%	65,00%	65,00%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV ("BSC")	Số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 và GPĐC gần nhất số 65/GPĐC-UBCK ngày 11/08/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	11/1999	Thị trường vốn	51,96%	51,97%	51,96%
6	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV ("BIC")	Giấy phép số 11/GPĐC21/KDBH ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính	01/2006	Bảo hiểm	51,01%	51,01%	51,01%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB ("MHBS")	Giấy phép số 45/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006	12/2006	Thị trường vốn	60,00%	60,00%	60,00%
8	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST ("BSL")	Giấy CNĐKDN số 0100777569, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 7 tháng 4 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	05/2017	Cho thuê tài chính	50,00%	50,00%	50,00%

STT	Tên công ty	Giấy CNĐKDN/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2025	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 30/06/2026
9	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt ("LVI") (*)	077-08/ĐT ngày 19/06/2008 do Bộ Kế hoạch Đầu tư nước CHDCND Lào cấp và bị thay thế bởi Giấy phép đầu tư số 028-2024/BKH.DDT4 ngày 19/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào	06/2008	Bảo hiểm	33,15%	33,15%	33,15%
10	Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam ("CVI") (*)	Số Co. 6037/09E ngày 06 tháng 08 năm 2009 của Bộ Thương mại Campuchia và bản điều chỉnh gần nhất số 00036519 ngày 23/04/2015 của Bộ Thương mại Campuchia	11/2009	Bảo hiểm	50,23%	26,02%	26,02%

(*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con *Nguồn: BIDV*

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV:

Bảng 3: Danh sách các công ty liên doanh liên kết năm 2024, năm 2025 và tại 30/06/2026

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2025	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 30/06/2026
I.	**Công ty liên doanh**						
1	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ("VRB")	Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/GP-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước, được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/GP ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định 756/QĐ-TTGSNH1 ngày 12/12/2024 sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép số 88/GP.	11/2006	Tài chính/Ngân hàng	49,50%	49,50%	49,50%
2	Công ty liên doanh Tháp BIDV ("BIDV Tower")	Giấy phép số 2523/GP do Bộ KHĐT cấp ngày 02/11/2005	11/2005	Xây dựng, vận hành và quản lý khối văn phòng làm việc	55,00%	55,00%	55,00%

STT	Tên Công ty	Giấy ĐKKD/Giấy phép thành lập	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2024	Tỷ lệ sở hữu của BIDV năm 2025	Tỷ lệ sở hữu của BIDV tại 30/06/2026
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife ("BML")	72/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/7/2014, sửa đổi lần 5 ngày 28/8/2024	07/2014	Bảo hiểm	37,25%	37,25%	35,02%
II.	**Công ty liên kết**						
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam ("VALC")	0102384108, đăng ký lần đầu ngày 08/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/11/2023	10/2017	Mua và cho thuê máy bay	18,52%	18,52%	18,52%
2	Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam ("Cavifood")	Giấy CN đăng ký thành lập số Inv.0810 M/2010 do Bộ Thương mại Campuchia cấp	04/2010	Kinh doanh lương thực và sản phẩm nông nghiệp	32,51%	32,51%	32,51%

Nguồn: BIDV

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Kể từ khi thành lập cho đến nay, BIDV đã thực hiện 15 lần tăng vốn điều lệ và 01 lần giảm vốn điều lệ. Các lần tăng và giảm vốn điều lệ của BIDV như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1995		1.100.000		- Quyết định số 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, theo đó BIDV chính thức bắt đầu hoạt động theo mô hình ngân hàng thương mại.	Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	- Không có
Lần 1 (2006)	2.977.401	4.077.401	- Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt đợt I và Đợt II năm 2006; - Tăng vốn từ thu hồi Nợ tồn	- Quyết định số 3599/QĐ-BTC ngày 30/11/2006 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 4225/QĐ-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài Chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
			động Nhóm 2 theo Quyết định của Chính phủ; - Giảm tiền gửi của Bộ Tài chính tại Ngân hàng.			*nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*
Lần 2 (2008)	4.678.417	8.755.818	- Thu hồi Nợ thương mại theo Quyết định của Chính phủ; - Thu hồi Nợ tồn đọng Nhóm 2 và nợ có tính chất như Nợ tồn đọng nhóm 2 theo Quyết định của Chính phủ; - Nguồn xử lý nợ cho vay đánh bắt hải sản xa bờ; - Dư nợ tái cấp vốn của Ngân hàng tại Sở Giao dịch Ngân hàng nhà nước Việt Nam để xử lý nợ vay khắc phục hậu quả cơn bão số 5 năm 1997; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2008.	- Quyết định số 2964/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài Chính - Quyết định số 2969/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài Chính - Quyết định số 2972/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài Chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và của các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*
Lần 3 (2009)	1.742.750	10.498.568	- Thu hồi Nợ tồng đọng Nhóm 2 theo Quyết định của Chính Phủ; - Bộ Tài chính cấp vốn điều lệ 100 triệu USD; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2009.	- Quyết định số 1571/QĐ-BTC ngày 13/07/2009 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 25/QĐ-BTC ngày 25/08/2009 của Bộ Tài Chính.	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"
Lần 4 (2010)	4.101.145	14.599.713	- Bộ Tài chính cấp vốn điều lệ; - Thu hồi nợ thương mại đã xử lý theo Quyết định của Chính phủ; - Nhận lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt lần 1 và lần 2 năm 2010.	- Quyết định số 257/QĐ-BTC ngày 11/03/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 480/QĐ-BTC ngày 15/03/2010 của Bộ Tài Chính - Quyết định số 1257/QĐ-BTC ngày 21/06/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 1559/QĐ-BTC ngày 23/07/2010 của Bộ Tài Chính; - Quyết định số 3371/QĐ-BTC ngày 29/12/2010 của Bộ Tài Chính;	Bộ Tài chính	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*
Lần 5 (2011)	(1.652.150)	12.947.563	- Phân tách các công ty con tại Campuchia ra khỏi Ngân hàng.	n/a	n/a	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 6 (2012)	10.064.142.	23.011.705	- Ngân hàng được chuyển khoản vốn vay đặc biệt với Ngân hàng Nhà nước thành vốn điều lệ; - Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.	- Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012); - Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 84/GP-NHNN ngày 23/04/2012; - Quyết định 3150/2011/QĐ-BTC ngày 28/12/2011 v/v bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam của Bộ Tài chính; - Quyết định 2589/QĐ-NHNN ngày 01/12/2011 v/v công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa BIDV; - Quyết định 278/QĐ-TTg ngày 07/03/2012 v/v điều chỉnh mức vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Thủ tướng Chính phủ	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 – Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/5/2012 đến ngày 31/12/2012 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*
Lần 7 (06/08 /2013)	5.100.321	28.112.026	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (tỷ lệ 4,52784%) và chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 17,63655%)	- Nghị quyết số 1335/NQ-HĐQT ngày 09/8/2013 v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Văn bản số 3840/NHNN-TTGSNH ngày 30/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 16/GCN-UBCK ngày 10/6/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN); - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1274/BC-HĐQT ngày 05/08/2013; - Công văn số 4492UBCK-QLPH ngày 06/08/2013 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN) số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 15	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				ngày 21/08/2013.		
Lần 8 (22/05 /2015)	3.369.211	31.481.237	Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (tỷ lệ hoán đổi 1:1)	- Nghị quyết số 1462/NQ-BIDV ngày 25/05/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ; - Quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/4/2015 của NHNN về việc sát nhập Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; - Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 19/GCN-UBCK ngày 25/4/2015 của UBCKNN; - Công văn số 2585/UBCK-QLPH ngày 22/05/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi BIDV; - - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 21 ngày 14/07/2015.	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/6/2015 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"*
Lần 9 (30/09 /2015)	2.705.916	34.187.153	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 8,595329%)	- Nghị quyết số 3155/NQ-BIDV ngày 02/10/2015 của Hội đồng quản trị v/v tăng vốn điều lệ và thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ; - Văn bản số 3626/NHNN-TTGSNH ngày 22/5/2015 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 52/GCN-UBCK ngày 29/7/2015 của UBCKNN; - Công văn số 6209/UBCK-QLPH ngày 30/09/2015 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước v/v xác nhận kết quả chào bán của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 26/04/2016.	- HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
Lần 10 (01/11 /2019)	6.033.027	40.220.180	Chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài (giá chào bán: 33.640 đồng/cổ phiếu)	- Nghị quyết số 837/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2018 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 1029/NHNN-TTGSNH ngày 21/02/2019 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Nghị quyết số 696/NQ-BIDV ngày 22/07/2019 của Hội đồng quản trị BIDV v/v thông qua văn kiện giao dịch với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài; - Văn bản số 6479/UBCK-QLCB ngày 25/10/2019 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ; - Văn bản số 6712/UBCK-QLCB ngày 01/11/2019 của UBCKNN v/v kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 20/02/2020.	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất"*
Lần 11 (18/01 /2022)	10.365.058.	50.585.238	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020	- Nghị quyết số 1141/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2021 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020; - Nghị quyết số 1159/NQ-BIDV ngày 08/12/2021 của Hội đồng quản trị BIDV v/v phê duyệt triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020; - Văn bản số 8625/NHNN-TTGSNH ngày 07/12/2021 của NHNN về chấp thuận tăng vốn; - Văn bản số 346/UBCK-QLCB ngày 18/01/2022 của UBCKNN về đã nhận được đầy đủ hồ sơ báo cáo điều chỉnh kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (thay thế Văn bản số 9003/UBCK-QLCB ngày 29/12/2021); - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 01/03/2022.		*nhất"*
Lần 12 (12/12 /2023)	6.419.121	57.004.359	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021	- Nghị quyết số 393/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Nghị quyết số 932/NQ-BIDV ngày 11/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV v/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Văn bản số 8125/NHNN-TTGSNH ngày 19/10/2023 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Nghị quyết số 984/NQ-BIDV ngày 26/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2021; - Văn bản số 7706/UBCK-QLCB ngày 10/11/2023 của UBCKNN v/v tài liệu	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất"*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID - Văn bản số 8833/UBCK-QLCB ngày 12/12/2023 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID; - GCNĐKDN số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024.		
Lần 13 (30/12 /2024)	11.970.794	68.975.153	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022	- Nghị quyết số 485/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông BIDV v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Nghị quyết số 1326/NQ-BIDV ngày 11/10/2023 của Hội đồng quản trị BIDV v/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Văn bản số 9992/NHNN-TTGSNH ngày 06/12/2024 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Nghị quyết số 1348/NQ-BIDV ngày 09/12/2024 của Hội đồng quản trị BIDV về việc Phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ năm 2022; - Văn bản số 8919/UBCK-QLCB ngày 30/12/2024 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của BID.	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 – Công ty TNHH KPMG: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toan Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".*
Lần 14 (05/03	1.238.466	70.213.619	Chào bán riêng lẻ cho 04 nhà đầu tư nước ngoài và 01 nhà	- Nghị quyết số 485/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông BIDV	- Đại hội đồng cổ đông của Ngân	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét tại

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
/2025)			đầu tư trong nước (giá chào bán: 38.800 đồng/cổ phần)	v/v thông qua Phương án chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần riêng lẻ; - Nghị quyết số 28/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc Phê duyệt giá cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Nghị quyết số 31/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ; - Nghị quyết số 32/NQ-BIDV ngày 07/01/2025 của Hội đồng quản trị BIDV về việc phê duyệt nội dung Hợp đồng Đặt mua cổ phần và Hợp đồng Tài khoản ký quỹ trong giao dịch BIDV chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư; - Văn bản số 485/NHNN-TTGSNH ngày 22/01/2025 của NHNN v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Văn bản số 661/UBCK-QLCB ngày 11/02/2025 của UBCKNN v/v hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID; - Văn bản số 08/UBCK-QLCB ngày 05/3/2025 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID.	hàng - HĐQT của Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	30/06/2025 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"*
Lần 15 (30/03 /2026)	2.587.033	72.800.652	Chào bán riêng lẻ cho 22 nhà đầu tư nước ngoài và 09 nhà đầu tư trong nước (giá chào bán: 38.900 đồng/cổ phần)	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 440/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 197/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/03/2026; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 31/NQ-BIDV ngày 13/01/2026 về việc Phê duyệt giá cổ phần chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Nghị quyết HĐQT số 32/NQ-BIDV ngày 13/01/2026 về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán cổ phiếu	- ĐHĐCĐ của Ngân hàng - HĐQT của Ngân hàng -NHNN - UBCKNN	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét tại 30/06/2026 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: - *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung và thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30/6/2026, cũng như kết*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				riêng lẻ; - Nghị quyết HĐQT số 33/NQ-BIDV ngày 13/01/2026 về việc phê duyệt nội dung Hợp đồng Đặt mua cổ phần và Hợp đồng Tài khoản ký quỹ trong giao dịch BIDV chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư; - Nghị quyết HĐQT số 92/NQ-BIDV ngày 06/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư; - Văn bản số 911/NHNN-QLGS ngày 06/02/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v Tăng vốn điều lệ của BIDV; - Văn bản số 2090/UBCK-QLCB ngày 17/03/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID; - Văn bản số 2411/UBCK-QLCB ngày 27/03/2026 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ của BID. - Quyết định số 751/QĐ-NHNN ngày 21/04/2026 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ ghi tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.		*quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ"*
Lần 16 (18/08 /2026)	4.981.643	77.782.295	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu	- Nghị quyết số 342/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 v/v thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 - Nghị quyết số 530/NQ-BIDV ngày 19/05/2026 v/v phê duyệt phương án tăng vốn điều BIDV - Công văn số 4860/NHNN-QLGS ngày 08/06/2026 v/v tăng mức vốn điều lệ của BIDV từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	- ĐHĐCĐ của Ngân hàng - NHNN - UBCKNN - HĐQT của Ngân hàng	- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét tại 30/06/2026 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam: - *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung và thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất*

Thời điểm	VĐL tăng thêm/giảm xuống (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/giảm (triệu đồng)	Hình thức tăng/giảm VĐL	Cơ sở pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
				thuộc nguồn vốn chủ sở hữu của BIDV - Nghị quyết số 800/NQ-BIDV ngày 16/06/2026 v/v phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ BIDV từ nguồn vốn chủ sở hữu - Công văn số 7006/UBCK-QLCB ngày 28/07/2026 v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn chủ sở hữu của BIDV - Nghị quyết số 1087/NQ-BIDV ngày 04/08/2026 v/v phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu - Báo cáo số 7231/BC-BIDV ngày 24/08/2026 về kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu - Công văn số 8441/UBCK-QLCB ngày 26/08/2026 v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		*của Ngân hàng tại ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ"*

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ chức đăng ký niêm yết tới thời điểm gần nhất

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Trong nước**	**6.413.509.658**	**82,45**
a	Cá nhân	190.847.069	2,45
b	Tổ chức(*)	6.222.659.795	80,00
c	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	2.794	0,00004
2	**Nước ngoài**	**1.364.719.815**	**17,55**
a	Cá nhân	2.405.475	0,03
b	Tổ chức	1.362.314.340	17,52

3	**Tổng cộng**	**7.778.229.473**	**100**

(*): Không bao gồm tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Nguồn: BIDV

7.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

7.3. Các loại chứng khoán khác:

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm hiện tại, BIDV đang lưu hành **82.283.938,9 triệu đồng** trái phiếu tính theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng. Thông tin chi tiết các trái phiếu đang lưu hành của Tổ chức đăng ký niêm yết tính đến thời điểm hiện tại như sau:

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
Trái phiếu thường						
BID12365	1.000.000.000	980	980.000.000.000	6,20%	25/10/2023	5
BID12366	1.000.000.000	1.520	1.520.000.000.000	5,38%	25/10/2023	5
BID12429	1.000.000.000	540	540.000.000.000	5,68%	16/08/2024	5
BID12430	1.000.000.000	2.460	2.460.000.000.000	6,70%	16/08/2024	5
BID12556	1.000.000.000	360	360.000.000.000	6,00%	27/11/2025	2
BID12562	1.000.000.000	4.000	4.000.000.000.000	6,50%	25/12/2025	2
BID12563	1.000.000.000	4.000	4.000.000.000.000	6,50%	29/12/2025	2
BIDL12621	1.000.000.000	800	800.000.000.000	8,20%	11/09/2026	5
BIDL12624	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,20%	18/09/2026	5
Trái phiếu tăng vốn cấp 2						
BID12101	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	30/08/2021	15
BID12116	1.000.000.000	800	800.000.000.000	6,90%	21/05/2021	15
BID12117	1.000.000.000	120	120.000.000.000	6,90%	23/06/2021	15
BID12121	1.000.000.000	50	50.000.000.000	6,90%	29/06/2021	15
BID12125	1.000.000.000	50	50.000.000.000	6,90%	29/07/2021	15
BID12150	1.000.000.000	40	40.000.000.000	6,90%	08/09/2021	15
BID12152	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	22/09/2021	15
BID122005	100.000	1.570.272	157.027.200.000	6,20%	25/01/2022	10
BID12206	100.000	2.000.000	200.000.000.000	7,10%	06/05/2022	15
BID12211	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,50%	09/12/2022	20
BID12212	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,50%	27/12/2022	20
BID12237	1.000.000.000	25	25.000.000.000	7,00%	26/07/2022	12
BID12238	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,00%	26/07/2022	20
BID12243	1.000.000.000	14	14.000.000.000	6,90%	22/06/2022	10
BID12246	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,20%	29/06/2022	10
BID12255	1.000.000.000	27	27.000.000.000	7,20%	26/08/2022	10
BID12257	1.000.000.000	60	60.000.000.000	7,20%	09/09/2022	15
BID123004	100.000	3.000.000	300.000.000.000	6,70%	16/01/2023	10
BID12302	1.000.000.000	35	35.000.000.000	6,50%	26/12/2023	8

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12303	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,50%	27/12/2023	8
BID12307	1.000.000.000	460	460.000.000.000	7,60%	21/07/2023	15
BID12308	1.000.000.000	500	500.000.000.000	7,70%	01/08/2023	20
BID12326	1.000.000.000	700	700.000.000.000	7,70%	24/07/2023	20
BID12329	1.000.000.000	60	60.000.000.000	7,10%	30/08/2023	10
BID12363	1.000.000.000	10	10.000.000.000	5,98%	29/09/2023	10
BID12364	1.000.000.000	3.000	3.000.000.000.000	5,98%	29/09/2023	10
BID12368	1.000.000.000	732	732.000.000.000	5,98%	23/11/2023	8
BID12369	1.000.000.000	10	10.000.000.000	6,08%	23/11/2023	10
BID12370	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,00%	30/11/2023	15
BID12372	1.000.000.000	257	257.000.000.000	5,98%	12/12/2023	8
BID12373	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,88%	13/12/2023	15
BID12375	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,18%	20/12/2023	10
BID12405	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,50%	21/05/2024	15
BID12407	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,15%	22/05/2024	8
BID12409	1.000.000.000	300	300.000.000.000	7,15%	24/05/2024	8
BID12411	100.000.000	20.000	2.000.000.000.000	7,10%	29/05/2024	8
BID12412	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,50%	30/05/2024	20
BID12414	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,50%	30/05/2024	15
BID12415	1.000.000.000	3.500	3.500.000.000.000	7,30%	07/06/2024	10
BID12417	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,10%	17/06/2024	8
BID12418	1.000.000.000	400	400.000.000.000	7,15%	26/06/2024	8
BID12420	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,15%	27/06/2024	8
BID12421	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,10%	05/07/2024	8
BID12422	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	7,10%	05/07/2024	8
BID12424	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,10%	09/07/2024	8
BID12426	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,10%	17/07/2024	8
BID12427	1.000.000.000	1.500	1.500.000.000.000	7,10%	23/07/2024	8
BID12432	1.000.000.000	95	95.000.000.000	7,10%	21/08/2024	8
BID12434	1.000.000.000	392	392.000.000.000	7,10%	26/08/2024	8
BID12435	100.000.000	10.000	1.000.000.000.000	7,10%	27/08/2024	8
BID12439	1.000.000.000	250	250.000.000.000	7,10%	29/08/2024	8
BID12440	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,50%	29/08/2024	15
BID12442	1.000.000.000	13	13.000.000.000	7,10%	09/09/2024	8
BID12501	1.000.000.000	780	780.000.000.000	6,90%	15/05/2025	7
BID12502	1.000.000.000	305	305.000.000.000	7,05%	15/05/2025	8
BID12503	1.000.000.000	173	173.000.000.000	5,90%	15/05/2025	8
BID12504	1.000.000.000	1.100	1.100.000.000.000	6,90%	16/05/2025	7
BID12505	1.000.000.000	2.200	2.200.000.000.000	7,05%	16/05/2025	8
BID12506	1.000.000.000	1.200	1.200.000.000.000	6,26%	20/05/2025	15
BID12507	1.000.000.000	53	53.000.000.000	6,90%	20/05/2025	7

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12508	1.000.000.000	355	355.000.000.000	7,05%	20/05/2025	8
BID12509	1.000.000.000	1.500	1.500.000.000.000	6,90%	26/05/2025	7
BID12510	1.000.000.000	238	238.000.000.000	6,90%	26/05/2025	7
BID12511	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	27/05/2025	8
BID12512	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,30%	27/05/2025	15
BID12513	1.000.000.000	3.000	3.000.000.000.000	7,05%	29/05/2025	8
BID12514	1.000.000.000	600	600.000.000.000	6,90%	05/06/2025	7
BID12515	1.000.000.000	250	250.000.000.000	6,90%	10/06/2025	7
BID12516	1.000.000.000	85	85.000.000.000	5,90%	10/06/2025	8
BID12517	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,05%	10/06/2025	8
BID12518	1.000.000.000	360	360.000.000.000	6,90%	13/06/2025	7
BID12519	1.000.000.000	850	850.000.000.000	6,90%	13/06/2025	7
BID12520	1.000.000.000	202	202.000.000.000	7,05%	13/06/2025	8
BID12521	1.000.000.000	260	260.000.000.000	6,90%	20/06/2025	7
BID12522	1.000.000.000	122	122.000.000.000	7,05%	20/06/2025	8
BID12523	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	20/06/2025	7
BID12524	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	24/06/2025	8
BID12525	1.000.000.000	135	135.000.000.000	6,90%	24/06/2025	7
BID12526	1.000.000.000	367	367.000.000.000	6,90%	27/06/2025	7
BID12527	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,90%	27/06/2025	7
BID12528	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	27/06/2025	8
BID12529	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,05%	27/06/2025	8
BID12530	1.000.000.000	500	500.000.000.000	6,40%	30/06/2025	20
BID12531	1.000.000.000	2.000	2.000.000.000.000	7,10%	30/06/2025	8
BID12532	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	03/07/2025	7
BID12533	1.000.000.000	1.200	1.200.000.000.000	7,05%	03/07/2025	8
BID12534	1.000.000.000	400	400.000.000.000	6,90%	09/07/2025	7
BID12535	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	15/07/2025	7
BID12536	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	30/07/2025	7
BID12537	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,30%	30/07/2025	15
BID12538	1.000.000.000	415	415.000.000.000	6,90%	10/09/2025	7
BID12539	1.000.000.000	600	600.000.000.000	6,26%	15/09/2025	15
BID12540	1.000.000.000	120	120.000.000.000	6,90%	18/09/2025	7
BID12541	1.000.000.000	250	250.000.000.000	7,05%	18/09/2025	8
BID12542	1.000.000.000	320	320.000.000.000	5,68%	29/09/2025	7
BID12543	1.000.000.000	200	200.000.000.000	5,83%	29/09/2025	8
BID12544	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,30%	29/09/2025	15
BID12545	1.000.000.000	100	100.000.000.000	5,83%	06/10/2025	8
BID12546	1.000.000.000	100	100.000.000.000	5,93%	06/10/2025	10
BID12547	1.000.000.000	138	138.000.000.000	5,68%	06/10/2025	7
BID12548	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	06/10/2025	7

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12549	1.000.000.000	347	347.000.000.000	5,68%	21/10/2025	7
BID12550	1.000.000.000	75	75.000.000.000	6,00%	21/10/2025	10
BID12551	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,30%	21/10/2025	15
BID12552	1.000.000.000	702	702.000.000.000	6,03%	24/11/2025	7
BID12553	1.000.000.000	590	590.000.000.000	6,08%	24/11/2025	8
BID12554	1.000.000.000	156	156.000.000.000	6,13%	24/11/2025	10
BID12555	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,60%	24/11/2025	15
BID12557	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,25%	28/11/2025	7
BID12558	1.000.000.000	142	142.000.000.000	6,13%	12/12/2025	7
BID12559	1.000.000.000	800	800.000.000.000	6,68%	24/12/2025	15
BID12560	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,68%	24/12/2025	15
BID12561	1.000.000.000	203	203.000.000.000	6,67%	23/12/2025	8
BID126007	100.000	19.851.508	1.985.150.800.000	7,50%	03/02/2026	7
BID126008	100.000	10.000.000	1.000.000.000.000	7,55%	03/02/2026	8
BID126009	100.000	3.160.253	316.025.300.000	7,55%	03/02/2026	10
BID12601	1.000.000.000	175	175.000.000.000	7,70%	26/05/2026	15
BID12602	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,10%	29/05/2026	6
BID126022	100.000	9.148.938	914.893.800.000	7,70%	20/05/2026	7
BID126023	100.000	4.465.850	446.585.000.000	7,75%	20/05/2026	8
BID126024	100.000	37.412	3.741.200.000	7,80%	20/05/2026	10
BID12603	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,15%	01/06/2026	8
BID12604	1.000.000.000	250	250.000.000.000	8,10%	04/06/2026	6
BID12605	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,10%	12/06/2026	6
BID12606	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,10%	19/06/2026	6
BID12607	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,10%	24/06/2026	6
BID12608	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	24/06/2026	10
BID12609	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,10%	26/06/2026	6
BID12610	1.000.000.000	2.000	2.000.000.000.000	8,25%	17/07/2026	6
BID12611	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,20%	20/07/2026	6
BID12612	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	27/07/2026	6
BID12613	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	29/07/2026	6
BID12614	1.000.000.000	50	50.000.000.000	8,20%	05/08/2026	6
BID12615	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	05/08/2026	14
BID2_RL19.18	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,38%	18/12/2019	15
BID2_RL20.14	1.000.000.000	500	500.000.000.000	7,95%	26/05/2020	15
BID2_RL20.35	1.000.000.000	230	230.000.000.000	7,70%	25/06/2020	15
BIDL12616	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	10/08/2026	6
BIDL12617	1.000.000.000	315	315.000.000.000	8,20%	17/08/2026	6
BIDL12618	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	21/08/2026	6
BIDL12619	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,00%	27/08/2026	20
BIDL12620	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	04/09/2026	14

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BIDL12622	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,20%	14/09/2026	6
BIDL12623	1.000.000.000	110	110.000.000.000	8,20%	17/09/2026	6
BIDL2035050	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,00%	29/10/2020	15
BIDL2035059	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,00%	24/09/2020	15
BIDL2035063	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,00%	19/10/2020	15
BIDL2035065	1.000.000.000	47	47.000.000.000	7,20%	14/10/2020	15
BIDC12625	100.000	10.999.554	1.099.955.400.000	8,15%	09/09/2026	7
BIDC12626	100.000	15.272.302	1.527.230.200.000	8,20%	09/09/2026	8
BIDC12627	100.000	8.533.300	853.330.000.000	8,15%	09/09/2026	10
Tổng		**88.139.869**	**82.283.938.900.000**			

Nguồn: BIDV

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh chính của BIDV bao gồm:

❖ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;

❖ Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;

❖ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

Bảng 5: Hoạt động kinh doanh của BIDV giai đoạn 2024 - 30/06/2026 theo sản phẩm dịch vụ

TT	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ đồng)			Tỷ trọng doanh thu (%)			Thu nhập thuần (tỷ đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)		
		2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	138.284	154.993	92.620	78,7	78,7	83,6	58.003	63.295	33.538	71,5	69,4	75,7
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	13.466	13.151	6.828	7,7	6,7	6,2	7.077	6.924	3.584	8,7	7,6	8,1
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	8.671	8.154	4.168	4,9	4,1	3,8	5.361	3.792	1.817	6,6	4,2	4,1
4	Thu nhập từ mua	460	1.123	440	0,3	0,6	0,4	285	719	109	0,4	0,8	0,2

TT	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ đồng)			Tỷ trọng doanh thu (%)			Thu nhập thuần (tỷ đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)		
		2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026	2024	2025	30/06/2026
	bán chứng khoán kinh doanh												
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.235	2.263	17	3,0	1,1	0,0	4.900	2.262	5	6,0	2,5	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	9.230	16.250	6.316	5,3	8,2	5,7	5.025	13.125	4.919	6,2	14,4	11,1
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	446	1.097	363	0,3	0,6	0,3	446	1.097	363	0,5	1,2	0,8
	Tổng cộng	**175.792**	**197.032**	**110.753**	**100**	**100**	**100**	**81.097**	**91.214**	**44.335**	**100**	**100**	**100**

Nguồn:

- *BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét*
- *Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

8.1.1. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên các nguyên tắc: Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ của NHNN trong từng thời kỳ; Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật và phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo nhu cầu nguồn vốn trong từng thời kỳ, BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài… Bên cạnh các sản phẩm truyền thống phục vụ tại quầy giao dịch, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng. Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- Tiền gửi thanh toán: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán gắn với nhiều dịch vụ tiện ích như dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền …

- Tài khoản thanh toán đặc biệt: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.

- Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:

  + Sản phẩm tiền gửi thông thường;

  + Tiền gửi Online: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua ứng dụng Smartbanking;

  + Nhóm sản phẩm tiền gửi tích luỹ: Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ tự động vào ngày mở tài khoản hàng tháng của khách hàng nhằm tích luỹ cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em "Lớn lên cùng yêu thương", Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiền gửi tích luỹ cho khách hàng doanh nghiệp;….

  + Tiền gửi như ý: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.

  + Tiền gửi tiết kiệm thông minh: Là sản phẩm tiền gửi có ngày đáo hạn tự động chuyển sang ngày làm việc tiếp theo nếu ngày đáo hạn của tài khoản trùng với ngày nghỉ/lễ để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng.

Bảng 6: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi của khách hàng	1.953.165	76,49	2.222.992	72,05	2.261.489	71,30
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	198.900	7,79	225.408	7,31	301.732	9,51
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	168.389	6,59	218.826	7,09	236.367	7,45
Tiền gửi và vay các TCTD khác	232.954	9,12	417.965	13,55	372.325	11,74
Tổng cộng	**2.553.408**	**100,0**	**3.085.191**	**100,0**	**3.171.913**	**100,0**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

Tiền gửi của khách hàng: Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động với hơn 2/3 tổng nguồn huy động vốn của BIDV trong giai đoạn 2024 –Quý II/2026.

Bảng 7: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng tiền gửi khách hàng		**1.953.165**	**2.222.992**	**2.261.489**
	Phân theo kỳ hạn *(%)*			
	Không kỳ hạn	19,47%	21,12%	20,12%
1	Tiền gửi có kỳ hạn	79,85%	78,19%	79,18%
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,43%	0,46%	0,46%
	Tiền gửi ký quỹ	0,25%	0,23%	0,24%
	Phân theo loại tiền *(%)*			
2	VND	93,13%	90.62%	90,21%
	Ngoại tệ	6,87%	9,38%	9,79%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp gần 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/06/2026 tiền gửi có kỳ hạn của BIDV đạt 1.790.591 tỷ đồng, tăng 52.498 tỷ đồng (tương đương tăng 3,02%) so với thời điểm 31/12/2025, tiếp tục duy trì tỷ trọng ở mức cao, giúp ngân hàng đảm bảo tính ổn định cao cho nguồn vốn trung và dài hạn. Tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn những năm gần đây ở mức 19%-21%, sự gia tăng quy mô và tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn là kết quả của việc triển khai nhất quán các biện pháp góp phần quan trọng trong việc tiết giảm chi phí vốn đầu vào, gia tăng hiệu quả ngân hàng.

Bảng 8: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Không kỳ hạn	380.289	469.555	455.009
Có kỳ hạn	1.559.610	1.738.093	1.790.591
Tiền gửi vốn chuyên dụng	8.397	10.327	10.371
Tiền gửi ký quỹ	4.869	5.017	5.518
Tổng	**1.953.165**	**2.222.992**	2.261.489

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV. Đến thời điểm 30/06/2026, tổng tiền gửi nội tệ là 2.040.006 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 90%, tăng 1,27% so với thời điểm cuối năm 2025.

Bảng 9: Huy động tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
VND	1.819.068	2.014.453	2.040.006
Ngoại tệ	134.098	208.539	221.483
Tổng	**1.953.165**	**2.222.992**	2.261.489

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

8.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2025, BIDV có tổng dư nợ cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư hợp nhất đạt 2.372.955 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

❖ Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tăng trưởng tín dụng của BIDV tại 31/12/2024 lần lượt đạt mức 15,66% và 15,71%, tại 31/12/2025 lần lượt đạt mức 15,41% và 15,28%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và trong giai đoạn tiếp theo là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng và theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV, đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

Bảng 10: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất						
Nợ ngắn hạn	1.332.622	64,81	1.441.586	60,75	1.516.451	60,6
Nợ trung hạn	104.835	5,10	164.058	6,91	168.606	6,7
Nợ dài hạn	618.626	30,09	767.311	32,34	816.750	32,6
Tổng	**2.056.082**	**100,00**	**2.372.955**	**100,00**	**2.501.807**	**100,00**
Theo BCTC riêng lẻ						
Nợ ngắn hạn	1.314.747	65,29	1.417.548	61,06	1.492.714	60,9
Nợ trung hạn	95.429	4,74	153.560	6,61	157.344	6,4
Nợ dài hạn	603.632	29,97	750.361	32,32	799.151	32,6
Tổng	**2.013.808**	**100,00**	**2.321.469**	**100,00**	**2.449.209**	**100,00**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét (riêng lẻ và hợp nhất)

❖ Chất lượng nợ cho vay và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2024 - 2025 ở mức dưới 2% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/06/2026, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 1,83% theo BCTC hợp nhất và 1,79% theo BCTC riêng lẻ. Phân loại nợ của BIDV tại thời điểm 30/06/2026 theo chất lượng như sau :

Bảng 11: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Theo BCTC hợp nhất						
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.992.589	96,93	2.306.515	97,20	2.425.507	97
Nợ cần chú ý	34.428	1,66	31.463	1,33	30.581	1,2
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.667	0,18	4.474	0,19	12.003	0,5
Nợ nghi ngờ	5.577	0,27	4.678	0,20	7.294	0,3
Nợ có khả năng mất vốn	19.820	0,96	25.825	1,09	26.422	1,1
Tổng cộng	**2.056.082**	**100,00**	**2.372.955**	**100,00**	**2.501.807**	**100,00**
Nợ xấu	29.036	1,41	34.977	1,47	45.719	1,83
Theo BCTC riêng lẻ						
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.953.130	96,99	2.257.565	97,25	2.375.827	97,0
Nợ cần chú ý	32.995	1,64	30.507	1,31	29.591	1,2
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.210	0,16	4.004	0,17	11.130	0,5
Nợ nghi ngờ	5.513	0,27	4.585	0,20	7.226	0,3
Nợ có khả năng mất vốn	18.960	0,94	24.807	1,07	25.435	1,0
Tổng cộng	**2.013.808**	**100,00**	**2.321.469**	**100,00**	**2.449.209**	**100,00**
Nợ xấu	27.683	1,37	33.396	1,44	43.791	1,79

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 (trình bày lại), 2025 và BCTC giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét (hợp nhất và riêng lẻ)

BIDV thực hiện việc phân loại nợ bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đồng thời theo phương pháp định lượng và định tính quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 31/2024/TT-NHNN (sau đây gọi là "Thông tư 31"). Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 31.

BIDV đã đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II, được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn. Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành các chính sách, quy định về khung quản lý rủi ro tổng thể (bao gồm khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro) và các loại rủi ro trọng yếu. BIDV cũng đã hoàn thiện các công cụ đo lường rủi ro hiện đại, theo dõi và giám sát chặt chẽ rủi ro. Mặt khác, công tác chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ tại BIDV góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro hướng tới các thông lệ quốc tế.

Bảng 12: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2024	22.713	15.258	37.970
31/12/2025	17.368	17.578	34.946
30/06/2026	16.169	18.526	34.695

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 (trình bày lại), 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ quý II/2026 đã soát xét

❖ Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 31/12/2024, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV đạt 283.258 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2025, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV là 332.647 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 319.437 tỷ đồng, các cam kết khác là 13.210 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/06/2026, tổng cam kết ngoại bảng của BIDV là 371.152 tỷ đồng (số liệu hợp nhất), trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 349.461 tỷ đồng, các cam kết khác là 21.691 tỷ đồng.

❖ Tỷ lệ an toàn vốn

BIDV luôn bảo đảm và đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Bảng 13: Tỷ lệ an toàn vốn của BIDV

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tỷ lệ an toàn vốn – Hợp nhất	9,03%	9,18%	10,01%
Tỷ lệ an toàn vốn – Riêng lẻ	8,78%	9,05%	9,84%

Nguồn:

- Số liệu 31/12/2024 và 31/12/2025: theo báo cáo CBTT định kỳ năm;

- Số liệu 30/06/2026: theo số liệu gửi NHNN theo chế độ BCTK.

8.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng "Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" do tạp chí Global Banking & Finance bình chọn năm 2017 & 2025; Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất" do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018, 2019, 2024; 02 năm liên tiếp (2022-2023) được The Asian Banker vinh danh với các giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam"; Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam" do Asian Banking & Finance bình chọn các năm 2022, 2023, 2024; 06 lần nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm

Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

Bảng 14: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.361	3.792	1.817

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

❖ Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp đa dạng dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (khách hàng doanh nghiệp lớn, khách hàng doanh nghiệp FDI, khách hàng cá nhân,...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh,phương thức giao dịch linh hoạt, nền tảng giao dịch hiện đại, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ…; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

❖ Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, quyền chọn giá cả hàng hóa… Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng "Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam" của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk, 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là "Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn", 3 lần liên tiếp (2022-2024) được tạp chí Asian Banking & Finance bình chọn là "Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh tốt nhất Việt Nam".

❖ Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV và chịu sự tác động của biến động kinh tế trong nước và quốc tế. Trong 06 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới tiếp tục chịu tác động từ

xung đột địa chính (Ucraina, Trung Đông, Iran, Mỹ), gián đoạn chuỗi cung ứng và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, ảnh hưởng đến thương mại và thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó biến động tỷ giá, chi phí logistic ở mức cao tại một số thời điểm và tâm lý thận trọng của doanh nghiệp trong hoạt động giao thương quốc tế cũng là những yếu tố ảnh hưởng bất lợi đến nhu cầu thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, môi trường kinh doanh quốc tế vẫn ghi nhận những yếu tố hỗ trợ tích cực như xu hướng phục hồi của hoạt động thương mại, nhu cầu xuất nhập khẩu từng bước cải thiện, lạm phát tại một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu hạ nhiệt cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng và doanh nghiệp. Nhờ đó các nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng ổn định. Trong tình hình phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu, 6 tháng đầu năm 2026 BIDV cũng đạt được sự tăng trưởng trong dịch vụ thanh toán so với cùng kỳ năm 2025, cụ thể: doanh số thanh toán trong nước đạt 60.151 nghìn tỷ đồng (tăng 178%), số lượng giao dịch đạt 2.054 triệu giao dịch (tăng 93,89%), doanh số thanh toán quốc tế đạt hơn 26.652 triệu USD trong đó riêng hoạt động chuyển tiền quốc tế đóng góp đáng kể với doanh số 49.328 triệu USD (tăng 77%), số lượng giao dịch đạt 291.504 giao dịch (tăng 10%), hoạt động tài trợ thương mại đạt 11.742 triệu USD (tăng 13,96%). BIDV đang đẩy mạnh mở rộng khách hàng xuất nhập khẩu, đa dạng hóa và số hóa dịch vụ thanh toán nhằm nâng cao trải nghiệm và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Bảng 15: Kết quả hoạt động thanh toán quốc tế của BIDV giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
	Giá trị	Tăng trưởng so với 2023	Giá trị	Tăng trưởng so với 2024	Giá trị	Tăng trưởng so với cùng kỳ 2025
Thanh toán trong nước						
Số lượng giao dịch (triệu)	1.566	+92%	3.518	124.7%	2.054	93,89%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	66.865	+30%	96.877	44,88%	60.151	178%
Thanh toán quốc tế và TTTM						
Doanh số chuyển tiền (triệu USD)	46.716	+1,80%	83.803	80%	49.328	77%
Doanh số TTTM (triệu USD)	22.458	+10,08%	20.656	(8.03)%	11.742	13.96%

Nguồn: BIDV

❖ Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 44 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối giao dịch 247 ngày với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, BIDV không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc triển khai các kênh giao dịch hiện đại như BIDV Payment Hub, Internet Banking, Mobile/Smartbanking, BIDV iBank/Direct,... BIDV Direct là nền tảng ngân hàng số hiện đại, cung cấp hệ sinh thái dịch vụ tài chính thông minh, an toàn, linh hoạt, tối ưu hóa quy trình giao dịch, đáp ứng toàn diện các nhu cầu giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó, BIDV còn

cung cấp các giải pháp ngân hàng chuyên biệt nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tối ưu quản trị tài chính, như: giải pháp quản lý dòng tiền; tài khoản định danh/ảo và kết nối hệ sinh thái ERP connection với hệ thống kế toán nội bộ của doanh nghiệp.

Với những kết quả ấn tượng về chuyển đổi số, trong thời gian qua, BIDV đã được nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế ghi nhận, vinh danh thông qua nhiều giải thưởng tiêu biểu như: "Ngân hàng chuyển đổi số xuất sắc" của Tạp chí Global Finance, "Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc" của Hội Truyền thông số Việt Nam và Tạp chí điện tử Viettimes, "Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu" của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG Việt Nam, Danh hiệu Sao Khuê của Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, "Giải pháp công nghệ số tiêu biểu" của Hội Truyền thông số Việt Nam...BIDV SmartBanking đã được trao giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2022 cho hạng mục "Sản phẩm, Giải pháp, Công nghệ số tiêu biểu"; giải pháp Payment Hub được nhận giải thưởng TOP 10 Sao Khuê 2024 và được ghi nhận là giải pháp thanh toán hiện đại và tối ưu nhất ở thời điểm hiện tại do BIDV tự nghiên cứu và xây dựng bằng 100% nguồn lực nội bộ. Những giải thưởng này không chỉ khẳng định vị thế tiên phong của BIDV trong lĩnh vực ngân hàng số, mà còn thể hiện sự đánh giá cao của cộng đồng chuyên môn đối với những nỗ lực đổi mới, ứng dụng công nghệ và nâng cao trải nghiệm khách hàng của ngân hàng trong thời gian qua.

❖ Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu

BIDV đã quyết liệt ứng dụng công nghệ số trong hệ thống thanh toán từ năm 2021, góp phần nâng cao năng suất lao động, hạn chế các thao tác thủ công, giúp khách hàng trải nghiệm không gian số với công nghệ tiên tiến. Trong thời gian qua, BIDV đã nâng cấp nhiều tính năng tiên tiến đối với sản phẩm chuyển tiền quốc tế trên chương trình iBank, BIDV Direct, Smartbanking để hỗ trợ cả hai nhóm đối tượng khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Đồng thời, BIDV đã phát triển thành công một số sản phẩm, dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại mới như:

- Hệ thống BIDV Trade Flat: Hệ sinh thái số toàn trình đầu tiên dành cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài trợ thương mại, khai báo hải quan và các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu trực tuyến thông qua trình duyệt web.

- ISO20022: Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam, top 30% ngân hàng trên thế giới, thực hiện thành công việc gửi/nhận, xử lý và lưu trữ điện swift MX native theo chuẩn ISO20022 đối với kênh thanh toán qua Swift từ 01/9/2023;

- Dịch vụ Swift Go: Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh, giá trị thấp cho nhiều loại tiền (USD/EUR) và dưới nhiều vai trò (NH chuyển tiền, NH hưởng) qua kênh Swift;

- Dịch vụ BIDV i-Swift: triển khai cổng tra cứu thông tin Swift GPI trên BIDV web portal trên cơ sở kết nối với kho dữ liệu BIDV-iSwift nhằm cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời về giao dịch CTQT qua Swift, gia tăng trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng;

- Dịch vụ BIDV i-Translation: triển khai cung cấp bộ giải pháp về triển khai chuẩn tin điện ISO20022 đa kênh cho các đơn vị trong hệ thống và hiện diện thương mại của BIDV tại hải ngoại, hỗ trợ các đơn vị tiết giảm chi phí và thời gian triển khai ISO20022, tối ưu hóa quy trình, tăng tỷ lệ xử lý tự động nhờ dữ liệu được chuẩn hóa.

- Dịch vụ Swift Score: Là NHTM đầu tiên tại Việt nam triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dựa trên kết nối SWIFT SCORE như Dịch vụ tổng hợp Sao kê TK, Dịch vụ thanh toán bảng kê qua Swift, Dịch vụ thanh toán theo điện chuyển tiền MT101/Pain.001 qua Swift cho các đối tượng khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài, khách hàng tổ chức có mã SWIFT CODE.

Với mạng lưới 1.200 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại, hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV luôn được xử lý an toàn, chính xác, nhanh chóng, đem lại sự hài lòng cho khách hàng. Hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV đã được nhiều tổ chức trong nước và ngân hàng đại lý nước ngoài đánh giá cao. BIDV liên tiếp nhiều năm nhận giải thưởng dành cho "Ngân hàng có tỷ lệ điện xử lý tự động STP cao nhất" của các ngân hàng lớn trên thế giới như: Bank of NewYork Mellon, ngân hàng Standard Charter Bank, JP Morgan Chase Bank, Wells Fargo Bank, Citibank... Trong hai năm liên tiếp 2023 và 2024, BIDV vinh dự được nhận giải Sao Khuê 2023 từ Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam đối với sản phẩm "Dịch vụ Chuyển tiền quốc tế đa kênh 24/7" và sản phẩm " Hệ thống Payment Hub – Trung tâm xử lý giao dịch thanh toán tập trung". Năm 2026, cùng với xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ của ngành tài chính – ngân hàng, BIDV tiếp tục nhận được hai giải Sao Khuê với sản phẩm "Giao dịch ngoại hối thông minh 4.0" và sản phẩm "BIDV SWIFT SCORE" giúp khẳng định thành công của BIDV trong việc nâng cao năng suất vận hành, phát triển sản phẩm dịch vụ và thúc đẩy đổi mới công nghệ.

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyển tiền của BIDV cũng được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng. Hệ thống phần mềm tác nghiệp Tài trợ thương mại được xây dựng mới, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để tăng trưởng về cả chất lượng, số lượng đối với dịch vụ Tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế. Không ngừng triển khai ứng dụng công nghệ tự động hóa trong trong tác nghiệp tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế.

BIDV đã nhận giải thưởng Ngân hàng đối tác hàng đầu tại Việt Nam năm 2023 tại sự kiện Lễ trao giải Chương trình Tài trợ thương mại và Chuỗi cung ứng do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tổ chức, qua đó tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong việc khai thác nguồn tài trợ với giá phí ưu đãi hơn cho các khách hàng doanh nghiệp, góp phần phát triển hoạt động tài trợ thương mại tại Việt Nam. Năm 2024, hoạt động tài trợ thương mại của BIDV nhận 3 giải thưởng: Ngân hàng đối tác hàng đầu trong giao dịch tài trợ thương mại một thập kỷ của ADB; Ngân hàng có giao dịch tài trợ xanh tốt nhất trong năm 2024 của ADB; Ngân hàng cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam do Asian Banker trao tặng.

8.1.4. Hoạt động ngân hàng đại lý

Là định chế tài chính lớn nhất Việt Nam về tổng tài sản với mạng lưới ngân hàng đại lý (NHĐL) rộng khắp thế giới, BIDV định hướng trở thành đối tác uy tín hàng đầu của các đối tác ngân hàng trong nước và quốc tế. Tính đến tháng 06/2026, BIDV đã thiết lập 2.300 quan hệ ngân hàng đại lý với các ngân hàng uy tín tại các thị trường rộng khắp trên toàn cầu.

Với nền tảng ngày càng hướng đến chuẩn mực quốc tế, xếp hạng tín nhiệm ở mức trần quốc gia, lợi thế về quy mô, vị thế và uy tín cao trong nước và quốc tế đã tạo thuận lợi cho BIDV trong phát triển nền khách hàng là Ngân hàng lớn, ổn định, luôn giữ thị phần hàng đầu trong quan hệ với NHĐL. Mô hình tổ chức quản lý khối ĐCTC&KDV được xây dựng và vận hành đầy đủ theo thông lệ thị trường tốt nhất, các hoạt động kinh doanh được triển khai, thực hiện bài bản. Sản

phẩm dịch vụ cung cấp cho các NHĐL được thực hiện chuyên nghiệp, uy tín, đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe của khách hàng NHĐL vốn có yêu cầu cao. BIDV được vinh danh là ngân hàng có tỷ lệ thanh toán đạt chuẩn STP cao bởi các ngân hàng J.P Morgan Chase, Wells Fargo, The Bank of New York Mellon, Citibank… trong nhiều năm.

Trong năm 2025, BIDV trở thành ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được công nhận là Tổ chức được công nhận (Accredited Entity) của Quỹ Khí hậu Xanh (Green Climate Fund – GCF), đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hội nhập vào hệ sinh thái tài chính khí hậu toàn cầu. Việc được công nhận không chỉ khẳng định BIDV đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khắt khe của GCF, mà còn củng cố vị thế là ngân hàng thương mại chủ lực, tiên phong trong thúc đẩy tăng trưởng xanh, mở ra cơ hội tiếp cận trực tiếp các nguồn vốn ưu đãi của GCF để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu, khuyến khích đổi mới sáng tạo xanh tại Việt Nam.

Cũng trong năm 2025, BIDV tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các định chế tài chính quốc tế, nhằm huy động nguồn vốn bền vững và đẩy mạnh triển khai tài chính xanh. BIDV đã ký kết thành công Hợp đồng Khoản vay trung dài hạn bền vững trị giá 250 triệu USD do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đầu mối thu xếp, với sự tham gia hợp vốn của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và nhóm các ngân hàng thương mại Đài Loan. Khoản vay nhằm hỗ trợ các KHDNNVV/KHDN siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp bền vững tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. Đồng thời, các hỗ trợ kỹ thuật và viện trợ kèm theo Khoản vay sẽ góp phần tăng cường khả năng triển khai tài chính xanh của BIDV tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

Đồng thời, BIDV tiếp tục củng cố quan hệ hợp tác song phương, tiêu biểu là việc ký kết Thỏa thuận hợp tác (MOU) về tài chính xanh với Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) trong khuôn khổ chương trình Cộng đồng Châu Á Phát thải ròng bằng 0 (AZEC), nhằm hỗ trợ các dự án chuyển dịch năng lượng và khử carbon tại Việt Nam, phù hợp với cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Bên cạnh đó, BIDV hợp tác chặt chẽ với Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) triển khai 02 hạn mức tín dụng xanh, bao gồm: (i) Hạn mức tín dụng xanh SUNREF 100 triệu USD tài trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; và (ii) Hạn mức tín dụng khí hậu 50 triệu EUR tài trợ các dự án giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Ngoài ra, AFD còn cung cấp cho BIDV các khoản hỗ trợ kỹ thuật nhằm tư vấn tăng cường năng lực quản lý rủi ro môi trường – xã hội. Các chương trình này cũng góp phần tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ BIDV và hỗ trợ nâng cao năng lực cho các khách hàng tham gia nguồn vốn.

Thông qua việc hợp tác với các định chế tài chính quốc tế hàng đầu, BIDV không chỉ mở rộng quy mô danh mục tín dụng xanh mà còn nâng cao chất lượng thẩm định và quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững tại Việt Nam.

Hoạt động nguồn vốn ủy thác nước ngoài:

BIDV đang huy động và quản lý phục vụ hơn 300 chương trình dự án NVUTNN từ Chính phủ các nước Đức, Thụy Sĩ, Nga, Pháp, Nhật Bản và các tổ chức Tài chính quốc tế lớn như WB, AFD, ADB, KFW, NIB, EIB, JICA với tổng giá trị cam kết 22,49 tỷ USD tương đương 587.000 tỷ đồng quy đổi, góp phần thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp thiết yếu của Việt Nam như than, điện, nước, cơ sở hạ tầng, chống biến đổi khí hậu, năng lượng xanh, phát triển bền vững, giúp cải

thiện đời sống, môi trường, nâng cao trình độ cho người dân, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong quá trình cho vay lại, phục vụ NVUTNN, BIDV đã triển khai giải ngân hiệu quả các nguồn vốn đến người vay cuối cùng, hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân được tiếp cận với các NVUTNN có điều kiện vay ưu đãi, thời gian vay dài để đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau theo chủ trương phát triển của Chính phủ.

Với ưu thế hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong phục vụ, cho vay lại các NVUTNN cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại, đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các chương trình/dự án đạt kết quả cao, BIDV luôn khẳng định vị thế là ngân hàng số một trong hoạt động NVUTNN tại Việt Nam, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các NVUTNN thành công.

8.2. Tài sản

8.2.1. Chi tiết các tài sản của BIDV tại thời điểm 30/06/2026

Bảng 16: Chi tiết tài sản cố định tại 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Theo BCTC riêng				
1. TSCĐ hữu hình	**16.502**	**(9.912)**	**6.590**	**40%**
Máy móc, thiết bị	6.835	(5.047)	1.788	26%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	225	(182)	43	19%
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	1.724	(1.333)	391	23%
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.573	(3.228)	4.345	57%
TSCĐ hữu hình khác	145	(122)	23	16%
2. TSCĐ vô hình	**8.440**	**(3.053)**	**5.387**	**64%**
Quyền sử dụng đất	5.187	(635)	4.552	88%
Phần mềm máy vi tính	3.251	(2.417)	834	26%
TSCĐ vô hình khác	2	(1)	1	50%
Tổng	**24.942**	**(12.965)**	**11.977**	**48%**

Nguồn: BCTC riêng lẻ giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

8.2.2. Một số tài sản lớn của BIDV tại thời điểm 30/06/2026

Bảng 17: Chi tiết một số tài sản lớn của BIDV tại 30/06/2026

Đơn vị: Triệu đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
QSD đất 50 năm tại Nguyễn Huệ, TP HCM	489.870	(150.354)	339.516	69,30%
QSD đất tại 74 Thợ Nhuộm, HN	416.718	0	416.718	100,00%
Trụ sở chính tại Tháp A 191 Bà Triệu HN	374.382	(188.319)	186.063	49,7%
QSD đất lâu dài tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP HCM	300.113	0	300.113	100,00%
QSD đất tại số 56-62 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, TP HCM	186.047	0	186.047	100,00%

Nguồn: BIDV

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

a. Quản lý rủi ro tín dụng

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro tín dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất để quản trị rủi ro tín dụng. Đến nay, mô hình quản lý rủi ro của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel. Trong toàn hệ thống BIDV từ Trụ sở chính đến các chi nhánh, cơ cấu tổ chức được thiết lập phù hợp, phân định rõ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của các bộ phận/các cá nhân liên quan theo mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng. Hệ thống văn bản chế độ trong hoạt động cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng được ban hành đầy đủ, thường xuyên được rà soát cập nhật đáp ứng quy định của NHNN (bao gồm Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018) cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

❖ Định hướng hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững phù hợp với phê duyệt của NHNN. Trong từng năm, Ngân hàng xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý … khác nhau để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong năm.

❖ Mô hình quản lý rủi ro

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Hội đồng Tín dụng trung ương, Hội đồng tín dụng cấp cao, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh căn cứ mức độ rủi ro của khoản cấp tín dụng, năng lực của các cấp thẩm quyền, khối lượng công việc phát sinh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) một số căn cứ khác như tỷ lệ hồ sơ trình TSC, địa bàn,.....

BIDV thiết lập và duy trì cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro tập trung trong hoạt động tín dụng tuân thủ nguyên tắc 03 tuyến bảo vệ độc lập của hệ thống kiểm soát nội bộ: (i) tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro; (ii) tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật; (iii) tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ.

BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương/Hội đồng tín dụng cấp cao trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Hội sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

❖ Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

BIDV không ngừng hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro thông qua việc (i) thường xuyên rà soát quy trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nền khách hàng của BIDV, (ii) xác định khẩu vị và chiến lược rủi ro từng thời kỳ, và (iii) triển khai các dự án nhằm tăng cường và hiện đại hóa việc quản trị rủi ro của Ngân hàng như xây dựng hệ thống công cụ đo lường rủi ro hiện đại…

Về quản trị danh mục tín dụng: Trên cơ sở chiến lược phát triển từng thời kỳ (định hướng kinh doanh, khách hàng và thị trường mục tiêu) BIDV đã xây dựng và ban hành chiến lược và khẩu vị rủi ro/giới hạn tín dụng theo ngành/lĩnh vực... nhằm mục tiêu đa dạng hóa danh mục tín dụng, kiểm soát rủi ro đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Theo đó BIDV đẩy mạnh cho vay đối với các ngành được đánh giá có triển vọng tốt, ngành được Chính phủ ưu tiên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc phân tán rủi ro, không tập trung vào một số ít ngành lĩnh vực, đồng thời hạn chế cho vay đối với các ngành có độ rủi ro cao và các ngành không phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế,...

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạn tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro.

❖ Công cụ quản lý rủi ro

BIDV đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thông qua việc xây dựng các công cụ phục vụ mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống như: Hệ thống thông tin quản lý (MIS); Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (liên tục cải tiến và hoàn thiện nhằm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro để thực hiện phân loại nợ và áp dụng các chính sách phù hợp)... Nhằm đáp ứng yêu cầu của NHNN và hướng theo thông lệ quốc tế, BIDV đã xây dựng triển khai các công cụ/ phần mềm trị rủi ro như: Kiểm tra sức chịu đựng (stress test) rủi ro tín dụng, tính tài sản có rủi ro... vào thực tiễn hoạt động của ngân hàng. Từ năm 2020 tới nay, BIDV cũng đã chủ động triển khai việc tính toán tổn thất dự kiến (ECL) và lập BCTC theo chuẩn mực quốc tế IFRS; Triển khai các báo cáo đánh giá hiệu quả dựa trên rủi ro và đưa các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dựa trên rủi ro vào các tiêu chí trong báo cáo xét duyệt cấp tín dụng, triển khai công tác định giá lãi suất dựa trên rủi ro…

BIDV thực hiện Phân loại nợ định kỳ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 31/2024/NHNN của NHNN, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu

chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

BIDV thực hiện trích dự phòng rủi ro theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 của Chính Phủ, cụ thể, dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định:

STT	Hạng	Nhóm nợ	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	AA+			
3	AA			
4	AA-			
5	A+			
6	A			
7	A-			
8	BBB			
9	BB+			
10	BB			
11	BB-	Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
12	B			
13	D1	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
14	D2	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
15	D3	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống. Các thông tin về danh mục tín dụng, chất lượng tín dụng…đều được báo cáo Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo định kỳ hoặc đột xuất.

b. Quản lý rủi ro thanh khoản

BIDV triển khai quản lý rủi ro thanh khoản theo đúng các quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

- Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện tập trung tại trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.

- Về văn bản chế độ: Hệ thống văn bản chế độ về quản lý rủi ro thanh khoản được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ phương pháp, mô hình đo lường rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

- Về công cụ quản lý: Bên cạnh các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn thiết lập giới hạn đối với hệ thống chỉ tiêu nội bộ và dấu hiệu và xây dựng bộ chỉ tiêu nhận dạng căng thẳng thanh khoản; thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo hàng ngày để đưa ra các cảnh báo kịp thời. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp. BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng cho một số sản phẩm chính để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro thanh khoản.

- Về hệ thống CNTT phục vụ QLRR: Hệ thống quản lý tài sản nợ có (Hệ thống ALM) triển khai chính thức hỗ trợ đo lường rủi ro thanh khoản toàn diện, hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn Basel III.

c. Quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng

Công tác quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng được BIDV triển khai theo đúng các quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

- Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng được thực hiện tập trung tại trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.

- Về văn bản chế độ: Hệ thống văn bản chế độ về quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ phương pháp luận, mô hình đo lường rủi ro lãi suất sổ ngân hàng, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp có rủi ro xảy ra.

- Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức (LCS), ngưỡng cảnh bảo cho các chỉ tiêu QLRR lãi suất sổ ngân hàng phù hợp với yêu cầu tại Thông tư 13. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro lãi suất sổ ngân hàng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng, đồng thời thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về vốn. Đồng thời, BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng cho một số sản phẩm chính để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng.

- Về hệ thống CNTT phục vụ QLRR: Hệ thống quản lý tài sản nợ có (Hệ thống ALM) triển khai chính thức hỗ trợ đo lường rủi ro lãi suất sổ ngân hàng toàn diện, hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn Basel III.

d. Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường, rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh được xác định thuộc các loại rủi ro trọng yếu cần quản lý theo quy định của NHNN. Các loại rủi ro này được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tại BIDV. Công tác quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai, cụ thể:

- Về mô hình quản lý: Quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh được thực hiện tập trung tại Trụ sở chính theo mô hình 3 tuyến bảo vệ.

- Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản chế độ hệ thống, đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, thực hiện rà soát các văn bản hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế

- Về công cụ quản lý: BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức, giới hạn kiểm soát rủi ro thị trường, rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh (LCS) bao gồm đầy đủ các hạn mức và ngưỡng cảnh báo sớm cho từng danh mục/sản phẩm, đồng thời nghiên cứu, áp dụng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường, rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh đáp ứng yêu cầu NHNN và phù hợp theo thông lệ Basel bao gồm Trạng thái rủi ro; Lãi/lỗ thực tế và dự kiến; Độ nhạy (BPV, thời lượng, độ lồi, Greeks); Giá trị chịu rủi ro (VaR); Kiểm tra sức chịu đựng (Stresstest); vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư hướng dẫn của NHNN, các tỷ lệ đo lường mức độ tập trung theo sản phẩm, đối tác, loại tiền. Ngoài ra, BIDV đã chủ động nghiên cứu các phương pháp tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Basel III, nghiên cứu xây dựng cơ chế cảnh báo sớm yếu tố rủi ro thị trường và rà soát giá thị trường của các giao dịch KDV&TT, HHI và vốn yêu cầu cho rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh

e. Quản lý rủi ro tín dụng đối tác

Rủi ro tín dụng đối tác được xác định thuộc các loại rủi ro trọng yếu cần quản lý theo quy định của NHNN, theo đó được theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tại BIDV. Công tác quản lý rủi ro tín dụng đối tác được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong triển khai, cụ thể:

- Về mô hình quản lý: BIDV thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tín dụng đối tác theo mô hình 3 tuyến bảo vệ; thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức rủi ro tín dụng đối tác cho đối tác/ khách hàng và cơ chế theo dõi, giám sát.

- Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ các văn bản chế độ hệ thống, đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, thực hiện rà soát các văn bản hàng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.

- Về công cụ quản lý: BIDV thực hiện nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro và báo cáo theo đúng quy định của NHNN và đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ: đo lường và ước tính TSCRR TDĐT định kỳ theo hướng dẫn của NHNN; kiểm tra sức chịu đựng (stresstest) về vốn cho RRTDĐT; đo lường RRTDĐT theo phương pháp SA-CCR tại Basel III; quản lý hạn mức tiền thanh toán và hạn mức thanh toán của khách hàng/đối tác cho các giao dịch ngoại tệ, phái sinh theo thông lệ tiên tiến.

f. Quản lý rủi ro hoạt động

Công tác quản lý rủi ro hoạt động tại BIDV được thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình hoạt động thực tế:

- Về mô hình quản lý: BIDV thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động theo mô hình 3 tuyến bảo vệ; Thiết lập khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động và cơ chế theo dõi, giám sát.

- Về văn bản chế độ: BIDV đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chế độ. Các văn bản được rà soát hằng năm nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định của NHNN và phù hợp thực tế.

- Về công cụ quản lý: BIDV triển khai hệ thống các công cụ quản lý rủi ro hoạt động (Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động - RCSA, chỉ số rủi ro trọng yếu - KRI, thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất rủi ro hoạt động - LDC, sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập, thí điểm sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ). Triển khai thí điểm phương pháp tích hợp kết quả triển khai các công cụ và xếp hạng rủi ro hoạt động. Triển khai quản lý rủi ro hoạt động đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; quản lý rủi ro hoạt động đối với hoạt động thuê ngoài; xây dựng, triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục và mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động; Triển khai tính vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN và xây dựng lộ trình triển khai đáp ứng Thông tư 14/2025/TT-NHNN; kiểm tra sức chịu đựng về vốn theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Xây dựng lộ trình triển khai đáp ứng Thông tư 83/2025/TT-NHNN.

- Về triển khai Văn hóa kiểm soát rủi ro: BIDV đã và đang triển khai VHKSRR đồng bộ, xuyên suốt theo định hướng và chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.

- Về hệ thống CNTT và báo cáo: BIDV đã ứng dụng các hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý, xây dựng chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

g. Quản lý rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đổ vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

- Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;

- Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;

- Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;

- Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;

- Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;

- Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;

- ❖ Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chồng chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

- ❖ Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

h. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

BIDV tiếp tục củng cố năng lực quản lý rủi ro theo hướng hiện đại và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, đồng thời nâng cao mức độ an toàn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Ngân hàng duy trì cách tiếp cận quản trị rủi ro toàn diện, vận hành đồng bộ trên tất cả các mảng hoạt động và thường xuyên cập nhật những thông lệ tiên tiến để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững. Với trọng tâm là quản trị rủi ro tín dụng, BIDV chú trọng hoàn thiện khung quản lý rủi ro, duy trì nguyên tắc độc lập và tập trung đáp ứng quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời chủ động thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản và chính sách cấp tín dụng nhằm nâng cao mức độ an toàn và hiệu quả.. Kết quả của quá trình này thể hiện rõ qua việc ngân hàng triển khai chương trình cảnh báo sớm rủi ro tín dụng, giúp phát hiện kịp thời các dấu hiệu rủi ro và góp phần giảm thiểu tổn thất tiềm ẩn.

Song song với đó, BIDV từng bước triển khai lộ trình áp dụng Basel III trên nền tảng đã đáp ứng sớm chuẩn mực Basel II theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN, đồng thời đổi mới mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp FIRB nhằm nâng cao khả năng định lượng rủi ro, tối ưu phân bổ vốn và tăng cường năng lực chống chịu trước biến động thị trường. Các công cụ quản lý rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường cũng tiếp tục được nghiên cứu, cải tiến và triển khai theo hướng hiện đại hóa, tạo ra sự chuyển đổi tích cực trong công tác kiểm soát nội bộ và giám sát rủi ro. Việc trang bị nền tảng phần mềm đáp ứng chuẩn mực IFRS9 cũng đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc chuẩn hóa báo cáo tài chính, làm nền tảng cho hoạt động quản lý rủi ro hiện đại, chuyên nghiệp, hướng đến thông lệ quốc tế và chuẩn mực tốt..

Bên cạnh các giải pháp kỹ thuật, BIDV còn chú trọng hoàn thiện thể chế và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong điều hành hoạt động tín dụng, qua đó nâng cao chất lượng quản lý và khả năng phản ứng chính sách. Những nỗ lực này kết hợp với việc tối ưu danh mục tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản và tăng cường thu hồi – xử lý nợ đã giúp BIDV duy trì tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi kiểm soát và đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định.

Tổng thể, các biện pháp được triển khai giai đoạn này cho thấy BIDV đã thực hiện quản lý rủi ro một cách bài bản, có hệ thống và phù hợp định hướng phát triển bền vững. Sự kết hợp giữa nâng cấp mô hình quản trị, ứng dụng công cụ đo lường tiên tiến, tăng cường cảnh báo sớm và hoàn thiện thể chế đã góp phần nâng cao năng lực quản trị rủi ro, củng cố mức độ an toàn vốn và tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo.

8.4. Thị trường hoạt động

a. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện

Là một trong bốn ngân hàng thương mại có mạng lưới rộng nhất Việt Nam, BIDV có địa bàn kinh doanh trải dài và mạng lưới rộng khắp, phủ kín 34 tỉnh/thành phố trên cả nước với tổng số điểm mạng lưới đến thời điểm hiện tại gồm:

- 01 Trụ sở chính tại Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- 175 Chi nhánh tại Việt Nam; 1 Chi nhánh ở nước ngoài (tại Myanmar);
- 927 Phòng Giao dịch;
- 02 Đơn vị Sự nghiệp (Trung tâm Công nghệ Thông tin, Trường Đào tạo Cán bộ BIDV);
- 02 Văn phòng Đại diện tại Việt Nam (TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng);
- 04 Văn phòng Đại diện ở nước ngoài (Campuchia, Lào, Đài Loan, Liên Bang Nga).

Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình tổ chức, doanh nghiệp.

b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Về mạng lưới khách hàng:

- Khách hàng doanh nghiệp lớn

Phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn của BIDV là các khách hàng có doanh thu bình quân 2 năm gần nhất trên 2.000 tỷ đồng hoặc giới hạn cấp tín dụng của khách hàng/Nhóm KHLQ trên 3.000 tỷ đồng. Theo đó, BIDV đã tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế chính sách khách hàng linh hoạt phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Đến 31/12/2025, BIDV đang có 3.439 khách hàng doanh nghiệp lớn trong đó tập trung chủ yếu ở địa bàn Hà Nội (1.160 khách hàng), địa bàn TP. Hồ Chí Minh (843 khách hàng). Trong 3.439 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (552 khách hàng), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (336 khách hàng), Xây dựng công trình dân dụng (257 khách hàng).

- Khách hàng doanh nghiệp MIDCOM

Phân khúc KHDN MIDCOM của BIDV là các khách hàng có doanh thu từ 500 – 2.000 tỷ đồng. Đây là phân khúc khách hàng được BIDV phân tách từ nhóm KHDNL cũ để có thể xây dựng các chính sách, cơ chế ưu đãi với đặc thù của nhóm khách hàng này. Đến 30/06/2026, BIDV có 6.171 khách hàng MIDCOM, trong đó có 4.753 KHDN active (có TNT quý 2/2026 >0) trong đó tập trung vào địa bàn Hà Nội (1.561khách hàng), địa bàn TP Hồ Chí Minh (1.003 khách hàng). Trong 4.753 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Bán buôn (1.252 khách hàng), KD BDS (387 khách hàng), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (385 khách hàng).

- Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)

+ Về số lượng khách hàng DNNVV: Tính đến thời điểm 30/06/2026, số lượng KHDNNVV tại BIDV (bao gồm cả đơn vị hành chính sự nghiệp) đạt 503.537 khách hàng.

+ Về địa bàn: Khách hàng DNNVV của BIDV trải rộng cả 03 miền Bắc – Trung – Nam. Trong đó, khu vực Hà Nội là địa bàn có số lượng KH lớn nhất với 105.249 khách hàng (chiếm 20,9% SLKH SME), tiếp theo là địa bàn Ngoài Hà Nội & Đồng Bằng Sông Hồng với số lượng KH lên tới 70.819 khách hàng (chiếm 14,1% SLKH SME), đứng cuối cùng là khu vực Tây Nguyên với số lượng KH SME ở mức 29.504 khách hàng (chiếm 5,9% SLKH SME).

+ Về ngành nghề kinh doanh: Hiện BIDV đang có quan hệ với các khách hàng DNNVV ở đa dạng các ngành nghề khác nhau. Trong đó khách hàng hoạt động tập trung chủ yếu trong các ngành nghề như Bán buôn, bán lẻ (gồm 124.919 khách hàng, chiếm tỷ trọng 24,8%), Xây dựng (gồm 78.393 khách hàng, chiếm tỷ trọng 15,6%), Công nghiệp chế biến, chế tạo (gồm 60.027 khách hàng, chiếm tỷ trọng 11,9 %) và các ngành nghề khác.

- Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài (FDI).

Hiện nay, số lượng khách hàng FDI tại BIDV là 10.790 khách hàng từ nhiều quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Thái Lan… Mạng lưới khách hàng FDI của BIDV trải rộng trên toàn quốc, tập trung tại các địa bàn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như TP. Hồ Chí Minh (3.201 khách hàng chiếm tỷ trọng 29,7%), Hà Nội (1.490 khách hàng chiếm tỷ trọng 13,8%), Bắc Ninh (1.467 khách hàng chiếm tỷ trọng 13,6%),... Ngành nghề kinh doanh của khối khách hàng FDI đa dạng, trong đó một số ngành nghề nổi bật, thu hút nhiều vốn đầu tư như công nghiệp sản xuất, chế biến, chế tạo (47%), bán buôn (18%), xây dựng (5%), kinh doanh bất động sản (3%)…

- Khách hàng Định chế tài chính (ĐCTC): bao gồm 2.954 khách hàng tại Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, được chia thành các nhóm khách hàng như sau:

+ ĐCTC là Tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC 38 NH Việt Nam: trong đó gồm 01 NHTM quốc doanh, 33 NHTM Cổ phần, 01 Ngân hàng liên Doanh, 01 Ngân hàng hợp tác xã, 02 Ngân hàng Chính sách; 15 Công ty tài chính và Công ty tài chính tiêu dùng; 3 Công ty cho thuê tài chính; 608 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và 43 tổ chức tài chính vi mô; và ĐCTC nước ngoài: 1.201 ngân hàng đại lý trên toàn thế giới.

+ ĐCTC phi tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC Việt Nam đặc biệt: BHXH, Bộ Tài Chính, Hải Quan, Kho Bạc Nhà nước, các Quỹ ngoài ngân sách…

+ ĐCTC thương mại: Các công ty chứng khoán (142 khách hàng), Công ty bảo hiểm (200 khách hàng), Công ty Quản lý quỹ và các quỹ đầu tư (309 khách hàng),…

+ ĐCTC là tổ chức đa phương & ngân hàng phát triển: Quỹ khí hậu xanh (GCF), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC), JBIC, JICA, KDB, AIIB, CDP, CDB, Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc - ASEAN (CAIBA), Cơ quan phát triển Pháp (AFD)…

- Khách hàng cá nhân:

Tính đến 30/06/2026, BIDV đã đạt hơn 26,5 triệu khách hàng cá nhân, chiếm hơn 26% dân số cả nước, trong đó 34% số lượng khách hàng tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh (Hà Nội 20%, TP Hồ Chí Minh 14%). Tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân giai đoạn 2020-2025 đạt 13,6%/năm; 6 tháng đầu năm 2026 khách hàng cá nhân tăng trưởng ~5% so với 31/12/2025.

Về sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng:

- Khách hàng doanh nghiệp:

+ Sản phẩm cho vay: BIDV hiện đang có rất nhiều nhóm sản phẩm tín dụng đa dạng. Trong đó bao gồm nhóm sản phẩm liên quan tới lãi suất và kỳ hạn cho vay (ngắn hạn và vay trung dài hạn), các sản phẩm tín dụng, cơ chế đặc thù cho từng quy mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (cơ chế cấp tín dụng đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, cơ chế tín dụng đặc thù dành cho khách hàng DNNVV, sản phẩm tài trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, Tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành), các gói tín dụng ưu đãi lãi suất cho khách hàng doanh nghiệp…

+ Sản phẩm tiền gửi: Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV (tiền gửi như ý, như sản phẩm tiền gửi đặc thù dành cho các khách hàng Sở kế hoạch đầu tư, Văn phòng tỉnh uỷ, Ban quản trị nhà chung cư, Cục/chi cục thi hành án, công đoàn cơ sở của các trường học, đơn vị hành chính sự nghiệp khác...).

+ Các sản phẩm dịch vụ khác: ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng, BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp. Ngoài các sản phẩm về tài trợ thương mại như cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, Tài trợ nhập khẩu theo hợp đồng khung, Thanh toán CAD, Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng hoặc các sảm phẩm thanh toán và quản lý tiền tệ như: Thanh toán lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank/Direct (bao gồm QLDT, KSDT),…. , lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank/Direct (bao gồm QLDT, KSDT),…., BIDV đang tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ thanh toán, thu hộ với hàm lượng công nghệ cao đặc biệt được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng như Thu hộ qua Tài khoản định danh (Virtual Account), Thu hộ qua phí, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, truyền hình cáp, thanh toán lương, nộp thuế điện tử và các dịch vụ thành toán không dùng tiền mặt khác nhằm tăng thu phí dịch vụ và thu hút nguồn tiền gửi không kỳ hạn với chi phí thấp của khách hàng DNNVV. Trong đó đặc biệt BIDV đã triển khai Dịch vụ cung cấp tài khoản online cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Sở KHĐT TP. Hà Nội - đây là một dịch vụ mới, chưa từng được thực hiện tại BIDV cũng như tại các Sở KHĐT trong cả nước.

- Khách hàng Định chế Tài chính:

+ Với mạng lưới đối tác phủ rộng trên nhiều thị trường, BIDV tự hào là ngân hàng cung cấp đa dạng và chuyên nghiệp các sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng Định chế tài chính, đặc biệt trên mảng nghiệp vụ CTQT/TTTM, giúp các ngân hàng nội địa tiếp cận mạng lưới thanh toán toàn cầu, tăng cường uy tín trên thị trường quốc tế. Các sản phẩm được thiết kế may đo cho các ngân hàng bao gồm: Bảo lãnh trên cơ sở bảo lãnh đối ứng; Phát hành bảo lãnh quốc tế; Xác nhận thư tín dụng/thư tín dụng dự phòng; Tài trợ Upas/Upau L/C và Trade Loan; Nhận ủy thác phát hành thư tín dụng…

+ Là ngân hàng đi đầu trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho thị trường chứng khoán Việt Nam, BIDV đã chứng minh năng lực vượt trội thông qua các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho thị trường bao gồm: Dịch vụ Ngân hàng lưu ký giám sát, Dịch vụ Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán cơ sở và Dịch vụ thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities). Các dịch vụ do BIDV cung cấp cho thị trường đã đóng góp quan trọng vào sự vận hành và phát triển của của thị trường chứng khoán Việt Nam, tối ưu hóa trải nghiệm giao dịch của khách hàng.

- Khách hàng cá nhân:

BIDV tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ. BIDV không ngừng đổi mới, sáng tạo và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính đột phá, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng qua những giải pháp số hóa tiên tiến. Với chiến lược vững chắc, BIDV không chỉ duy trì sự tin tưởng của khách hàng hiện tại mà còn mở ra tương lai phát triển bền vững, góp phần kiến tạo một hệ sinh thái tài chính hiện đại và linh hoạt.

+ BIDV SmartBanking - Hệ sinh thái tài chính số toàn diện

Ngân hàng số BIDV SmartBanking ngày càng hoàn thiện, đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của khách hàng chỉ trong vài thao tác đơn giản. Không chỉ dừng lại ở các dịch vụ giao dịch truyền thống, SmartBanking liên tục cập nhật các tính năng thông minh như nộp thuế trực tuyến, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ quỹ, mở tài khoản số đẹp theo phong thủy với tư vấn từ AI, tính năng quản lý bán hàng, quản lý tài chính, xuất hóa đơn và nộp thuế dễ dàng cho khách hàng tiểu thương. Đồng thời, ngân hàng liên tục hợp tác với các đối tác lớn để mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái tiện ích tài chính và phi tài chính hấp dẫn, đa dạng cho khách hàng như Data 4G, Voucher Dealtoday, Mua sắm hoàn tiền, Vietlott SMS, Dịch vụ Golf… Bên cạnh hệ sinh thái sản phẩm số, SmartBanking còn mang đến trải nghiệm khách hàng vượt trội đa kênh liền mạch với các tính năng có hàm lượng công nghệ cao như: Chatbot AI trả lời tự động các thắc mắc của khách hàng; Ứng dụng công nghệ gamification với trò chơi Đón Mã du xuân giúp gia tăng tương tác với khách hàng, mang lại hình ảnh ngân hàng thân thiện với người sử dụng.

Thông qua việc ra mắt giải pháp MyShop Pro được tích hợp ngay trên ứng dụng BIDV SmartBanking, BIDV hỗ trợ khách hàng hộ kinh doanh và tiểu thương có thể quản lý toàn diện hoạt động kinh doanh trên một nền tảng duy nhất, từ quản lý hàng hóa, đơn hàng, doanh thu, chi phí, công nợ đến theo dõi kết quả kinh doanh theo thời gian thực. Bên cạnh đó, MyShop Pro hỗ trợ xuất hóa đơn điện tử, sổ sách kế toán và nộp thuế thuận tiện, giúp khách hàng đáp ứng các quy định mới về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

+ Tín dụng xanh – Đón đầu xu thế

Hưởng ứng Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tín dụng xanh, bền vững được BIDV xác định là một trong các mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong chiến lược kinh doanh dài hạn. Song song với đó là hoạt động chuyển đổi số và số hóa toàn bộ các sản phẩm tín dụng tại BIDV. Năm 2024, BIDV đẩy mạnh số hóa toàn bộ quy trình tín dụng, mang lại cho khách hàng trải nghiệm giao dịch nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm chi phí, với các ứng dụng như BIDV Home 3.0, RLOS và Smart Banking cho phép khách hàng giao dịch xuyên suốt 24/7. Riêng đối với lĩnh vực xanh, BIDV đã triển khai các gói tín dụng cho vay hỗ trợ khách hàng cá nhân SXKD nông nghiệp công nghệ cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp như VietGap, GlobalGap, OCOP… hướng đến mục tiêu phát triển tín dụng bền vững. Đồng thời, BIDV cũng tăng cường hợp tác với các hãng xe ô tô điện lớn trong và ngoài nước như Vinfast, BYD triển khai các chính sách cho vay KHCN mua xe ô tô điện.

+ Thẻ BIDV – Khám phá trải nghiệm cá nhân hóa, dẫn lối phong cách sống tinh hoa

Với thông điệp "Thật đáng giá", mỗi một sản phẩm dịch vụ thẻ BIDV đều được chú trọng đầu tư nghiên cứu tỉ mỉ ứng dụng công nghệ số để thiết kế riêng biệt theo hành vi khách hàng, mang lại sự phù hợp nhất đối với từng phân khúc khách hàng trong các lĩnh vực được quan tâm như: Sản phẩm thẻ Ghi nợ quốc tế BIDV Mastercard Moneyverse – sản phẩm tài chính giáo dục đầu tiên hướng đến đào tạo thế hệ trẻ có tri thức trong kiểm soát "quỹ đạo chi tiêu", mở ra hành trình hoàn thiện bản thân, mang trong mình bản sắc của sinh viên Việt Nam; Sản phẩm thẻ Tín dụng quốc tế BIDV JCB Well-being tiên phong trên thị trường chăm sóc sức khỏe toàn diện là công cụ tài chính mang lại trải nghiệm tận hưởng trọn vẹn hành trình chăm sóc thân - tâm - trí với những đặc quyền riêng.

Đặc biệt, BIDV tiếp tục chú trọng phát triển dòng thẻ tín dụng quốc tế cao cấp với thẻ Tín dụng quốc tế "BIDV Mastercard World Travel" - dòng thẻ cao cấp đầu tiên định hình giá trị vượt trội mang tới khách hàng yêu du lịch trải nghiệm, khám phá thế giới và tận hưởng dịch vụ sống phong cách. Sản phẩm không chỉ là công cụ thanh toán mà còn là chìa khóa mở ra Hành trình trải nghiệm độc bản - trải nghiệm du lịch độc đáo, mang đậm dấu ấn cá nhân và bản sắc riêng của mỗi người. Trong xu thế số hóa mạnh mẽ, BIDV không ngừng nâng cấp các giải pháp thanh toán hiện đại, đa nền tảng. Việc triển khai Apple Pay, Google Pay với các dòng thẻ VISA, JCB, Mastercard đã giúp khách hàng tiếp cận công nghệ thanh toán nhanh chóng, an toàn và tiện lợi. Bên cạnh đó, thẻ tín dụng online cho phép khách hàng dễ dàng đăng ký và sử dụng mà không cần đến quầy giao dịch, mang đến trải nghiệm liền mạch và tối ưu trên nền tảng số. Với những bước tiến đột phá trong chiến lược phát triển sản phẩm và ứng dụng công nghệ hiện đại, BIDV tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trên thị trường thẻ, mang đến cho khách hàng những giá trị vượt trội và nâng tầm trải nghiệm thanh toán trong kỷ nguyên số.

Đầu năm 2026, BIDV tiếp tục ghi dấu ấn trên thị trường khi ra mắt BIDV JCB Hybrid - dòng thẻ đa năng đầu tiên của BIDV tích hợp đồng thời chức năng thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ tín dụng quốc tế trên cùng một phôi thẻ và một số thẻ duy nhất. Sản phẩm được phát triển nhằm đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện đại, mang đến trải nghiệm tài chính liền mạch và tối ưu cho khách hàng thông qua ba giá trị cốt lõi: (i) Linh hoạt - tích hợp hai nguồn chi tiêu ghi nợ và tín dụng trên cùng một thẻ, cho phép khách hàng sử dụng ngay hạn mức tín dụng khi được cấp mà không cần phát hành thêm thẻ mới; (ii) Quản lý thông minh - hệ thống tự động phân luồng giao dịch theo kênh thanh toán và thiết lập ưu tiên sử dụng nguồn tiền phù hợp với nhu cầu của khách hàng; và (iii) Tối ưu chi phí - chính sách phí cạnh tranh, miễn phí thường niên trọn đời khi đáp ứng điều kiện chi tiêu theo quy định,

góp phần giảm chi phí sở hữu và khuyến khích khách hàng tiếp cận các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Việc phát triển thành công dòng thẻ Hybrid tiếp tục khẳng định năng lực đổi mới sáng tạo của BIDV trong nghiên cứu, thiết kế và triển khai các sản phẩm tài chính hiện đại, đồng thời thể hiện định hướng tiên phong trong chuyển đổi số, đa dạng hóa giải pháp thanh toán và nâng cao trải nghiệm khách hàng, góp phần củng cố vị thế của BIDV trên thị trường dịch vụ thẻ tại Việt Nam

+ Triển khai, cải tiến sản phẩm dịch vụ tiền gửi, thúc đẩy tăng trưởng CASA

BIDV không ngừng phát triển và cá nhân hóa các sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng nhóm khách hàng. BIDV luôn lắng nghe và hiểu rõ sở thích, nhu cầu của từng đối tượng để mang đến những giải pháp tài chính tối ưu nhất.

Các sản phẩm tiền gửi của BIDV được thiết kế linh hoạt, từ tính năng đáo hạn vào ngày nghỉ lễ, đến các tài khoản hội nhóm hỗ trợ cá nhân quản lý quỹ, hay tiền gửi online dành cho khách hàng quốc tế, cung cấp các sản phẩm đặc biệt cho đối tượng an sinh xã hội, đều nhằm tối ưu hóa lợi ích và sự tiện dụng. Đối với khách hàng tiểu thương, BIDV mang đến các tiện ích như phần mềm quản lý bán hàng Myshop Pro, chia sẻ biến động số dư qua OTT, kết nối dịch vụ thu hộ qua QR shop, đồng thời cung cấp các gói vay kinh doanh ưu đãi để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Đối với khách hàng nhận lương thông qua tài khoản BIDV, khách hàng sẽ được hưởng các sản phẩm vay lương và chương trình loyalty đặc biệt dành riêng cho nhóm khách hàng này.

+ Tiên phong mang đến những giải pháp tài chính đa dạng, khác biệt và cạnh tranh dẫn đầu thị trường dành cho khách hàng cao cấp

Bên cạnh xây dựng danh mục sản phẩm dịch vụ đa dạng, cạnh tranh dẫn đầu thị trường về các sản phẩm ngân hàng truyền thống, đầu tư, bảo vệ và tư vấn chuyên biệt (du học, định cư, đầu tư ra người ngoài…), BIDV tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong với các giải pháp tài chính đột phá, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng cao cấp. Nổi bật là BIDV Women & Wealth, P-Fund và CD Flex, giúp tối ưu dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư và đảm bảo lợi nhuận bền vững: BIDV Women & Wealth – giải pháp tài chính toàn diện dành cho nữ doanh nhân và khách hàng nữ thành đạt, P-Fund- giải pháp ủy thác đầu tư cấu trúc dành cho khách hàng sở hữu tài sản lớn và CD Flexsản phẩm tiền gửi linh hoạt với lãi suất hấp dẫn, phù hợp khách hàng có nhu cầu tối ưu nguồn vốn ngắn hạn.

Nâng tầm hợp tác với Edmond de Rothschild, BIDV là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam mang đến khách hàng cơ hội tiếp cận dịch vụ ngân hàng tại Thụy Sĩ, mở ra triển vọng đầu tư đa dạng và đầy tiềm năng. BIDV cũng là ngân hàng đầu tiên tổ chức chuỗi sự kiện chuyên biệt về đầu tư kết hợp với các đối tác trong và ngoài nước như Global Insight, Elevation Talks, Investor Days cung cấp những phân tích chuyên sâu về kinh tế vĩ mô cho khách hàng cao cấp, mang đến các giải pháp đầu tư "may đo" phù hợp với nhu cầu và khẩu vị riêng biệt của từng cá nhân với mục tiêu phát triển tài sản bền vững. Bên cạnh đó, BIDV phối hợp Edmond de Rothschild tổ chức sự kiện đầu tư kết hợp thưởng rượu vang độc quyền "The taste of time", mở ra cơ hội đầu tư vào các kiệt tác rượu vang và mang đến trải nghiệm đẳng cấp xứng tầm.

BIDV khẳng định năng lực cung cấp dịch vụ Private Banking với lực lượng Private Banker duy nhất tại Việt Nam được đào tạo bài bản bởi các đối tác quốc tế như Singapore WMI, Edmond de Rothschild. Ghi nhận những nỗ lực trên, năm 2025 Tạp chí The Asian Banker (Singapore) vinh danh BIDV lần thứ ba liên tiếp là ngân hàng có dịch vụ Private Banking tốt nhất Việt Nam với hệ sinh thái đối tác toàn cầu, mô hình chuẩn quốc tế, danh mục sản phẩm dịch vụ đa dạng chuyên biệt và bộ đặc quyền đẳng cấp số 1 thị trường.

c. Vị thế của BIDV trong ngành

BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với bề dày 69 năm hoạt động và phát triển. BIDV là NHTM cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, có sở hữu chi phối của Chính phủ và có cổ đông chiến lược nước ngoài là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Châu Á. Trong suốt quá trình phát triển, BIDV đã và đang khẳng định vững chắc vị thế là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam và khu vực, với nền tảng tài chính vững mạnh, hệ thống quản trị hiện đại và chiến lược phát triển toàn diện. Ngân hàng không ngừng hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, BIDV tiếp tục thể hiện vai trò ngân hàng tiên phong trong phát triển bền vững, hiện thực hóa các cam kết ESG và thúc đẩy tài chính xanh, qua đó khẳng định uy tín, quy mô và tầm vóc của một định chế tài chính trụ cột của Việt Nam trên trường khu vực.

Vị thế dẫn đầu

Tại thời điểm 30/06/2026, BIDV đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô Tổng tài sản (3.441 nghìn tỷ đồng). Là một ngân hàng đa năng, BIDV cung cấp tất cả các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm tài chính cho khách hàng cá nhân, tổ chức và Chính phủ. BIDV có thế mạnh về mạng lưới rộng khắp bao gồm 175 chi nhánh trong nước và 927 phòng giao dịch tại tất cả 34 tỉnh thành phố trong cả nước, có quan hệ hợp tác với 2.954 định chế tài chính ở 178 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Ngoài ra, BIDV có các công ty trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực chứng khoán (BSC), bảo hiểm (BIC), cho thuê tài chính (BSL), Quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC)…giúp BIDV đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền khách hàng rộng lớn bao gồm 26 triệu khách hàng cá nhân và khoảng 500 nghìn khách hàng doanh nghiệp. BIDV duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều lĩnh vực chủ chốt như bán lẻ, SME, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán, nghiên cứu thị trường, đồng thời đang đẩy mạnh lĩnh vực ngân hàng số và hướng đến trở thành ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực phát triển bền vững tại Việt Nam.

Năng lực tài chính vững mạnh và ngày càng được nâng cao

Tính đến ngày đến 30/06/2026, tổng tài sản đạt 3.441 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3% so với cuối năm 2025; dư nợ tín dụng đạt 2.502 nghìn tỷ đồng (tăng 5,4%), huy động vốn đạt 2.563 nghìn tỷ đồng (tăng 4,7%) duy trì vị thế là ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn nhất trên thị trường. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của BIDV đạt 18.904 tỷ đồng, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn đảm bảo theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Vốn điều lệ của BIDV tính đến hiện tại đạt 77.782,29 tỷ đồng. Ngoài ra, với sự hợp tác chiến lược cùng đối tác Hana Bank, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn trên 5 lĩnh vực trọng tâm gồm: (i) Phát triển kinh doanh, (ii) Ngân hàng bán lẻ, (iii) Quản

lý rủi ro, (iv) CNTT & mô hình kinh doanh mới, (v) Chiến lược tương lai (ESG, văn hóa, nhân lực). Theo đó, năng lực quản trị điều hành; quản trị rủi ro; phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực;...v.v. của BIDV đang ngày càng phát triển, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Tiên phong áp dụng chuẩn mực quốc tế

BIDV là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam hoàn thành Basel II và đang chủ động triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Basel III, sẵn sàng đáp ứng quy định của NHNN cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro. Đặc biệt, việc áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế số 9 (IFRS9) thể hiện nỗ lực của BIDV nhằm nâng cao tính minh bạch và chuẩn hóa báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế. Về phát triển bền vững, BIDV tiên phong phát hành Báo cáo Phát triển bền vững độc lập theo chuẩn quốc tế GRI và tham chiếu đến các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, cung cấp thông tin minh bạch cho các tổ chức quốc tế đánh giá hiệu quả và thực trạng triển khai ESG tại BIDV.

Dẫn đầu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin

BIDV được đánh giá là một trong top 5 NHTM dẫn đầu ICT Index trong nhiều năm qua. Hiện nay, BIDV đang tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm ngân hàng số theo xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt BIDV xác định chiến lược phát triển kinh doanh với công nghệ và ngân hàng số là một trong 3 trụ cột chính của BIDV.

Bảng 18: So sánh một số chỉ tiêu tài chính của BIDV với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 30/06/2026)

Đơn vị: Tỷ đồng

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
Vốn điều lệ	**72.801**	83.557	80.550	77.669	70.862	79.339
Vốn chủ sở hữu	**198.783**	248.491	156.763	200.214	188.997	191.215
Tổng tài sản	**3.440.841**	2.657.441	1.733.013	2.962.004	1.273.077	1.502.526
Tiền gửi khách hàng	**2.261.489**	1.728.821	963.815	1.890.810	662.448	732.887
Cho vay khách hàng	**2.501.807**	1.758.168	1.227.555	2.092.708	847.336	1.161.402
Tổng thu nhập hoạt động	**44.335**	47.551	37.865	51.486	28.616	43.392
Lợi nhuận sau thuế	**15.174**	24.013	16.148	20.744	14.677	15.105

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
ROE	**16,3%**	20,3%	21,6%	21,8%	15,9%	16,2%
Định hạng tín nhiệm của Moody's (Định hạng nhà phát hành dài hạn)	**Ba2**	Ba2	Ba2	Ba2	Ba3	Ba3

Nguồn:
- Số liệu của các ngân hàng BIDV, VCB, MBB, CTG, TCB và VPB tính đến ngày 30/06/2026 dựa trên BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.

Theo đó, BIDV đang đứng đầu về tổng tài sản, tiền gửi khách hàng, cho vay khách hàng, tổng thu nhập hoạt động.

Thị phần và khả năng cạnh tranh

Vị thế thị trường cũng như thị phần về quy mô hoạt động của BIDV (cho vay khách hàng, huy động vốn) nằm trong top các ngân hàng đứng đầu thị trường trong nhiều năm.

Bảng 19: Thị phần của BIDV so với toàn ngành trong những năm gần đây

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

Năm	Cho vay khách hàng		Tiền gửi khách hàng	
	BIDV	Thị phần	BIDV	Thị phần
2021	1.354	12,97%	1.380	12,61%
2022	1.522	12,76%	1.474	12,47%
2023	1.777	13,09%	1.705	12,75%
2024	2.056	13,17%	1.953	13,26%
2025	2.373	12,76%	2.223	13,46%
30/06/2026	2.502	12,42%	2.562	12,97%

Nguồn: BIDV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong những năm gần đây, BIDV liên tục khẳng định vị thế của ngân hàng hàng đầu Việt Nam với nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Ngân hàng nhiều năm liền nằm trong Top 2.000 công ty lớn nhất thế giới (Forbes) và Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam). Bên cạnh đó, BIDV liên tục được vinh danh trong nhiều giải thưởng lớn, tiêu biểu có thể kể đến: giải thưởng Sao Khuê năm 2026 với 6/6 sản phẩm, giải pháp công nghệ tham gia đều được vinh danh ở nhóm lĩnh vực Kinh tế số, Giao dịch số - Công nghệ tài chính và được xếp hạng trên Bản đồ Giải pháp Công nghệ số Việt Nam; 5 giải thưởng lớn về phát hành, phát triển sản phẩm và thúc đẩy chi tiêu thẻ JCB năm 2026 (Tổ chức thẻ quốc tế JCB); "Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam" 11 năm liên tục; "Sản phẩm tiền gửi tốt nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương

năm 2025"; "Ngân hàng Lưu ký - Giám sát tốt nhất Việt Nam năm 2025" (Tạp chí The Asian Banker), Ngân hàng có công nghệ ưu việt hỗ trợ quản trị rủi ro bền vững năm 2025 (Vietnam ESG Awards), Top 10 Doanh nghiệp bền vững hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ (VCCI), "Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam năm 2024" (Euromoney), "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất năm 2024" (Tạp chí The Asian Banker), "Nơi làm việc tốt nhất châu Á năm 2024" (HR Asia Magazine), "Ngân hàng cung cấp giải pháp số hàng đầu Việt Nam" (Asianmoney, 2023), ...

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Trong giai đoạn năm 2023-2026, để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, BIDV đầu tư, đảm bảo cơ sở vật chất trụ sở làm việc và quảng bá thương hiệu hình ảnh trên thị trường, việc đánh giá ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của BIDV như sau:

- Một số dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV như: Làm tăng nhận diện thương hiệu, quảng bá hình ảnh, đảm bảo cơ sở vật chất là trụ sở cho Chi nhánh hoạt động kinh doanh.

- Các dự án đầu tư đang triển khai phù hợp nhu cầu kinh doanh, được quản lý với kế hoạch, phân bổ các nguồn chi phí đầu tư đảm bảo trong kế hoạch hoạt động kinh doanh của BIDV.

- Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai từ năm 2023 đến 30/06/2026 theo phụ lục đính kèm với 29 dự án là trụ sở Chi nhánh hoặc phòng giao dịch đang triển khai ở các giai đoạn khác nhau của dự án đầu tư.

Bảng 20: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai từ năm 2023 đến 30/06/2026

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 5 khu Hòa Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả	Đã phê duyệt dự án đầu tư. Đang lập thiết kế bản vẽ thi công trình thẩm định tại Sở Xây dựng.
2	Trụ sở làm việc CN Bình Dương	28 Lê Duẫn PHòa Phú, TP TDM Bình Dương	Đã phê duyệt dự án đầu tư. Đang lập thiết kế bản vẽ thi công trình thẩm định tại Sở Xây dựng
3	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tây Đô	số 5 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
4	Trụ sở làm việc PGD Di Linh – Chi nhánh Bảo Lộc	số 33-35 lý thường kiệt khu 5, TT Di Linh tỉnh Lâm Đồng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình và điều chỉnh thủ tục đất
5	Trụ sở làm việc PGD Chi Lăng - Chi nhánh Lâm Đồng	55A Phan chu Trinh, P9, TP Đà Lạt	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình và điều chỉnh thủ tục đất
6	Trụ sở làm việc của BIDV tại 111 Nguyễn Chí Thanh	111 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng	Báo cáo Sở Xây dựng Tp. Đà Nẵng để thẩm định Thiết kế BVTC-DT công trình

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
7	Tòa nhà làm việc của BIDV tại 20 Hàng Tre và số 2+ 4 Hàng Thùng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	20 Hàng Tre và số 2+ 4 Hàng Thùng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức lựa chon nhà thầu theo qui định.
8	Trụ sở làm việc PGD Đô Thi - Chi nhánh Gia Lai	66 Tăng Bạt Hổ, Pleiku, Gia Lai	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.
9	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long	Số 74 Trần Hưng Đạo, PTrần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Đang tổ chức triển khai thi công xây dựng công trình.
10	Trụ sở làm việc BIDV tại 38-40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	38-40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đang tổ chức triển khai thi công xây dựng công trình
11	Trụ sở làm việc PGD Phan Thiết – Chi nhánh Bình Thuận	125 Tran Phú, Phan Thiết, Bình thuận	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
12	Trụ sở làm việc PGD Lê Lợi và kho chứng từ - Chi nhánh Tiền Giang	92 Ngô Quyền, Phường 1, Tiền Giang	Đang tổ chức tổ chức lựa chọn nhà thầu
13	Trụ sở CN Quy Nhơn	399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Gia Lai	Đã hoàn thành quyết toán
14	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa (nay là PGD Sa Pa)	Số 20 đường Ngũ Chỉ Sơn, thị trấn Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đang thi công phần hoàn thiện công trình và triển khai điều chỉnh thiết kế, dự toán theo mô trình sử dụng làm trụ sở PGD
15	ĐTXDCT Trụ sở PGD Thanh Niên - CN Thành Đông	Khu Dân cư Bắc Đường Thanh Niên, Hải Dương, Hải Phòng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. (vướng quy hoạch)
16	Xây dựng kho lưu trữ chứng từ Lai Vung	Số 66, Khu vực chợ, Khóm 3, TT Lai Vung, huyện Lai Vung, Đồng Tháp	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đang tổ chức công tác quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành
17	Trụ sở làm việc CN Tam Điệp	Đường Trần Phú, P Bắc Sơn, TP Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
18	Trụ sở làm việc chi nhánh Bắc Quảng Bình	Số 368 Quang Trung - TX Ba Đồn - Tỉnh Quảng Bình	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
19	Trụ sở làm việc BIDV Lam Sơn	Số 7, đường Phan Chu TRinh, P Điện Biên, TP Thanh Hóa	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
20	Trụ sở LV chi nhánh Hùng Vương	1464 đường Hùng Vương, P Tiên Cát, Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định.

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
21	Xây dựng đơn nguyên mới Trụ sở Chi nhánh Nam Thái Nguyên	TDP 5, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
22	Trụ sở làm việc PGD Thành Phố - CN Hà Giang	Tổ 07, phường Trần Phú, tỉnh Phú Thọ	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
23	Trụ sở làm việc PGD Phú Bình - CN Nam Thái Nguyên	TDP Đông, thị trấn Hương Sơn, tỉnh Thái Nguyên	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
24	Trụ sở làm việc PGD Đô Lương	Khối 4, TT Đô Lương, Lương, Tỉnh Nghệ An	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
25	Xây mới PGD ĐắkMil-Chi nhánh ĐắkNông	Thị trấn ĐắkMil-Tỉnh Lâm Đồng	Đã hoàn thành đưa vào sử dung, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
26	Xây dựng trụ sở PGD Krông Năng, kho tài liệu	105 Nguyễn Tất Thành, TT Krông Năng, Huyện Krông Năng, Tỉnh Đăk Lăk	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
27	Đầu tư xây dựng kho chứng từ - Chi nhánh Đông Đắk Lắk	156 đường Giải Phóng, thị trấn Phước An, tỉnh ĐắkLắk	Đang tổ chức triển khai thi công xây dựng công trình.
28	Trụ sở làm việc Chi nhánh Phú Thọ	Số 1155A, đường Hùng Vương, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	Đang tổ chức lập dự án sau thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc.
29	Trụ sở làm việc PGD Hồng Hà - Chi nhánh Yên Bái	Số 114, Đường Tuệ Tĩnh, Xã Mậu A, Tỉnh Lào Cai	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định.
30	Tháp 117-121 Nguyễn Huệ	Khu đất số 117-119-121 Nguyễn Huệ, phường Sài Gòn và 16 Tôn Thất Thiệp, Phường Sài Gòn, TP HCM	Đang nghiên cứu triển khai dự án
31	Trụ sở BIDV tại số 545 Nguyễn Văn Cừ, Q.Long Biên, Hà Nội	545 Nguyễn Văn Cừ, Q.Long Biên, Hà Nội	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã quyết toán dự án đầu tư công trình hoàn thành theo qui định
32	Đầu tư xây dựng Trụ sở PGD Mộc Châu - Chi nhánh Sơn La	Số 217, Đường Tô Hiệu, Phường Mộc Sơn, Tỉnh Sơn La	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
33	Kho lưu trữ chứng từ hệ thống tại Đại Thịnh, xã Quang Minh, Tp. Hà Nội	Đại Thịnh, xã Quang Minh, Tp. Hà Nội	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

TT	Tên dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
34	Kho lưu trữ chứng từ hệ thống kết hợp PGD của Chi nhánh Đông Đồng Nai	Đường số 2, xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
35	Kho lưu trữ chứng từ hệ thống kết hợp PGD Đồng Khởi của Chi nhánh Đồng Nai	Số 7 đường Hoàng Minh Châu, phường Quang Vinh,	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
36	Trụ sở làm việc chi nhánh Đà Lạt	15A Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình. (vướng quy hoạch)

Nguồn: BIDV

Bảng 21: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện trong năm 2023-30/06/2026

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
1	Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
2	Trang bị giải pháp hệ thống ALM	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
3	Triển khai giải pháp Quản trị dữ liệu	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
4	Triển khai quy trình khởi tạo khoản vay bán lẻ trên nền tảng giải pháp quản lý quy trình nghiệp vụ BPM	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2024
5	Mua sắm máy ATM đa năng (CRM) giai đoạn 2020-2022	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2023
6	Đầu tư môi trường đám mây riêng tại Trung tâm dữ liêu của BIDV	Dự án đã hoàn thành triển khai năm 2024
7	Trang bị ứng dụng tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)	Dự án đã golive từ tháng 10/2025
8	Mua sắm hệ thống thanh toán Thẻ mới	Đã hoàn thành triển khai năm 2025
9	Hệ thống Contact Center	Dự án đã hoàn thành triển khai tháng 5/2026
10	Xây dựng hệ thống Ngân hàng điện tử cho Khách hàng tổ chức	Dự án đã golive từ tháng 7/2025. BIDV tự xây dựng
11	Hệ thống chuyển đổi số quản trị nội bộ toàn hàng (B.One)	Dự án đã golive triển khai từ năm 2024, hoàn thành triển khai năm 2025. BIDV tự xây dựng
12	Xây dựng hệ thống PaymentHub	Dự án đã golive từ năm 2023, tiếp tục được phát triển theo các giai đoạn từ đó đến nay. BIDV tự xây dựng
13	Dự án Quản lý khoản vay khách hàng tổ chức (Lending hub)	Dự án dự kiến golive trong năm 2027. BIDV tự xây dựng

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai và thời gian triển khai
14	Xây dựng hệ sinh thái số toàn diện về bất động sản, ô tô và tư vấn tài chính, tài chính xanh (BIDV Home)	Dự án đã golive trong năm 2026, và tiếp tục phát triển theo các giai đoạn. BIDV tự xây dựng.
15	Triển khai chuyển đổi ứng dụng của BIDV lên Cloud	Đã hoàn thành triển khai tháng 5/2026
16	Triển khai chuyển đổi corebanking cho các đơn vị thành viên (Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB), Ngân hàng đầu tư và phát triển Campuchia (BIDC))	Dự kiến golive trong năm 2027
17	Mua sắm nền tảng phân tích dữ liệu (Analytics Workbench)	Dự kiến golive trong năm 2026

Nguồn: BIDV

Ngoài ra, BIDV tiếp tục đẩy mạnh làm chủ công nghệ thông qua việc tự phát triển các nền tảng ứng dụng quan trọng với cách làm nhiều đổi mới, cải tiến, áp dụng linh hoạt các phương thức tổ chức, phát triển phần mềm (Fusion team, Agile, DevSecOps,...), trong đó tập trung nguồn lực phát triển các hệ thống ứng dụng quan trọng như: Smart Counter hub; C-platform, Fee engine, Fx Hub, Notification hub, B.cash, Paygate 2. Xây dựng và triển khai 1 số dự án lớn khác về hạ tầng, An ninh bảo mật như Trang bị Giải pháp Phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP), Đầu tư hạ tầng cho AI, Mua sắm Giải pháp và vận hành ứng dụng AI (AIOps), Ứng dụng AI cho các nghiệp vụ tại BIDV,…

8.6. Chiến lược kinh doanh

Hướng tới sự phát triển bền vững, BIDV xác định chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2045, cụ thể như sau:

Chiến lược kinh doanh

- **Tầm nhìn**: Xây dựng BIDV trở thành Tập đoàn Tài chính - Ngân hàng LỚN – MẠNH – XANH hàng đầu khu vực Đông Nam Á, phấn đấu thuộc top 100 Ngân hàng mạnh nhất Châu Á vào năm 2030, thuộc top 50 vào năm 2045

- **Sứ mệnh**: Đem lại lợi ích, tiện ích tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, người lao động, cộng đồng xã hội và phụng sự Tổ quốc.

- **Giá trị cốt lõi:** Trí tuệ - Niềm tin – Liêm chính – Nghĩa tình – Khát vọng

- **Các trụ cột phát triển:**

  (i) Khách hàng: Định vị khách hàng là trung tâm, cam kết mang đến sản phẩm, dịch vụ xuất sắc, tối ưu trải nghiệm và tối đa sự hài lòng của khách hàng.

  (ii) Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có tư duy số đột phá, giỏi kỹ năng, giàu phẩm chất và đạo đức, cùng hướng đến mục tiêu chung. Kế thừa giá trị truyền thống, thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp.

(iii) Đẩy mạnh văn hóa đổi mới sáng tạo, chủ động nắm bắt công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng các xu hướng như AI, blockchain, dữ liệu lớn để tạo giá trị khác biệt và tăng tốc phát triển.

❖ **Mục tiêu chiến lược:**

- Lớn: Giữ vị thế hàng đầu về quy mô tại Việt Nam và top 100 Ngân hàng lớn nhất Châu Á. Mở rộng hiện diện quốc tế. Chuyển đổi toàn diện hoạt động ngân hàng bán lẻ và bán buôn nhằm duy trì vị thế đứng đầu trong phân khúc khách hàng bán lẻ, SME và phấn đấu đứng đầu trong phân khúc khách hàng FDI tại Việt Nam. Phát triển mạng lưới kênh phân phối hiệu quả, phù hợp với xu thế thị trường. Phấn đấu đến năm 2045, BIDV trở thành định chế tài chính với hệ sinh thái toàn diện, phục vụ khách hàng trên mọi nền tảng và không gian với mạng lưới quốc tế rộng khắp.

- Mạnh: Chuyển dịch cơ cấu hoạt động hợp lý, nâng cao khả năng an toàn vốn, thanh khoản, hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững, hướng đến chuẩn mực và thông lệ quốc tế tiên tiến. Đi đầu về đổi mới sáng tạo, công nghệ và chuyển đổi số tại Việt Nam, phát triển và ứng dụng toàn diện AI trong mọi hoạt động; Nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro, sẵn sàng ứng phó và gia tăng khả năng thích ứng với những biến động môi trường kinh doanh. Xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính hiện đại; Bồi đắp phát triển bản sắc văn hóa doanh nghiệp và đẩy mạnh văn hóa đổi mới sáng tạo. Đến năm 2045, hướng tới trở thành định chế tài chính tiên phong về hiệu quả và quản trị hiện đại tại Châu Á.

- Xanh: Xây dựng BIDV trở thành ngân hàng dẫn đầu thị trường Việt Nam trong phát triển xanh, bền vững và thực hành ESG, đứng đầu về dư nợ tín dụng xanh, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường của đất nước.

Nguồn vốn và nguồn lực:

Để thực hiện chiến lược đặt ra, BIDV tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và các nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực CNTT. Cụ thể:

❖ ***Đối với năng lực nguồn vốn:***

- Tập trung tăng vốn điều lệ thông qua các hình thức: (i) Phát hành bổ sung cho cổ đông hiện hữu; (ii) Chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài và phát hành riêng lẻ cho nhóm cổ đông; (iii) tăng từ nguồn trái phiếu chuyển đổi (khi phù hợp).

- Gia tăng nguồn vốn tự có từ các nguồn khác ngoài vốn điều lệ: (i) Phát hành trái phiếu cấp 2 đủ điều kiện tính vào vốn tự có; (ii) Tăng vốn từ nguồn thặng dư phát hành thêm cổ phần trong trường hợp bán được cổ phần đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, phát hành riêng lẻ,….

❖ ***Đối với nguồn lực nhân sự:*** BIDV định hướng xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao, chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực gắn với các lĩnh vực trọng điểm, từ đó nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và xây dựng tổ chức học tập với văn hóa học tập liên tục; phát triển năng lực đội ngũ, nâng cao khả năng thích ứng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi và phát triển.

❖ ***Đối với nguồn lực CNTT:*** BIDV xây dựng nền tảng CNTT và Chuyển đổi số hiện đại, mở, linh hoạt, an toàn và bền vững; làm chủ các công nghệ và nền tảng cốt lõi; lấy phục vụ khách hàng làm trung tâm; lấy dữ liệu và công nghệ số làm động lực tăng trưởng, gia tăng hiệu quả chiến lược kinh doanh và quản trị của BIDV.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Tên cổ đông	Nhà nước (NHNN Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
Năm thành lập	1951	1967
Số Giấy chứng nhận	Quyết định số 287/QĐ-NH5 ngày 21/9/1996 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập lại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	Đăng ký kinh doanh số 202-81-14695 do Sở thuế Namdeamun cấp ngày 30/01/1967
Vốn điều lệ	N/A	KRW Million 5.359.578
Quốc tịch	Việt Nam	Hàn Quốc
Địa chỉ trụ sở chính	49 Phố Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	35 Eulji-ro, Jung-Gu, Seoul, 04523, Korea
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Đức Ấn - Thống đốc NHNN Việt Nam	Ông Lee, Ho Sung - Tổng Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành	- Ông Lê Ngọc Lâm (Chủ tịch Hội đồng quản trị) ***(được bầu từ ngày 01/07/2026)*** - Ông Hoàng Việt Hùng (Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc) ***(được bầu từ ngày 01/07/2026)*** - Ông Ngô Văn Dũng (Ủy viên HĐQT) - Ông Quách Hùng Hiệp (Ủy viên HĐQT) - Ông Lê Kim Hòa (Ủy viên HĐQT) - Ông Trần Xuân Hoàng (Ủy viên HĐQT) - Ông Phạm Quang Tùng (Ủy viên HĐQT) - Ông Đặng Văn Tuyên (Ủy viên HĐQT)	Ông Kim Young Jun - Trưởng Khối Kinh doanh toàn cầu KEB Hana Bank
Số lượng cổ phần nắm giữ	5.968.431.365	1.105.429.939
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	76,73%	14,21%
Cổ phần có quyền biểu quyết	5.968.431.365	1.105.429.939
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của người có liên quan	- Ông Lê Ngọc Lâm, Chủ tịch HĐQT của BIDV, sở hữu 1.492.107.840 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 19,1830496% vốn điều lệ) **(Quyết định cử người đại diện phần vốn Nhà nước có hiệu lực từ 01/07/2026)** và sở hữu cá nhân 1.323 cổ phiếu (chiếm 0,0000170% vốn điều lệ); - Ông Hoàng Việt Hùng, Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc, sở hữu 895.264.703 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 11,5098298% vốn điều	Không có

Tên cổ đông	Nhà nước (NHNN Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV)	KEB Hana Bank
	lệ) **(Quyết định cử người đại diện phần vốn Nhà nước có hiệu lực từ 01/07/2026)** và sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ); - Ông Ngô Văn Dũng, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 1.428 cổ phiếu (chiếm 0,0000184% vốn điều lệ); - Ông Quách Hùng Hiệp, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 136 cổ phiếu (chiếm 0,0000018% vốn điều lệ); - Ông Lê Kim Hòa, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 78.757 cổ phiếu (chiếm 0,0010125%vốn điều lệ); - Ông Trần Xuân Hoàng, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 145 cổ phiếu (chiếm 0,0000019% vốn điều lệ); - Ông Phạm Quang Tùng, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 1 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ); - Ông Đặng Văn Tuyên, Ủy viên HĐQT, sở hữu 596.843.137 cổ phiếu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ) và sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ).	
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

Nguồn: Thông tin cập nhật tại ngày 18/08/2026 (ngày kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu)

10. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 22: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV

STT	Tên	Chức vụ
1.	Ông Lê Ngọc Lâm	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Hoàng Việt Hùng	Ủy viên
3.	Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên
4.	Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
5.	Ông Phạm Quang Tùng	Ủy viên
6.	Ông Kim Sang Soo	Ủy viên
7.	Ông Trần Xuân Hoàng	Ủy viên
8.	Ông Lê Kim Hòa	Ủy viên
9.	Ông Quách Hùng Hiệp	Ủy viên
10.	Ông Lê Quốc Nghị (*đã nghỉ hưu từ 01/10/2026*)	Ủy viên
11.	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Ủy viên độc lập

Nguồn: BIDV

10.1.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ 01/07/2026)

Họ tên:	**Lê Ngọc Lâm**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/07/1975
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001075008069, do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
- 09/1997 – 01/2005:	Cán bộ BIDV
- 01/2005 – 05/2006:	Phó Trưởng phòng Tín dụng 2 BIDV
- 6/2006 – 8/2007:	Phó Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV
- 8/2007 – 8/2008:	Trưởng phòng Pháp chế tín dụng BIDV
- 8/2008 – 3/2009:	Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng 1 BIDV
- 03/2009 - 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - BIDV

- 10/2010 - 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1
- 04/2012 - 04/2013: Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng BIDV
- 04/2013 - 01/2015: Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp BIDV
- 01/2015 – 11/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 11/2018 – 03/2021: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành BIDV
- 03/2021 – 30/06/2026: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV
- Từ 01/07/2026 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 1.239 cổ phiếu (chiếm 0,0000170% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 1.396.538.521 cổ phiếu (tương đương 25% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 19,1830496% vốn điều lệ) **(Quyết định cử người đại diện phần vốn Nhà nước có hiệu lực từ 01/07/2026)**
- Sở hữu của người có liên quan: 14 cổ phiếu

Họ tên	**Mối quan hệ**	**Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV** *(tại ngày 30/06/2026)*	**Tỷ lệ** *(% vốn điều lệ)*
Lê Thị Phương Hải	Vợ	14	0,0000002

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	**Giá trị (triệu đồng)**
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	4
Tổng cộng	**4**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			**Lợi ích khác**
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**

2.153 triệu đồng	2.327 triệu đồng	2.839 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.2. Ông Hoàng Việt Hùng – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 1/7/2026)

Họ tên:	Hoàng Việt Hùng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/10/1972
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	040072019999 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/04/2023
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 12/1996 - 12/2003:	Cán bộ phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Nghệ An
- 12/2003 - 02/2006:	Phó trưởng phòng Hành chính quản trị Chi nhánh BIDV Nghệ An
03/2006 - 02/2007:	Trưởng phòng hành chính quản trị – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
03/2007 - 10/2007:	Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Nghệ An.
11/2007 - 12/2012:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
01/2013 - 04/2019:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Nghệ An.
04/2019 - 03/2020:	Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự BIDV
- 03/2020 – 12/2023:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.
01/2024 – 02/2024:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy
02/2024 – 04/2026:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy BIDV, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.
05/2026 – 06/2026:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy BIDV.
Từ 01/07/2026 - nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 837.923.113 cổ phiếu (chiếm 11,5098298% vốn điều lệ) **(Quyết định cử người đại diện phần vốn Nhà nước có hiệu lực từ 01/07/2026)**

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.641 triệu đồng	1.790 triệu đồng	2.088 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.3. Ông Đặng Văn Tuyên - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Đặng Văn Tuyên**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/04/1973

Nơi sinh: Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 035073003681 do Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2020

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 04/1996 – 08/2000: lần lượt là Chuyên viên, Thanh tra viên Thanh tra Ngân hàng Trung ương;
- 08/2000 – 03/2016: lần lượt là Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng thuộc Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 03/2016 – 02/2020: là Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 02/2020 – 28/04/2023: là Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 28/04/2023 – nay: là Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	1
Tổng cộng	**1**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.089 triệu đồng (Bổ nhiệm ngày 28/4/2023)	1.720 triệu đồng	2.149 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.4. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Ngô Văn Dũng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/01/1968

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 030068013787 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 07/1991 - 12/1996: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 01/1997 - 11/1998: Phó Trưởng phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 12/1998 - 01/2000: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long

- 02/2000 - 04/2001: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Thăng Long
- 05/2001 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Thăng Long
- 09/2002 - 08/2004: Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
- 09/2004 - 07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro BIDV
- 08/2007 - 11/2007: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 12/2007 - 05/2015: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 06/2015 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 1.337 cổ phiếu (chiếm 0,0000184% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	40
Tổng cộng	**40**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.903 triệu đồng	1.995 triệu đồng	2.443 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.5. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	**Phạm Quang Tùng**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/09/1971
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	034071000042 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày cấp ngày 04/02/2022
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật
Quá trình công tác:	
- 08/1996 - 06/2000:	Cán bộ phòng Thẩm định tư vấn BIDV
- 07/2000 - 07/2002:	Phó Trưởng phòng Thẩm định tư vấn BIDV
- 08/2002 - 04/2003:	Trưởng phòng Tín dụng dịch vụ BIDV
- 05/2003 - 07/2004:	Phó Giám đốc Ban Tín dụng và dịch vụ BIDV
- 08/2004 - 02/2005:	Phó Giám đốc Ban Tín dụng BIDV
- 03/2005 - 12/2005:	Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở giao dịch 1
- 01/2006 - 12/2008:	Quyền Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 01/2009 - 09/2010:	Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam
- 09/2010 - 10/2010:	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 10/2010 - 04/2011:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 04/2011 - 05/2016:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.
- 06/2016 - 12/2017:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).
- 12/2017 - 04/2018:	Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.
- 04/2018 - nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm ~0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	24
Tổng cộng	**24**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.969 triệu đồng	2.095 triệu đồng	2.504 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.6. Ông Kim Sang Soo - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Kim Sang Soo**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/06/1968

Nơi sinh: Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Số Hộ Chiếu: M87434270 cấp ngày 15/07/2021 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 02/1995 - 04/1996: Nhân viên thực tập - Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Gwanghwamun

- 04/1996 - 11/2000:	Nhân viên - Ngân hàng KEB Hana – Các chi nhánh Myungildong, Trung tâm giao dịch 2, Trung tâm Tài chính doanh nghiệp khu vực trung ương
- 11/2000 - 12/2002:	Phó phòng - Ngân hàng KEB Hana – Các Ban Tài chính doanh nghiệp khu vực trung ương, Bộ phận Tài chính KHDN lớn, Cải tiến doanh nghiệp
- 12/2002 - 03/2004:	Kiểm toán viên - Ngân hàng KEB Hana – Bộ phận Kiểm toán
- 03/2004 - 02/2005:	Phó phòng & Chuyên viên thẩm định - Ngân hàng KEB Hana – Phòng thẩm định tín dụng
- 02/2005 - 08/2005:	Quản lý - Ngân hàng KEB Hana – Bộ phận hỗ trợ nhân lực
- 09/2005 - 06/2007:	Quản lý cấp cao - Ngân hàng KEB Hana – Phòng phát triển đầu tư
- 06/2007 - 01/2009:	Quản lý cấp cao, Trưởng nhóm quan hệ khách hàng - Ngân hàng KEB Hana – Các Ban Tài chính doanh nghiệp vừa 1, bộ phận Tài chính doanh nghiệp, Ban Tài chính doanh nghiệp lớn
- 01/2009 - 01/2010:	Quản lý cấp cao, Trưởng nhóm quan hệ khách hàng - Ngân hàng KEB Hana – Tổ công tác quản trị rủi ro
- 01/2010 - 01/2014:	Quản lý cấp cao KH doanh nghiệp - Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Hoehyeondong
- 01/2014 - 01/2016:	Quản lý cấp cao KH doanh nghiệp - Ngân hàng KEB Hana – Bộ phận Tài chính dự án, bộ phận Đầu tư tài chính
- 01/2016 - 11/2017:	Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh Gimpo
- 11/2017 - 12/2021:	Giám đốc chi nhánh - Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
- 01/2022 - 09/2022:	Giám đốc điều hành (Trưởng Ban Marketing toàn cầu, Khối toàn cầu) - Ngân hàng KEB Hana
- 09/2022 - 12/2025:	Chủ tịch HĐQT & Tổng giám đốc - Ngân hàng TNHH Hana (Trung Quốc)
- 01/2026 – 04/2026:	Giám đốc điều hành Khối Toàn cầu - Ngân hàng KEB Hana
- 24/04/2026 – nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/4/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/4/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 24/4/2026)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.7. Ông Trần Xuân Hoàng - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1965

Nơi sinh: Phù Mỹ, Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 031065004184 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 06/06/2022

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 11/1987 - 06/1989: Giáo viên Trường nghiệp vụ Ngân hàng Thị xã Kon Tum
- 07/1989 - 07/1992: Cán bộ Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1992 - 10/1993: Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 10/1993 - 06/1996: Trưởng phòng Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/1996 - 07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai
- 07/2006 - 08/2008: Phó Giám đốc BIDV Chi nhánh Sở Giao dịch 2.
- 08/2008 -04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 05/2012 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 03/2020 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC);
- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 136 cổ phiếu (chiếm 0,0000019% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 59.077 cổ phiếu (chiếm 0,0008115% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV *(tại ngày 30/06/2026)*	Tỷ lệ *(% vốn điều lệ)*
Hoàng Thị Giang Hà	Vợ	59.077	0,0008115

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9
Tổng cộng	**9**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
2.264 triệu đồng	2.393 triệu đồng	2.836 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.8. Ông Lê Kim Hòa - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Lê Kim Hòa**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1965

Nơi sinh: Đăk Lăk

Quốc tịch Việt Nam

Số CMND/CCCD: 066065000004 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/10/2022

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/1987 - 03/1995: Cán bộ Chi nhánh BIDV ĐăkLăk.
- 04/1995 - 01/1997 Phó Trưởng phòng Chi nhánh BIDV ĐăkLăk.
- 02/1997 - 05/1997 Trưởng phòng Chi nhánh BIDV ĐăkLăk.
- 05/1997 - 10/2002: Phó Giám đốc BIDV ĐăkLăk.
- 11/2002 - 07/2007: Giám đốc Chi nhánh BIDV ĐăkLăk.
- 08/2007- 08/2008: Giám đốc Ban tín dụng – BIDV
- 09/2008 - 02/2009: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – BIDV
- 03/2009 - 04/2009: Phó giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 05/2009 - 08/2013: Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 09/2013 - 05/2014: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 06/2014 - 02/2018: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 03/2018 - 03/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV TP Hồ Chí Minh.
- 03/2020 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 73.713 cổ phiếu (chiếm 0,0010125% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	236

Tổng cộng	236

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cổ tức
1.999 triệu đồng	2.180 triệu đồng	2.545 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.9. Ông Quách Hùng Hiệp - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên:	**Quách Hùng Hiệp**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	23/09/1969
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001069007554 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/07/2021
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 05/1991 - 03/1994:	Cán bộ Trụ sở chính BIDV
- 04/1994 - 08/1996:	Cán bộ Phòng Quan hệ Quốc tế và NHĐL – Trụ sở chính BIDV
- 08/1996 - 05/1999:	Phó Trưởng phòng Quan hệ quốc tế và NHĐL – Trụ sở chính BIDV
- 06/1999 - 07/2002:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (Biệt phái LVB).
- 08/2002 - 03/2004:	Phó Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
- 03/2004 - 03/2005:	Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ BIDV
- 12/2004 - 03/2010:	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID - Public (Kiêm nhiệm)
- 04/2005 - 10/2006:	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 BIDV
- 11/2006 - 12/2006:	Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
- 01/2007 - 03/2011:	Giám đốc Sở Giao dịch 3 BIDV
- 10/2010 - 01/2019:	Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 01/2019 - 05/2019:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long.
- 05/2019 – 01/2024:	Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 30/01/2024 – nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 128 cổ phiếu (chiếm 0,0000018% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 558.615.408 cổ phiếu (tương đương 10% tổng số cổ phiếu do NHNN Việt Nam nắm giữ) sở hữu đại diện cho NHNN Việt Nam (chiếm 7,6732198% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	111
Tổng cộng	**111**

- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
2.099 triệu đồng	2.301 triệu đồng (Miễn nhiệm PTGĐ ngày 30/1/2024, bổ nhiệm UV HĐQT ngày 30/1/2024)	2.664 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.10. Ông Lê Quốc Nghị - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: **Lê Quốc Nghị**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/03/1965

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 001065008667

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 03/1987 – 04/1989: Quân nhân thuộc Sư đoàn – Sư đoàn 327, quân khu I, Quân đội Nhân dân Việt Nam
- 05/1989 – 11/1993: Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 12/1993 – 03/1995: Phó Trưởng phòng Tổng hợp và Nghiên cứu kinh tế Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 04/1995 – 07/1995: Trưởng phòng Tin học Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tây (cũ)
- 08/1995 – 09/1996: Kiểm soát viên Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 10/1996 – 04/2004: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 05/2004 – 02/2025: Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 01/03/2025 – 25/04/2025: Vụ trưởng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- 26/04/2025 đến 30/09/2026: Ủy viên Hội đồng quản trị BIDV*

(Ông Lê Quốc Nghị nghỉ hưu từ ngày 01/10/2026)*

❖ Chức vụ công tác đến thời điểm 30/09/2026: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT BIDV từ 26/4/2025)	0 đồng (Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT BIDV từ 26/4/2025)	1.328 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.1.11. Ông Nguyễn Văn Thạnh - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập

Họ tên: **Nguyễn Văn Thạnh**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1960
Nơi sinh:	Vụ Bản, Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	036060003921 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/06/2021
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
- 04/1982 - 04/1985:	Cán bộ tín dụng NHNN thị xã Hòn Gai – Quảng Ninh.
- 05/1985 - 03/1991:	Cán bộ tín dụng NHNN tỉnh Hà Nam Ninh.
- 04/1991 – 08/1994:	Phó phòng Kế toán Ngân hàng Công thương Hà Nam Ninh.
- 09/1994 - 01/1996:	Chánh Văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 02/1996 – 09/1999:	Trưởng phòng Quản lý tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 10/1999 – 01/2012:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- 01/2012 – 05/2015:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam.
- 05/2015 – 01/2020:	Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 02/2020 – 04/2022:	Nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội.
- 05/2022 – nay:	Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	9

Tổng cộng	9

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cổ tức
600 triệu đồng	600 triệu đồng	600 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Tạ Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Cao Cự Trí	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
4	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm soát
5	Ông Huỳnh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm soát

Nguồn: BIDV

10.2.1. Bà Tạ Thị Hạnh – Trưởng Ban Kiểm soát

Họ tên:	**Tạ Thị Hạnh**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	05/05/1972
Nơi sinh:	Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	033172000269 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/08/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 09/1994 - 01/1999:	Cán bộ Phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 01/1999 - 02/2001:	Phó trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 02/2001 - 05/2002:	Phó trưởng phòng Phụ trách Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV

- 06/2002 - 10/2006: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Sở giao dịch BIDV
- 11/2006 - 12/2009: Phó Giám đốc BIDV - Chi nhánh Sở Giao dịch 1.
- 01/2010 - 05/2011: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng BIDV
- 06/2011 - 10/2011: Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – BIDV
- 11/2011 - 04/2012: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 05/2012 – 01/2024: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 30/01/2024 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 3.862 cổ phiếu (chiếm 0,0000530% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không.

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.818 triệu đồng	1.987 triệu đồng (Miễn nhiệm KTT ngày 30/1/2024, bổ nhiệm Trưởng ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	2.268 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.2. Ông Cao Cự Trí - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Cao Cự Trí**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1966

Nơi sinh: Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch Việt Nam

Số CMND/CCCD: 040066000196 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021

Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
Chứng chỉ nghề nghiệp:	Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
Quá trình công tác:	
- 10/1984 - 06/1995:	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, Ngân hàng Nhà nước Trung ương)
- 07/1995 - 01/1996:	Phó Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
- 02/1996 - 06/1996:	Quyền Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An
- 07/1996 - 01/1997:	Trưởng phòng-Phòng Tổng hợp – Ngân hàng Nhà nước Nghệ An
- 01/1997 - 06/2002:	Phó Trưởng phòng - Ngân hàng Nhà nước Trung ương
- 07/2002 - 02/2004:	Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 09/2006:	Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 BIDV
- 10/2006 - 02/2009:	Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 BIDV (trong đó từ 20/07/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 BIDV).
- 03/2009 - 04/2012:	Phó Trưởng Ban Kiểm Soát BIDV
- 05/2012 - nay:	Thành viên Ban Kiểm soát BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân:	6.139 cổ phiếu (chiếm 0,0000843% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	1

Tổng cộng	1

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.487 triệu đồng	1.306 triệu đồng (thôi giao nhiệm vụ Thành viên phụ trách Ban Kiểm soát từ 30/1/2024)	1.421 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.3. Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên:	**Nguyễn Thị Thu Hà**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	17/01/1980
Nơi sinh:	Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	030180004532 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài Chính Ngân Hàng
Chứng chỉ nghề nghiệp:	Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)
Quá trình công tác:	
- 10/2002 - 07/2004:	Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán BIDV
- 08/2004 - 02/2007:	Chuyên viên Ban Tài Chính BIDV
- 03/2007 - 04/2011:	Phó Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 05/2011 - 07/2015:	Trưởng phòng Ban Tài chính BIDV
- 08/2015 - 02/2020:	Phó Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động BIDV
- 03/2020 - 10/2020:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hai Bà Trưng
- 11/2020 - 03/2021:	Phó Giám đốc Ban Kế hoạch BIDV
- 03/2021 - nay:	Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	618
Tổng cộng	**618**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
974 triệu đồng	1.052 triệu đồng	1.294 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.4. Ông Nguyễn Trung Kiên - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên:	**Nguyễn Trung Kiên**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/01/1973
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001073013318 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 10/1995 - 02/1999:	Chuyên viên tại Chi nhánh BIDV Hà Tây
- 02/1999 - 06/1999:	Phó Trưởng phòng Tín dụng tại Chi nhánh BIDV Hà Tây
- 06/1999 - 07/2002:	biệt phái sang công tác tại Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
- 07/2002 - 11/2006:	Phó Trưởng phòng nghiệp vụ tại Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC)
- 11/2006 - 02/2008:	Phó Trưởng phòng Ban Chuyên viên thuộc HĐQT BIDV

- 02/2008 - 06/2009: Phó Trưởng phòng Kiểm toán – Ban Kiểm soát BIDV
- 06/2009 - 01/2012: Phó Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB) Chi nhánh Hà Nội
- 01/2012 – 10/2013: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
- 10/2013 – 10/2022: Giám đốc Chi nhánh BIDV Chương Dương
- 10/2022 – 01/2024: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm toán nội bộ BIDV
- 30/01/2024 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 84 cổ phiếu (chiếm 0,0000012% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	122
Tổng cộng	**122**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	970 triệu đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 30/1/2024)	1.241 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.5. Ông Huỳnh Phương – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Huỳnh Phương**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh:	15/06/1968
Nơi sinh:	Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	024068000135 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/11/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- từ 09/1996 – 09/2003:	Cán bộ BIDV Chi nhánh Quảng Ngãi
- từ 09/2003 – 06/2004:	Phó Trưởng phòng Giao dịch số 1 tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 07/2004 - 05/2006:	Kiểm tra trưởng tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 06/2006 - 11/2006:	Trưởng phòng Tổ chức hành chính tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 12/2006 - 10/2007:	Trưởng phòng Tín dụng cá nhân tại Chi nhánh BIDV Quảng Ngãi
- từ 11/2007 – 12/2011:	Phó Trưởng phòng Phòng Kiểm tra 2 thuộc Ban Kiểm tra nội bộ – Trụ sở chính BIDV
- từ 01/2012 – 06/2017:	Trưởng phòng – Ban Kiểm tra & Giám sát – Trụ sở chính BIDV
- từ 02/2011 – 02/2013:	Tham gia Tổ giám sát của NHNN Việt Nam tại NHTMCP Sài Gòn
- từ 07/2017 – 03/2019:	Phó Giám đốc Ban Kiểm tra & Giám sát – Trụ sở chính BIDV
- từ 08/2015 – 03/2019:	Tham gia Thành viên Ban Kiểm soát đặc biệt của NHNN Việt Nam tại NHTMCP Đông Á
- từ 04/2019 – 25/04/2025:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đông Á (nay là Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki)
- từ 26/04/2025 đến nay:	Thành viên Ban Kiểm soát BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương	Lợi ích khác

Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cổ tức
0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/4/2025)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 26/4/2025)	745 triệu đồng (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.2.6. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên:	**Nguyễn Anh Tuấn**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/10/1974
Nơi sinh:	Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	034074012959 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/04/2022
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
1996 - 1998:	Cán bộ Trường Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, Tổng Công ty Than Khoáng sản (Bộ Công nghiệp)
1998 - 2000:	Chuyên viên Văn phòng Đoàn thanh niên Ngân hàng Trung ương
2000 - 2002:	Ủy viên Ban chấp hành Đoàn thanh niên Ngân hàng Trung ương
2002 - 11/2003:	Phó Bí Thư Đoàn thanh niên Ngân hàng Trung ương
11/2003 - 08/2006:	Chuyên viên Vụ TCKT (NHNN)
08/2006 - 12/2008:	Phó Trưởng phòng Vụ TCKT (NHNN)
12/2008 - 12/2014:	Trưởng phòng Vụ TCKT (NHNN)
12/2014 - 07/2019:	Phó Chánh Văn phòng Cơ quan TTGSNH (NHNN)
07/2019 - 04/2022:	Phó Vụ Trưởng Thanh tra hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (Vụ I) Cơ quan TTGSNH (NHNN)
04/2022 - 03/2025:	Vụ Trưởng Vụ I Cơ quan TTGSNH (NHNN)
03/2025 – 04/2026:	Phó Chánh Thanh tra NHNN
Từ 24/04/2026 đến nay:	Thành viên Ban Kiểm soát BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm Soát BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có.

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/4/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/4/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát ngày 24/4/2026)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Việt Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Phan Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Trần Long	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Đoàn Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Lại Tiến Quân	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Lê Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Vũ Hoàng Dương	Phó Tổng Giám đốc
11	Ông Ham Jin Sik	Thành viên Ban điều hành
12	Bà Bùi Thị Hòa	Kế toán trưởng

Nguồn: BIDV

10.3.1. Ông Hoàng Việt Hùng - Tổng Giám đốc

Xem phần 10.1.2

10.3.2. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Phương**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	27/12/1973
Nơi sinh:	Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	024073001735 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/04/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 10/1997-11/2000:	Cán bộ BIDV Chi nhánh Hà Nội
- 12/2000-07/2004:	Phó Trưởng phòng BIDV Chi nhánh Hà Nội
- 08/2004 - 01/2006:	Cán bộ Phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển Trụ sở chính BIDV
- 02/2006 - 07/2006:	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển BIDV
- 08/2006 - 12/2006:	Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển – Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
- 01/2007 - 08/2008:	Phó Giám đốc điều hành, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá BIDV
- 09/2008 - 04/2012:	Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển BIDV
- 05/2012 - nay :	Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 36.264 cổ phiếu (chiếm 0, 0004981% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 10.566 cổ phiếu (chiếm 0,0001451% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV *(tại thời điểm 30/06/2026)*	Tỷ lệ *(% vốn điều lệ)*
Phạm Thị Kim Oanh	Vợ	10.566	0,0001451

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không.
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cổ tức
1.903 triệu đồng	2.095 triệu đồng	2.394 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.3. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	**Nguyễn Thiên Hoàng**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	03/06/1973
Nơi sinh:	Bố Trạch – Quảng Bình
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	044073001666 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/06/2022
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 01/1994 - 12/1999:	Cán bộ Chi nhánh BIDV Quảng Bình
- 01/2000 - 01/2003:	Phó trưởng phòng Tín dụng Chi nhánh BIDV Quảng Bình
- 02/2003 - 10/2006:	Trưởng phòng Tín dụng BIDV Quảng Bình
- 11/2006 - 09/2007:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 10/2007 - 04/2012:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 05/2012 - 07/2012:	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 07/2012 - 05/2016:	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 06/2016 – 09/2016:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.
- 09/2016 - nay:	Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,00000004% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	8
Tổng cộng	**8**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.811 triệu đồng	1.954 triệu đồng	2.284 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.4. Ông Phan Thanh Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	**Phan Thanh Hải**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1977
Nơi sinh:	Chương Mỹ – Hà Tây
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001077021938 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Quá trình công tác:	
- 07/2000 - 11/2001:	Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.
- 12/2001 - 10/2002:	Cán bộ Chi nhánh Sở giao dịch 1 BIDV
- 10/2002 - 03/2005:	Cán bộ Ban Quản lý tín dụng BIDV
- 04/2005 - 01/2007:	Cán bộ Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 01/2007 - 08/2008:	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ 1 – Ban Tổ chức cán bộ BIDV
- 09/2008 - 12/2009:	Trưởng phòng Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV
- 01/2010 - 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Phát triển sản phẩm & Tài trợ thương mại BIDV.
- 11/2010 - 03/2012:	Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng.

- 04/2012 - 08/2014: Giám Đốc Chi nhánh BIDV Vĩnh Long (Biệt phái/trưng tập).
- 09/2014 - 10/2014: Phó Giám đốc thứ nhất Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 10/2014 - 04/2019: Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV.
- 04/2019 – 05/2019: Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 05/2019 - 03/2020: Trưởng khối Ngân hàng bán buôn, kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn BIDV.
- 03/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 7 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 233 cổ phiếu (chiếm 0,0000032% vốn điều lệ)

Họ tên	**Mối quan hệ**	**Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV** *(tại thời điểm 30/06/2026)*	**Tỷ lệ** *(% vốn điều lệ)*
Đoàn Thị Hồng	Vợ	233	0,0000032

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			**Lợi ích khác**
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.625 triệu đồng	1.719 triệu đồng	2.103 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.5. Ông Trần Long – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Trần Long**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/03/1976

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD:	038076000418 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp 18/12/2021
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:	
- 01/1999 - 05/2001:	Cán bộ phòng Tín dụng – Sở giao dịch 1 BIDV
- 05/2001 - 08/2002:	Phó trưởng phòng Tín dụng 2 - Sở giao dịch 1 BIDV
- 08/2002 - 10/2002:	Chuyên viên Phòng Tín dụng – dịch vụ 3 Ban Tín dụng Trụ sở chính BIDV
- 10/2002 - 02/2004:	Chuyên viên Phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 02/2004 - 08/2006:	Phó trưởng phòng Quản lý dự án – Sở giao dịch 3 BIDV
- 08/2006 - 10/2007:	Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Trụ sở chính BIDV.
- 11/2007 - 02/2012:	Tổng Giám đốc – CTCP cho thuê máy bay (VALC) – đơn vị liên doanh góp vốn của BIDV.
- 02/2012 – 05/2012:	Phó Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 05/2012 – 09/2014:	Giám đốc Ban Kế hoạch chiến lược BIDV
- 09/2014 –03/2020:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành.
- 03/2020 – 06/2020:	Phó Tổng Giám đốc BIDV, kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Thành, kiêm giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn
- 06/2020- 04/2024:	Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 04/2024 –10/2024:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài
- 10/2024 – nay:	Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0

Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	8
Tổng cộng	**8**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.641 triệu đồng	1.789 triệu đồng	2.089 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.6. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	**Nguyễn Thị Quỳnh Giao**
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	29/11/1978
Nơi sinh:	Phú Xuyên, Hà Tây (Hà Nội)
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	001178023543 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 12/2000 - 09/2003:	Cán bộ phòng Tín dụng 1- Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1
- 09/2003 - 10/2006:	Phó Trưởng phòng Tín dụng 1 – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 11/2006 - 08/2007:	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2007 - 10/2008:	Trưởng phòng Tín dụng 1, Giám đốc Phòng giao dịch – Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 10/2008 - 08/2009:	Trưởng phòng Quan hệ khách hàng 1 – Khối Quan hệ khách hàng Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2009 - 06/2010:	Giám đốc phòng giao dịch 1 – Khối trực thuộc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 07/2010 - 07/2010:	Trưởng phòng Tổ chức nhân sự - Khối Quản lý nội bộ Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 08/2010 - 03/2012:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 04/2012 - 05/2015:	Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ.
- 06/2015 - 03/2020:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.

- 03/2020 – 06/2020: Phó Tổng Giám đốc BIDV, kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.

- 06/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000004% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 1.000 cổ phiếu (chiếm 0,0000137% vốn điều lệ)

Họ tên	**Mối quan hệ**	**Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV** *(tại thời điểm 30/06/2026)*	**Tỷ lệ** *(% vốn điều lệ)*
Nguyễn Thị Cẩm Trà	Chị ruột	1.000	0,0000137

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	**Giá trị (triệu đồng)**
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	15
Tổng cộng	**15**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			**Lợi ích khác**
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
1.641 triệu đồng	1.790 triệu đồng	2.088 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.7. Ông Lại Tiến Quân – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lại Tiến Quân**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh:	08/12/1974
Nơi sinh:	Hà Nam
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	035074001989 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/08/2022
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 10/1997 - 10/2003:	Cán bộ Trung tâm Công nghệ thông tin BIDV.
- 10/2003 - 08/2004:	Phó Trưởng phòng Tổng hợp hành chính – Trung tâm Công nghệ thông tin BIDV.
- 09/2004 - 08/2006:	Thư ký Phòng Thư ký tổng hợp – Văn phòng Trụ sở chính BIDV.
- 08/2006 - 08/2008:	Phó Trưởng phòng Thư ký tổng hợp – Văn phòng Trụ sở chính BIDV.
- 09/2008 - 11/2008:	Quyền Trưởng phòng – Phòng Marketing bán lẻ – Ban Phát triển sản phẩm bán lẻ và Marketing – Trụ sở chính BIDV.
- 12/2008 - 03/2012:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 03/2012 – 07/2021:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 07/2021 – 10/2022:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân kiêm phụ trách Chi nhánh BIDV Nam Sài Gòn.
- 10/2022 – 01/2024:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 30/01/2024 – 02/2025:	Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Thanh Xuân.
- 02/2025 – nay:	Phó Tổng Giám đốc BIDV

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV.
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC).
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

  - Sở hữu cá nhân: 13.705 cổ phiếu (chiếm 0,0001883% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 3 cổ phiếu (chiếm 0,00000004% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ *(% vốn điều lệ)*

		(tại thời điểm 30/06/2026)	
Lại Thị Diệu Hương	Em ruột	3	0,00000004

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	151
Tổng cộng	**151**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Phó TGĐ ngày 30/1/2024)	1.503 triệu đồng (Bổ nhiệm Phó TGĐ ngày 30/1/2024)	1.893 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.8. Ông Đoàn Việt Nam - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên:	**Đoàn Việt Nam**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/07/1976
Nơi sinh:	Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	015076000015 do Bộ Công an cấp ngày 11/08/2024
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
- 09/1998 - 12/2002:	Cán bộ Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 12/2002 - 11/2005:	Phó Trưởng phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 11/2005 - 02/2008:	Trưởng phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 03/2008 - 06/2010:	Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Yên Bái.
- 07/2010 - 09/2012:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Yên Bái.

- 10/2012 - 12/2012: Trưởng Văn phòng đại diện tại Lào, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng liên doanh Lào Việt Bank.
- 01/2013 – 03/2016: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt.
- 04/2016 – 08/2016: Giám đốc Ban Trụ sở chính BIDV.
- 08/2016 – 01/2024: Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 30/01/2024 – 16/10/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 1.
- 01/10/2024 – 16/10/2024: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Kiểm tra và giám sát tuân thủ.
- 16/10/2024 – 05/2026: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- 05/2026 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Phó TGĐ ngày 30/1/2024)	1.503 triệu đồng (Bổ nhiệm Phó TGĐ ngày 30/1/2024)	1.893 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.9. Ông Lê Huy Hoàng – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Huy Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1979

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 042079000442 do Cục QLHC về trật tự XH cấp ngày 24/06/2021

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 09/2002 - 04/2003: Cán bộ Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.
- 05/2003 - 04/2008: Cán bộ Phòng Thư ký Tổng hợp – Trụ sở chính.
- 04/2008 - 12/2009: Phó Trưởng phòng Thư ký Tổng hợp – Trụ sở chính.
- 01/2010 - 10/2011: Trưởng phòng Thư ký Tổng hợp – Trụ sở chính.
- 11/2011 - 10/2013: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 11/2013 - 04/2016: Giám đốc Chi nhánh BIDV Đống Đa.
- 05/2016 - 06/2020: Giám đốc Chi nhánh BIDV Mỹ Đình.
- 06/2020 - 10/2024: Giám đốc Chi nhánh BIDV Hà Nội.
- 10/2024 – 30/06/2026: Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự - Trụ sở chính.
- 01/07/2026 - nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026 (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.10. Ông Vũ Hoàng Dương – Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Vũ Hoàng Dương**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/10/1974
Nơi sinh:	Thanh Hóa
Quốc tịch:	Việt Nam
Số CMND/CCCD:	038074009715 do Cục QLHC về trật tự XH cấp ngày 09/05/2021
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 11/1995 – 01/2002:	Chuyên viên - Chi nhánh BIDV Thanh Hóa.
- 01/2002 – 12/2002:	Chuyên viên phòng Tín dụng I - Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.
- 12/2002 – 02/2005:	Phó Trưởng phòng Tín dụng I - Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1
- 02/2005 – 08/2007:	Trưởng phòng Tín dụng I - Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1
- 08/2007 – 08/2010:	Phó Giám đốc - Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.
- 09/2010 – 10/2010:	Phó Giám đốc Ban Quan hệ Khách hàng doanh nghiệp – Trụ sở chính BIDV;
- 11/2010 –03/2012:	Giám đốc Ban Quan hệ Khách hàng doanh nghiệp – Trụ sở chính BIDV;
- 03/2012 – 04/2024:	Giám đốc Chi nhánh BIDV Tây Hồ;
- 10/2024 – 30/06/2026:	Giám đốc - Chi nhánh BIDV Sở Giao dịch 1.
- 01/07/2026 – nay:	Phó Tổng Giám đốc BIDV.

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc BIDV
- ❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- ❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026: (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026):

  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
  - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- ❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026: Không có (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)
- ❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**

0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	0 đồng (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV ngày 01/7/2026)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.11. Ông Ham Jin Sik - Thành viên Ban Điều hành

Họ tên:	**Ham Jin Sik**
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/03/1969
Nơi sinh:	Hàn Quốc
Quốc tịch:	Hàn Quốc
Hộ chiếu số:	M93387414 cấp ngày 21/11/2017 bởi Bộ Ngoại giao Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 02/1994 - 08/2015:	Nhân viên Ngân hàng Korea Exchange (Hàn Quốc).
- 08/2001 - 12/2002:	Phó trưởng phòng Ngân hàng Korea Exchange (Hàn Quốc).
- 08/2003 - 02/2006:	Quản lý Ngân hàng Korea Exchange, Bộ phận Nhân sự.
- 02/2006 - 08/2009:	Quản lý cấp cao Ngân hàng Korea Exchange, chi nhánh Hà Nội.
- 08/2009 - 07/2011:	Quản lý cấp cao & Chuyên viên kiểm toán, Ngân hàng Korea Exchange, Bộ phận kiểm toán.
- 07/2011 - 01/2014:	Quản lý cấp cao, Ngân hàng Korea Exchange, chi nhánh Hà Nội.
- 01/2014 – 12/2014:	Quản lý cấp cao và quản lý khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Yangjaedong.
- 07/2016 – 11/2017:	Giám đốc Ban Quản lý khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Ga Seolleung.
- 11/2017 – 07/2022:	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Hà Nội.
- 07/2022 – 01/2024:	Giám đốc
Chi nhánh Ngân hàng KEB Hana, chi nhánh Nam Seoul.	
- 01/2024 – 03/2024:	Giám đốc Ban Ngân hàng KEB Hana, Khối kinh doanh Gangnam Seocho.
- 01/03/2024 – nay:	Thành viên Ban điều hành BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban điều hành BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	8
Tổng cộng	**8**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
n/a (Bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành BIDV ngày 01/03/2024 và không thuộc Người quản lý BIDV phải công bố thông tin)	n/a (Bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành BIDV ngày 01/03/2024 và không thuộc Người quản lý BIDV phải công bố thông tin)	n/a (Bổ nhiệm Thành viên Ban điều hành BIDV ngày 01/03/2024 và không thuộc Người quản lý BIDV phải công bố thông tin)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

10.3.12. Bà Bùi Thị Hòa - Kế toán trưởng

Họ tên: **Bùi Thị Hòa**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 27/11/1976

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND/CCCD: 036176012322 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2022

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 12/1999 - 01/2005: Cán bộ Ban Tài chính kế toán, Trụ sở chính BIDV
- 01/2005 - 09/2006: Phó Trưởng phòng tại Ban Tài chính – Trụ sở chính BIDV
- 09/2006 - 03/2007: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng tại Ban Tài chính, BIDV
- 03/2007 - 09/2008: Trưởng phòng Ban Tài chính, BIDV

- 09/2008 - 06/2013: Phó Giám đốc Ban Tài chính – Trụ sở chính BIDV
- 06/2013 - 07/2014: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Sở giao dịch 3
- 07/2014 - 08/2015: Phó Giám đốc Ban Tài chính BIDV
- 08/2015 - 01/2020: Giám đốc Ban Quản lý hiệu quả hoạt động (Khối Tài chính kế toán)
- 01/2020 – 02/2023: Giám đốc Ban Phát triển Ngân hàng bán lẻ BIDV
- 02/2023 – 04/2023: Giám đốc Ban Khách hàng bán lẻ BIDV
- 04/2023 – 01/2024: Phó Trưởng Khối Ngân hàng bán lẻ BIDV
- 30/01/2024 – 10/2025: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 16/10/2025 – nay: Kế toán trưởng BIDV.

❖ Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng BIDV.

❖ Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

❖ Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/06/2026:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

❖ Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/06/2026:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	42
Tổng cộng	**42**

❖ Lợi ích liên quan đối với BIDV:

Thù lao/Tiền lương			Lợi ích khác
Năm 2023	**Năm 2024**	**Năm 2025**	**Cổ tức**
0 đồng (Bổ nhiệm Kế toán trưởng 01/2024)	1.306 triệu đồng (Bổ nhiệm Kế toán trưởng 01/2024)	1.727 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của BIDV hàng năm tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ (nếu có)

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại

Trong 3 năm gần nhất trước khi phát hành Trái Phiếu (từ năm 2023-2025), BIDV luôn thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu đến hạn).

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết

12.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn tại thời điểm hiện tại

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số dư trái phiếu do BIDV phát hành nhưng chưa đáo hạn là **82.283.938,9 triệu đồng** (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu thường: 15.160.000 triệu đồng, chiếm 18,42% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.
- Trái phiếu tăng vốn cấp 2: 67.123.938,9 triệu đồng, chiếm 81,58% tổng số dư trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn.

12.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất thời điểm 30/06/2026

STT	Nội dung	Số tiền (Triệu VND)
1	Tổng giá trị hợp đồng	12.645.949
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	6.186.403
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	791.981
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	5.667.565

Nguồn: BIDV

12.3. Những cam kết chưa thực hiện khác tại thời điểm 30/06/2026

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết nhưng chưa thực hiện khác của BIDV tại ngày 30/06/2026 như sau:

Bảng 25: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV tại 30/06/2026

Chỉ tiêu	Giá trị *(tỷ đồng)*
1. Các khoản bảo lãnh	**277.759**
- Bảo lãnh vay vốn	6.421
- Bảo lãnh khác	271.338
2. Cam kết thanh toán LC	**71.702**
3. Các cam kết đưa ra	**21.691**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức đăng ký niêm yết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các Toà án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, BIDV còn tham gia tố tụng trong một số vụ án tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính, hình sự với tư cách là bị đơn/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (đối với tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại, hành chính); hoặc với tư cách bị hại/nguyên đơn dân sự/người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong vụ án hình sự).

Về cơ bản, đây là các tranh chấp thông thường phát sinh trong hoạt động ngân hàng của các TCTD nói riêng và của các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung, không ảnh hưởng khả năng thực hiện các quyền, nghĩa vụ của BIDV phát sinh đối với trái phiếu phát hành theo Bản Cáo Bạch này.

14. Thông tin về cam kết của Tổ Chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BIDV không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 26: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	30/06/2026
Tổng giá trị tài sản	2.760.907	3.330.826	20,64%	3.440.841
Tổng doanh thu	175.792	197.032	12,08%	110.753
Thu nhập lãi thuần	58.003	63.295	9,12%	33.538
Tổng thu nhập hoạt động	81.097	91.214	12,48%	44.335
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	53.117	60.786	14,44%	30.223

Lợi nhuận trước thuế	32.076	37.788	17,81%	18.905
Lợi nhuận sau thuế	25.677	30.430	18,51%	15.174
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (*)	10,71%	12,33%		

Nguồn:
- BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.
(*): Cổ tức đã được BIDV chi trả và dự kiến chi trả theo số liệu riêng lẻ tại Bảng 27.

Bảng 27: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	30/06/2026
Tổng giá trị tài sản	2.709.397	3.265.519	20,53%	3.374.862
Tổng doanh thu	166.878	185.395	11,10%	105.279
Thu nhập lãi thuần	56.234	61.255	8,93%	32.668
Tổng thu nhập hoạt động	77.045	86.330	12,05%	42.259
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	51.236	58.081	13,36%	29.150
Lợi nhuận trước thuế	30.698	35.509	15,67%	18.082
Lợi nhuận sau thuế	24.580	28.446	15,73%	14.494
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (RL)	10,71%	12,33%		
Đã chi trả (*)	4,5%	4,5%		
Dự kiến chi trả (**)	6,21%	7,83%	1,62%	

Nguồn:
- BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.
(*) Tỷ lệ đã chi trả tính trên VLĐ tại thời điểm chi trả là 72.800.652.100.000 đồng.
(**) Tỷ lệ dự kiến chi trả tính trên VLĐ hiện nay là 77.782.294.730.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh năm 2025 của BIDV duy trì ổn định, bám sát các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra.

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng giá trị tài sản hợp nhất đạt 2.760.907 tỷ đồng, tăng 19,99% so với năm 2023. Tổng thu nhập hoạt động năm 2024 hợp nhất đạt 81.097 tỷ đồng, tăng 11,07% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 32.076 tỷ đồng, tăng 16,26% so với năm trước. BIDV đã kiểm soát tốt chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng giá trị tài sản đạt 3.330.826 tỷ đồng, tăng 20,6% so với năm 2024, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất thị trường. Tổng thu nhập hoạt động năm 2025 đạt 91.214 tỷ đồng, tăng 12,5% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 37.788 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2024.

1.2. Các chỉ tiêu khác

Cơ cấu thu nhập

Bảng 28: Cơ cấu thu nhập của BIDV giai đoạn 2024 –30/06/2026 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	58.003	71,5	63.295	69,4	33.538	75,7
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	7.077	8,7	6.924	7,6	3.584	8,1
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.361	6,6	3.792	4,2	1.817	4,1
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	285	0,4	719	0,8	109	0,2
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	4.900	6,0	2.262	2,5	5	0,0
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	5.025	6,2	13.125	14,4	4.919	11,1
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	446	0,5	1.097	1,2	363	0,8
	Tổng cộng	**81.097**	**100**	**91.214**	**100**	**44.335**	**100**

Nguồn:
- BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Bảng 29: Cơ cấu thu nhập của BIDV trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026

STT		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	56.234	73,0	61.255	71,0	32.669	77,3
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.629	7,3	5.708	6,6	2.992	7,1
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.265	6,8	3.718	4,3	1.778	4,2
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	91	0,1	420	0,5	41	0,1
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	4.851	6,3	2.257	2,6	(2)	0,0
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	4.770	6,2	12.751	14,8	4.631	11,0
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	206	0,3	220	0,3	151	0,3
	Tổng cộng	**77.045**	**100,0**	**86.330**	**100,0**	**42.259**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Cơ cấu lãi thuần

Bảng 30: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	138.284	78,7	154.993	78,7	92.620	83,6
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	13.466	7,7	13.151	6,7	6.828	6,2
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	8.671	4,9	8.154	4,1	4.168	3,8
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	460	0,3	1.123	0,6	440	0,4
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.235	3,0	2.263	1,1	17	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	9.230	5,3	16.250	8,2	6.316	5,7
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	446	0,3	1.097	0,6	363	0,3
	Tổng cộng	**175.792**	**100,0**	**197.032**	**100,0**	**110.753**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Bảng 31: Cơ cấu doanh thu của BIDV giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	135.295	81,1	151.148	81,5	90.557	86,0
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9.663	5,8	9.084	4,9	4.640	4,4
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	7.380	4,4	6.227	3,4	3.685	3,5
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	211	0,1	647	0,3	227	0,2
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.180	3,1	2.258	1,2	10	0,0
6	Thu nhập từ hoạt động khác	8.943	5,4	15.810	8,5	6.010	5,7
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	206	0,1	220	0,1	151	0,2
	Tổng cộng	**166.878**	**100,0**	**185.395**	**100,0**	**105.279**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 32: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	15.999	57,2	17.778	58,4	7.957	56,4
2	Chi về tài sản	4.557	16,3	4.646	15,3	2.233	15,8
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	5.999	21,4	6.434	21,1	3.039	21,5
4	Chi phí hoạt động khác	1.424	5,1	1.570	5,2	883	6,3
	Tổng chi phí hoạt động	**27.980**	**100,0**	**30.428**	**100,0**	**14.112**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Bảng 33: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC riêng

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	14.844	57,5	16.585	58,7	7.420	56,6
2	Chi về tài sản	4.202	16,3	4.327	15,3	2.075	15,8
3	Chi hoạt động quản lý công vụ	5.475	21,2	5.877	20,8	2.774	21,2
4	Chi phí hoạt động khác	1.288	5,0	1.459	5,2	840	6,4
	Tổng chi phí hoạt động	**25.809**	**100,0**	**28.248**	**100,0**	**13.109**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu

Bảng 34: Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Vốn của TCTD	84.788.796	58,5	90.089.431	51,9	100.237.855	50,4
	+ Vốn điều lệ	68.975.153	47,6	70.213.619	40,5	72.800.652	36,6
	+ Thặng dư Vốn cổ phần	15.361.020	10,6	18.875.728	10,9	26.309.607	13,2
	+ Vốn khác	452.623	0,3	1.000.084	0,6	1.127.596	0,6
2	Quỹ của TCTD	19.396.820	13,4	33.710.640	19,4	33.770.111	17,0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(701.036)	-0,5	(597.397)	-0,3	(455.949)	-0,2
4	LNST chưa phân phối	36.264.506	25,0	44.786.285	25,8	59.497.817	29,9
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	5.235.108	3,6	5.563.943	3,2	5.733.452	2,9
	Tổng cộng	**144.984.194**	**100,0**	**173.552.902**	**100,0**	**198.783.286**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bảng 35: Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu trong giai đoạn 2024 – 30/06/2026 theo BCTC riêng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		30/06/2026	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Vốn của TCTD	83.267.535	61,1	88.020.709	54,0	98.041.621	52,3
	+ Vốn điều lệ	68.975.153	50,6	70.213.619	43,1	72.800.652	38,8
	+ Thặng dư Vốn cổ phần	14.292.382	10,5	17.807.090	10,9	25.240.969	13,5
	+ Vốn khác	-	0,0	-	0,0	-	0,0
2	Quỹ của TCTD	18.848.053	13,8	33.355.349	20,5	33.363.503	17,8
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	0,0	-	0,0	50.057	0,0
4	LNST chưa phân phối	34.235.054	25,1	41.641.017	25,5	56.130.885	29,9
	Tổng cộng	**136.350.642**	**100,0**	**163.017.075**	**100,0**	**187.586.066**	**100,0**

Nguồn:
- BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét.
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

1.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tốc độ tăng trưởng	
				2024/2023	2025/2024
LNST riêng	21.374.934	24.579.917	28.445.518	115,0%	115,7%
LNST hợp nhất	21.977.141	25.677.118	30.430.130	116,8%	118,5%

Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của BIDV năm 2024 tăng tương ứng 15% và 16,8% so với năm 2023. Năm 2025, lợi nhuận sau thuế riêng và hợp nhất tiếp tục tăng lần lượt 15,7% và 18,5% so với năm 2024. Lợi nhuận 02 năm liên tục tăng do ngân hàng tập trung tối đa hóa thu nhập từ hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư và thu nợ ngoại bảng và kiểm soát chi phí hợp lý.

- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

Bảng 36: Tình hình nợ phải thu, nợ phải trả giai đoạn 2024 – 30/06/2026

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Theo số liệu BCTC riêng				
1	Tổng nợ phải thu	44.576	56.216	56.415
2	Tổng nợ phải trả	43.164	50.165	49.333
	Tổng	**87.740**	**106.381**	**105.748**
Theo số liệu BCTC hợp nhất				
1	Tổng nợ phải thu	48.920	61.089	62.080
2	Tổng nợ phải trả	50.453	59.743	58.490
	Tổng	**99.373**	**120.832**	**120.570**

Nguồn:
- BCTC đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét (hợp nhất và riêng lẻ)
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.1.2 Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của BIDV là **82.283.938,9 triệu đồng** theo mệnh giá. Toàn bộ trái phiếu chưa đáo hạn của BIDV đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, cụ thể như sau:

Bảng 37: Danh mục trái phiếu chưa đáo hạn tại thời điểm hiện tại

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
Trái phiếu thường						
BID12365	1.000.000.000	980	980.000.000.000	6,20%	25/10/2023	5
BID12366	1.000.000.000	1.520	1.520.000.000.000	5,38%	25/10/2023	5
BID12429	1.000.000.000	540	540.000.000.000	5,68%	16/08/2024	5
BID12430	1.000.000.000	2.460	2.460.000.000.000	6,70%	16/08/2024	5
BID12556	1.000.000.000	360	360.000.000.000	6,00%	27/11/2025	2
BID12562	1.000.000.000	4.000	4.000.000.000.000	6,50%	25/12/2025	2
BID12563	1.000.000.000	4.000	4.000.000.000.000	6,50%	29/12/2025	2
BIDL12621	1.000.000.000	800	800.000.000.000	8,20%	11/09/2026	5
BIDL12624	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,20%	18/09/2026	5
Trái phiếu tăng vốn cấp 2						
BID12101	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	30/08/2021	15
BID12116	1.000.000.000	800	800.000.000.000	6,90%	21/05/2021	15
BID12117	1.000.000.000	120	120.000.000.000	6,90%	23/06/2021	15
BID12121	1.000.000.000	50	50.000.000.000	6,90%	29/06/2021	15
BID12125	1.000.000.000	50	50.000.000.000	6,90%	29/07/2021	15
BID12150	1.000.000.000	40	40.000.000.000	6,90%	08/09/2021	15
BID12152	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	22/09/2021	15
BID122005	100.000	1.570.272	157.027.200.000	6,20%	25/01/2022	10

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12206	100.000	2.000.000	200.000.000.000	7,10%	06/05/2022	15
BID12211	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,50%	09/12/2022	20
BID12212	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,50%	27/12/2022	20
BID12237	1.000.000.000	25	25.000.000.000	7,00%	26/07/2022	12
BID12238	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,00%	26/07/2022	20
BID12243	1.000.000.000	14	14.000.000.000	6,90%	22/06/2022	10
BID12246	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,20%	29/06/2022	10
BID12255	1.000.000.000	27	27.000.000.000	7,20%	26/08/2022	10
BID12257	1.000.000.000	60	60.000.000.000	7,20%	09/09/2022	15
BID123004	100.000	3.000.000	300.000.000.000	6,70%	16/01/2023	10
BID12302	1.000.000.000	35	35.000.000.000	6,50%	26/12/2023	8
BID12303	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,50%	27/12/2023	8
BID12307	1.000.000.000	460	460.000.000.000	7,60%	21/07/2023	15
BID12308	1.000.000.000	500	500.000.000.000	7,70%	01/08/2023	20
BID12326	1.000.000.000	700	700.000.000.000	7,70%	24/07/2023	20
BID12329	1.000.000.000	60	60.000.000.000	7,10%	30/08/2023	10
BID12363	1.000.000.000	10	10.000.000.000	5,98%	29/09/2023	10
BID12364	1.000.000.000	3.000	3.000.000.000.000	5,98%	29/09/2023	10
BID12368	1.000.000.000	732	732.000.000.000	5,98%	23/11/2023	8
BID12369	1.000.000.000	10	10.000.000.000	6,08%	23/11/2023	10
BID12370	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,00%	30/11/2023	15
BID12372	1.000.000.000	257	257.000.000.000	5,98%	12/12/2023	8
BID12373	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,88%	13/12/2023	15
BID12375	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,18%	20/12/2023	10
BID12405	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	6,50%	21/05/2024	15
BID12407	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,15%	22/05/2024	8
BID12409	1.000.000.000	300	300.000.000.000	7,15%	24/05/2024	8
BID12411	100.000.000	20.000	2.000.000.000.000	7,10%	29/05/2024	8
BID12412	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,50%	30/05/2024	20
BID12414	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,50%	30/05/2024	15
BID12415	1.000.000.000	3.500	3.500.000.000.000	7,30%	07/06/2024	10
BID12417	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,10%	17/06/2024	8
BID12418	1.000.000.000	400	400.000.000.000	7,15%	26/06/2024	8
BID12420	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,15%	27/06/2024	8
BID12421	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,10%	05/07/2024	8
BID12422	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	7,10%	05/07/2024	8
BID12424	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,10%	09/07/2024	8
BID12426	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,10%	17/07/2024	8
BID12427	1.000.000.000	1.500	1.500.000.000.000	7,10%	23/07/2024	8
BID12432	1.000.000.000	95	95.000.000.000	7,10%	21/08/2024	8
BID12434	1.000.000.000	392	392.000.000.000	7,10%	26/08/2024	8

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12435	100.000.000	10.000	1.000.000.000.000	7,10%	27/08/2024	8
BID12439	1.000.000.000	250	250.000.000.000	7,10%	29/08/2024	8
BID12440	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,50%	29/08/2024	15
BID12442	1.000.000.000	13	13.000.000.000	7,10%	09/09/2024	8
BID12501	1.000.000.000	780	780.000.000.000	6,90%	15/05/2025	7
BID12502	1.000.000.000	305	305.000.000.000	7,05%	15/05/2025	8
BID12503	1.000.000.000	173	173.000.000.000	5,90%	15/05/2025	8
BID12504	1.000.000.000	1.100	1.100.000.000.000	6,90%	16/05/2025	7
BID12505	1.000.000.000	2.200	2.200.000.000.000	7,05%	16/05/2025	8
BID12506	1.000.000.000	1.200	1.200.000.000.000	6,26%	20/05/2025	15
BID12507	1.000.000.000	53	53.000.000.000	6,90%	20/05/2025	7
BID12508	1.000.000.000	355	355.000.000.000	7,05%	20/05/2025	8
BID12509	1.000.000.000	1.500	1.500.000.000.000	6,90%	26/05/2025	7
BID12510	1.000.000.000	238	238.000.000.000	6,90%	26/05/2025	7
BID12511	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	27/05/2025	8
BID12512	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,30%	27/05/2025	15
BID12513	1.000.000.000	3.000	3.000.000.000.000	7,05%	29/05/2025	8
BID12514	1.000.000.000	600	600.000.000.000	6,90%	05/06/2025	7
BID12515	1.000.000.000	250	250.000.000.000	6,90%	10/06/2025	7
BID12516	1.000.000.000	85	85.000.000.000	5,90%	10/06/2025	8
BID12517	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,05%	10/06/2025	8
BID12518	1.000.000.000	360	360.000.000.000	6,90%	13/06/2025	7
BID12519	1.000.000.000	850	850.000.000.000	6,90%	13/06/2025	7
BID12520	1.000.000.000	202	202.000.000.000	7,05%	13/06/2025	8
BID12521	1.000.000.000	260	260.000.000.000	6,90%	20/06/2025	7
BID12522	1.000.000.000	122	122.000.000.000	7,05%	20/06/2025	8
BID12523	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	20/06/2025	7
BID12524	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	24/06/2025	8
BID12525	1.000.000.000	135	135.000.000.000	6,90%	24/06/2025	7
BID12526	1.000.000.000	367	367.000.000.000	6,90%	27/06/2025	7
BID12527	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,90%	27/06/2025	7
BID12528	1.000.000.000	150	150.000.000.000	7,05%	27/06/2025	8
BID12529	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,05%	27/06/2025	8
BID12530	1.000.000.000	500	500.000.000.000	6,40%	30/06/2025	20
BID12531	1.000.000.000	2.000	2.000.000.000.000	7,10%	30/06/2025	8
BID12532	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	03/07/2025	7
BID12533	1.000.000.000	1.200	1.200.000.000.000	7,05%	03/07/2025	8
BID12534	1.000.000.000	400	400.000.000.000	6,90%	09/07/2025	7
BID12535	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,90%	15/07/2025	7
BID12536	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	30/07/2025	7
BID12537	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,30%	30/07/2025	15

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12538	1.000.000.000	415	415.000.000.000	6,90%	10/09/2025	7
BID12539	1.000.000.000	600	600.000.000.000	6,26%	15/09/2025	15
BID12540	1.000.000.000	120	120.000.000.000	6,90%	18/09/2025	7
BID12541	1.000.000.000	250	250.000.000.000	7,05%	18/09/2025	8
BID12542	1.000.000.000	320	320.000.000.000	5,68%	29/09/2025	7
BID12543	1.000.000.000	200	200.000.000.000	5,83%	29/09/2025	8
BID12544	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,30%	29/09/2025	15
BID12545	1.000.000.000	100	100.000.000.000	5,83%	06/10/2025	8
BID12546	1.000.000.000	100	100.000.000.000	5,93%	06/10/2025	10
BID12547	1.000.000.000	138	138.000.000.000	5,68%	06/10/2025	7
BID12548	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,90%	06/10/2025	7
BID12549	1.000.000.000	347	347.000.000.000	5,68%	21/10/2025	7
BID12550	1.000.000.000	75	75.000.000.000	6,00%	21/10/2025	10
BID12551	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,30%	21/10/2025	15
BID12552	1.000.000.000	702	702.000.000.000	6,03%	24/11/2025	7
BID12553	1.000.000.000	590	590.000.000.000	6,08%	24/11/2025	8
BID12554	1.000.000.000	156	156.000.000.000	6,13%	24/11/2025	10
BID12555	1.000.000.000	150	150.000.000.000	6,60%	24/11/2025	15
BID12557	1.000.000.000	100	100.000.000.000	7,25%	28/11/2025	7
BID12558	1.000.000.000	142	142.000.000.000	6,13%	12/12/2025	7
BID12559	1.000.000.000	800	800.000.000.000	6,68%	24/12/2025	15
BID12560	1.000.000.000	200	200.000.000.000	6,68%	24/12/2025	15
BID12561	1.000.000.000	203	203.000.000.000	6,67%	23/12/2025	8
BID126007	100.000	19.851.508	1.985.150.800.000	7,50%	03/02/2026	7
BID126008	100.000	10.000.000	1.000.000.000.000	7,55%	03/02/2026	8
BID126009	100.000	3.160.253	316.025.300.000	7,55%	03/02/2026	10
BID12601	1.000.000.000	175	175.000.000.000	7,70%	26/05/2026	15
BID12602	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,10%	29/05/2026	6
BID126022	100.000	9.148.938	914.893.800.000	7,70%	20/05/2026	7
BID126023	100.000	4.465.850	446.585.000.000	7,75%	20/05/2026	8
BID126024	100.000	37.412	3.741.200.000	7,80%	20/05/2026	10
BID12603	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,15%	01/06/2026	8
BID12604	1.000.000.000	250	250.000.000.000	8,10%	04/06/2026	6
BID12605	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,10%	12/06/2026	6
BID12606	1.000.000.000	1.000	1.000.000.000.000	8,10%	19/06/2026	6
BID12607	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,10%	24/06/2026	6
BID12608	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	24/06/2026	10
BID12609	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,10%	26/06/2026	6
BID12610	1.000.000.000	2.000	2.000.000.000.000	8,25%	17/07/2026	6
BID12611	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,20%	20/07/2026	6
BID12612	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	27/07/2026	6

Mã trái phiếu	Mệnh giá/trái phiếu (VND)	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu đang lưu hành (triệu VND)	Lãi suất tại các kỳ xác định lãi suất gần nhất (%/năm)	Ngày phát hành	Kỳ hạn (năm)
BID12613	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	29/07/2026	6
BID12614	1.000.000.000	50	50.000.000.000	8,20%	05/08/2026	6
BID12615	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	05/08/2026	14
BID2_RL19.18	1.000.000.000	100	100.000.000.000	6,38%	18/12/2019	15
BID2_RL20.14	1.000.000.000	500	500.000.000.000	7,95%	26/05/2020	15
BID2_RL20.35	1.000.000.000	230	230.000.000.000	7,70%	25/06/2020	15
BIDL12616	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	10/08/2026	6
BIDL12617	1.000.000.000	315	315.000.000.000	8,20%	17/08/2026	6
BIDL12618	1.000.000.000	100	100.000.000.000	8,20%	21/08/2026	6
BIDL12619	1.000.000.000	500	500.000.000.000	8,00%	27/08/2026	20
BIDL12620	1.000.000.000	150	150.000.000.000	8,00%	04/09/2026	14
BIDL12622	1.000.000.000	200	200.000.000.000	8,20%	14/09/2026	6
BIDL12623	1.000.000.000	110	110.000.000.000	8,20%	17/09/2026	6
BIDL2035050	1.000.000.000	200	200.000.000.000	7,00%	29/10/2020	15
BIDL2035059	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,00%	24/09/2020	15
BIDL2035063	1.000.000.000	50	50.000.000.000	7,00%	19/10/2020	15
BIDL2035065	1.000.000.000	47	47.000.000.000	7,20%	14/10/2020	15
BIDC12625	100.000	10.999.554	1.099.955.400.000	8,15%	09/09/2026	7
BIDC12626	100.000	15.272.302	1.527.230.200.000	8,20%	09/09/2026	8
BIDC12627	100.000	8.533.300	853.330.000.000	8,15%	09/09/2026	10
Tổng		**88.139.869**	**82.283.938.900.000**			

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 38: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các khoản phải nộp	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	Việc tuân thủ theo QĐPL
Theo số liệu BCTC riêng					
1	Các khoản thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác)	3.020.600	3.723.776	2.332.897	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	171.646	171.633	171.633	
	Tổng	**3.192.246**	**3.895.409**	**2.504.530**	
Theo số liệu BCTC hợp nhất					
1	Các khoản thuế (thuế GTGT, thuế TNDN, các loại thuế khác)	3.188.716	3.904.448	2.492.906	BIDV thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với NSNN theo các cơ chế chính sách hiện hữu
2	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	177.339	176.905	177.763	
	Tổng	**3.366.055**	**4.081.353**	2.670.669	

Nguồn:

- BCTC đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét (riêng và hợp nhất).
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.1.4. Trích lập các quỹ

Năm 2023, BIDV đã được ĐHĐCĐ và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 2.137,2 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.137,2 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.677,3 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 427,4 tỷ đồng

Năm 2024, BIDV đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua về phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại, cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 2.452,9 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.452,9 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.154,9 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 490,6 tỷ đồng

Năm 2025: BIDV đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua về Phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại, cụ thể như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 2.845,9 tỷ đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.561,3 tỷ đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.369,4 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 6.403,3 tỷ đồng.

Năm 2026: Tính đến 15/09/2026, BIDV đã tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi 1.056,6 tỷ đồng từ lợi nhuận năm 2026.

Việc trích lập Quỹ của BIDV đảm bảo tuân thủ các quy định trong quản lý tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định mức trích lập các hàng năm theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính cuả Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 39: Chi tiết chỉ tiêu tài chính trong năm 2024 – 30/06/2026

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026
1. Chỉ tiêu về vốn							
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	68.975	70.214	72.801	68.975	70.214	72.801
- Vốn tự có	Tỷ đồng	186.027	227.231	258.709	196.383	237.143	269.065
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	8,78%	9,05%	9,84%	9,03%	9,18%	10,01%
2. Chất lượng tài sản							
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	0,56	0,88	0,51	0,55	0,81	0,50
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,37	1,44	1,79	1,41	1,47	1,83
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	74,80	71,57	73	74,89	71,66	73,08
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,2	96,4	95,4	97,0	96,2	95,1
3. Khả năng thanh khoản (*)							
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	14,02	15,14	16,02	n/a	n/a	n/a
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	24,27	27,08	22,98	n/a	n/a	n/a
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (**)	%	83,65	81,84	82,88	n/a	n/a	n/a
4. Kết quả hoạt động kinh doanh							
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,41	23,72	20,80	22,06	23,73	20,48

Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo BCTC riêng			Theo BCTC hợp nhất		
		Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026	Năm 2024	Năm 2025	30/06/2026
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,24	1,19	1,10	1,16	1,24	1,13
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	2,30	2,08	2,08	2,33	2,12	2,11
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,99	0,95	0,88	1,01	1,01	0,90
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,54	19,00	16,67	19,52	19,43	16,44
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phiếu	n/a	n/a	n/a	3.214	3.774	n/a
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	7,31	6,61	7,08	8,73	7,59	8,09
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	18,34	16,08	16,55	22,06	18,32	18,96

Nguồn:
- BCTC đã được kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC giữa niên độ Quý II/2026 đã soát xét (riêng lẻ và hợp nhất)
- Số năm 2024 trình bày lại sau điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

(*) Theo Quy định NHNN, tỷ lệ này chỉ áp dụng với hoạt động riêng Ngân hàng.

(**) Số liệu báo cáo NHNN theo chế độ báo cáo thống kê TT11.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

- **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:**

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức

tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

- **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024:**

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2024, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- **Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025:**

+ Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- **Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý II/2026 đã được soát xét:**

+ Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung và thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

+ Theo ý kiến của Tổ chức kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung và thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

4.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 40: Kế hoạch lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2026

Đơn vị: tỷ đồng,%

Chỉ tiêu	Năm 2026	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025
Tổng thu nhập hoạt động	91.770	Tăng 6,3%
Lợi nhuận sau thuế	29.600	Tăng 4,1%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động	32,25%	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	16,3%	
Tỷ lệ cổ tức	Thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền	

Nguồn: BIDV

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch các chỉ tiêu KHKD chủ yếu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế và theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; tỷ lệ và hình thức chi trả cổ tức thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Tính đến thời điểm 30/06/2026, tổng thu nhập hoạt động của BIDV là 42.259 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ, tương đương 46% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế của BIDV đạt 14.494 tỷ đồng theo BCTC riêng lẻ, tương đương 49% kế hoạch năm.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức nêu trên

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận 2026

BIDV xây dựng kế hoạch và tính toán khả năng có thể đảm bảo đạt mục tiêu trên cơ sở các căn cứ sau:

- Tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch NHNN giao, bám sát chủ trương, giải pháp điều hành kinh tế của Chính phủ, chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của NHNN.

- Cân đối nguồn vốn, sử dụng vốn an toàn - hiệu quả, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu tín dụng và thanh toán của nền kinh tế, củng cố vị trí dẫn đầu trên các phân khúc thị trường chủ đạo như bán lẻ, SME, gia tăng FDI, ...

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng đảm bảo tỷ lệ nợ xấu ≤1,6%, quyết liệt triển khai các giải pháp xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp thu hồi nợ ngoại bảng.

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động Ngân hàng số, phấn đấu gia tăng các nguồn thu phi lãi theo đúng định hướng; Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm dịch vụ và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Gia tăng quản trị chi phí hiệu quả.

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới hoạt động, nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro trên tất cả các mặt hoạt động.

- Tăng cường năng lực quản trị tài chính, hiệu quả hoạt động của Khối công ty con để nâng cao sức cạnh tranh và khả năng cung cấp dịch vụ đa dạng, đồng bộ trong hệ sinh thái của Ngân hàng. Nghiên cứu thành lập các hiện diện thương mại mới khi đủ điều kiện tại Trung tâm tài chính quốc tế, Khu thương mại tự do,... nhằm mở rộng phạm vi hoạt động, đón đầu xu thế tài chính xanh và tạo thêm các nguồn thu mới ngoài tín dụng.

- Chuyển đổi toàn diện hoạt động phù hợp với đặc thù thị trường Việt Nam và các thông lệ tốt trên thế giới.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác với cổ đông chiến lược Hana Bank trong 6 lĩnh vực đã ký kết: (i) Quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; (ii) Quản lí hệ thống công nghệ và ngân hàng số; (iii) Tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; (iv) Đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; (v) Quản trị rủi ro; và (vi) Đào tạo & phát triển nguồn nhân lực.

❖ Cơ sở để đạt được kế hoạch cổ tức 2026:

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2026 của ngân hàng;

- Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền (NHNN, Bộ Tài chính).

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Với tư cách là tổ chức tư vấn cho đợt chào bán, MAS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở phân tích tiềm năng phát triển của ngàng ngân hàng và các thông tin thu thập được, cùng đánh giá về BIDV trên các phương diện như năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược phát triển, MAS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2026 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của BIDV.

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tên Trái Phiếu

Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng (BIDL2636009C)

Mã trái phiếu: BIDC12627

2. Loại trái phiếu

(a) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và là nợ thứ cấp của Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định.

(b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức ghi sổ kèm theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu.

3. Mệnh giá

100.000 VND (một trăm nghìn Đồng Việt Nam)/01 (một) Trái Phiếu.

4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số trái phiếu niêm yết là 8.533.300 trái phiếu (Bằng chữ: Tám triệu năm trăm ba mươi ba ngàn ba trăm trái phiếu).

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

Tổng giá trị Trái Phiếu niêm yết là 853.330.000.000 VND (Bằng chữ: Tám trăm năm mươi ba tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng).

6. Kỳ Hạn Trái Phiếu

10 (mười) năm kể từ ngày phát hành.

7. Ngày phát hành

09/09/2026 ("Ngày Phát Hành").

8. Ngày đáo hạn trái phiếu

09/09/2036 ("Ngày Đáo Hạn").

9. Mục đích phát hành trái phiếu

BIDV phát hành Trái Phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN và được BIDV sử dụng với mục đích cho vay nền kinh tế.

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng Đợt 3 năm 2026 (tương đương 3.480.515.600.000 VND) đã được sử dụng toàn bộ để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện được sử dụng để cho vay nền kinh tế đối với các ngành nghề như sau:

- Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, sản xuất điện năng khác.
- Công nghiệp, thương mại công nghiệp.
- Lĩnh vực khác.

10. Lãi suất và tiền lãi

10.1 Lãi suất

(a) Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Thanh Toán Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và được Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:

Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,25% (*hai phẩy hai mươi lăm phần trăm*)/năm

(b) Vì mục đích của Điểm 10.1(a):

(i) "**Ngày Xác Định Lãi Suất**" có nghĩa là Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và là Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo;

(ii) "**Lãi Suất Tham Chiếu**", đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) Ngân hàng thương mại tại Ngày xác định lãi suất của Kỳ tính lãi (làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân), bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - khu vực/thành phố Hà Nội.

(iii) "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – khu vực/thành phố Hà Nội, (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là "**Ngân Hàng Tham Chiếu**" và gọi chung là "**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**").

(iv) Trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

Lãi Suất áp dụng trong 05 (năm) năm cuối (10 (Mười) Kỳ Tính Lãi cuối cùng) = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,25% (*ba phẩy hai mươi lăm phần trăm một năm*)/năm.

(v) "**Kỳ Tính Lãi**" của Trái Phiếu là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 06 (Sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành.

(c) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo các nguyên tắc sau:

(i) Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu không xác định được Lãi Suất Tham Chiếu do một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất tương ứng. Khi đó, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu phải có bằng chứng chứng minh trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên. Để tránh nhầm lẫn, nguyên tắc này không áp dụng đối với trường hợp trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào vẫn công bố nhưng thay đổi cách thức công bố lãi suất (công bố lãi suất theo Chi nhánh cụ thể) dẫn đến việc (một hoặc một số) Lãi Suất Tham Chiếu của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu tại Điểm 10(b) không xác định được thì Ngân Hàng Tham Chiếu được sử dụng có giá trị tương đương là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch 1 (bao gồm cả trường hợp Chi nhánh Ngân Hàng Tham Chiếu đó đổi tên) để thay thế cho Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng.

(ii) Bằng chứng về thông tin lãi suất thu thập được có thể là bản chụp màn hình trang thông tin điện tử của các Ngân Hàng Tham Chiếu, văn bản, thông báo của các Ngân Hàng Tham Chiếu (dù công bố công khai tại các địa điểm kinh doanh tương ứng nêu trên, công bố trên trang thông tin điện tử hay gửi riêng cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu), hoặc bất kỳ bằng chứng hợp lệ nào khác (theo đánh giá hợp lý của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu) về việc mức lãi suất đó là mức lãi suất hợp lệ dùng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

(iii) Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.

(d) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì (A) nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 10.1(a) nêu trên thì lãi suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 10.1(a) đó; (B) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu và lãi suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 10.1(a) nêu trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái

Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật; (C) nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với lãi suất Trái Phiếu nhưng lãi suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 10.1(a) nêu trên không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì lãi suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 10.1(a) nêu trên.

10.2 **Tiền lãi:**

(a) Tiền lãi Trái Phiếu được tính kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc, và được thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi với Ngày Thanh Toán Lãi thứ nhất sẽ là ngày tròn 06 (sáu) tháng đầu tiên kể từ Ngày Phát Hành hoặc ngày đến hạn khác khi Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện mua lại Trái Phiếu (nếu phát sinh) tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước. Trái Phiếu có thứ tự Kỳ Thanh Toán Lãi trùng với Kỳ Tính Lãi. Theo đó, lãi suất của Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi thứ nhất là lãi suất được xác định tại Kỳ Tính Lãi thứ nhất.

Nếu Trái Phiếu được Tổ chức đăng ký niêm yết mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 10 (Mười) sẽ là Ngày Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của Kỳ Tính Lãi thứ 10 (Mười) cùng với các khoản lãi khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng.

Nếu Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (1) được hưởng lãi đối với khoản gốc Trái Phiếu chưa được thanh toán; và (2) không được hưởng lãi đối với khoản lãi Trái Phiếu chưa được thanh toán do Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc không phải là Ngày Làm Việc.

(b) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) giữ hộ và không được hưởng lãi.

(c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm 10.2(a), mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào các ngày đó, mà do lỗi của Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp).

Theo đó, nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu thì khoản tiền gốc Trái Phiếu đó sẽ được hưởng lãi theo mức 150% Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi có khoản gốc đến hạn đó (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán), tính từ và bao gồm Ngày Đến Hạn Gốc, cho đến nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán. Đối với các khoản chậm thanh toán phát sinh do lỗi của Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì việc thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lưu

Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

(d) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu (tùy từng trường hợp) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức 150% Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả. Đối với các khoản chậm thanh toán phát sinh do lỗi của Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) thì việc thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lưu Ký hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp) với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

(e) Tiền lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán hoặc bị từ chối thanh toán theo quy định tại Điểm 10.2(c) và (d) nêu trên sẽ do bên gây ra lỗi (tùy từng trường hợp là Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Thành Viên Lưu Ký hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc tổ chức có chức năng thanh toán (tùy từng trường hợp)) chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(f) Tiền lãi tại Điểm 10.2(a) được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu} \times \frac{\text{Số ngày thực tế tính lãi Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}}{365}$$

Trong đó:

(i) Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là mệnh giá của 01 Trái Phiếu nhân với số lượng Trái Phiếu nắm giữ thực tế tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng;

(ii) Lãi suất Trái Phiếu là lãi suất áp dụng tại Kỳ Thanh Toán Lãi xảy ra việc tính lãi theo Điểm 10.2(a) trên đây; và

(iii) Số ngày thực tế tính lãi Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên) hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất trước đó (đối với các Kỳ Thanh Toán Lãi tiếp theo) cho đến nhưng không gồm ngày thanh toán thực tế.

(g) Tiền lãi tại các Điểm 10.2(c), (d) nêu trên sẽ được tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

10.3 **Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi**

(a) Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đến Hạn Gốc, Tổ chức đăng ký niêm yết được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ chức đăng ký niêm yết bị lỗ ("Số Tiền Lãi Chậm

Trả"). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào.

(b) Số Tiền Lãi Chậm Trả sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ chức đăng ký niêm yết thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Chậm Trả), tính trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày.

(c) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Chậm Trả là Lãi Suất cho Kỳ Thanh Toán Lãi tương ứng mà Tổ chức đăng ký niêm yết chậm trả lãi (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian chậm trả lãi của Số Tiền Lãi Chậm Trả tương ứng).

(d) Tổ chức đăng ký niêm yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ theo quy định tại Điểm 10.3(a), (b), (c) Mục VI Bản Cáo Bạch này.

11. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

11.1 Kỳ hạn trả lãi:

Lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, vào ngày tròn 06 (sáu) tháng từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn trái phiếu.

11.2 Kỳ hạn trả gốc:

- Tiền Tiền gốc Trái Phiếu được trả một lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc theo quy định cụ thể của BIDV.

11.3 Phương thức thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu: Tiền lãi và tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản được đăng ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc phương thức khác theo quy chế của VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC).

12. Xếp hạng tín nhiệm: Không có.

13. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

13.1. Quyền Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC) sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

(a) Quyền sở hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

(i) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ lập sổ đăng ký tại Ngày Phát Hành, quản lý và duy trì sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký** ") ghi tên Người Sở Hữu Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận gốc, lãi Trái Phiếu và các thông tin khác của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(Mỗi) Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu, thay mặt và theo ủy quyền của Tổ chức đăng ký niêm yết, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu. (Mỗi) Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.

Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao hoàn thành các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu mà Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu quy định và hoàn tất việc đăng ký thông tin về bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu trong Sổ Đăng Ký. Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu sẽ cấp, hoặc bảo đảm cấp cho bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu một Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới ghi nhận (i) khoản tiền gốc của Trái Phiếu đã được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu và (ii) quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (để tránh nhầm lẫn, bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu sẽ trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được nhận Chuyển Quyền Sở Hữu ngay khi quyền sở hữu của bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đối với Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký, không phụ thuộc vào việc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu đã được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hay chưa). Các chi phí liên quan đến việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu ấn định khi thực hiện việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường và sẽ do bên Chuyển Quyền Sở Hữu và/hoặc bên nhận Chuyển Quyền Sở Hữu thanh toán cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu .

Nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu thay đổi thông tin trên Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu thì Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Văn Bản Chỉ Định sau khi người yêu cầu cấp lại thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại đó cho Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu và người yêu cầu cấp lại phải cung cấp chứng cứ liên quan đến việc cấp lại đó. Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách nát, hư hại hoặc cần thay đổi thông tin phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

(ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, đối với các Trái Phiếu được lưu ký tập trung, việc cấp Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu (nếu phát sinh) sẽ theo quy định có liên quan của VSDC và quy định của pháp luật. Đối với các Trái Phiếu chưa lưu ký tập trung, việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu (nếu phát sinh) sẽ do Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ chức đăng ký niêm yết) cấp theo quy định tại Văn Bản Chỉ Định (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSDC).

(b) ***Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác***

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ chức đăng ký niêm yết thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này đối với số Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

(i) Đối với các Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSDC (bao gồm cả giai đoạn trước và sau khi Trái Phiếu đăng ký tại VSDC), mỗi khoản thanh toán tiền lãi định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc khoản thanh toán tiền gốc và lãi vào Ngày Đến Hạn Gốc sẽ được trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng thông qua hình thức chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó.

Để tránh nhầm lẫn, những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký hoặc theo thông báo của VSDC (tùy từng trường hợp) tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng nêu trên sẽ là người nhận các khoản thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu mà không phụ thuộc vào việc Trái Phiếu đó có phát sinh các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu sau Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho tới và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc hay không. Tổ chức đăng ký niêm yết và Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện hoặc bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ chức đăng ký niêm yết và/hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu đã thực hiện việc thanh toán như quy định tại Điểm (i) này.

(ii) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định của Văn Kiện Trái Phiếu khác (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu khác không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC).

(c) ***Quyền giao dịch Trái Phiếu***

(i) Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu trong giai đoạn (i.1) từ Ngày Phát Hành đến Ngày Chốt Danh Sách để Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC; và (i.2) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, trừ các trường hợp khác theo các quy định pháp luật. Để làm rõ, Trái Phiếu sẽ không được thực hiện giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu từ thời điểm Tổ chức đăng ký niêm yết chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSDC cho đến khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tại VSDC.

(ii) Trái Phiếu được sử dụng làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật.

(iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại BIDV theo quy định của pháp luật và quy định của BIDV từng thời kỳ.

(iv) Không ảnh hưởng đến quy định tại Điểm 13.1(c)(iii), Tổ chức đăng ký niêm yết không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu trừ trường hợp mua lại trước hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

(v) Trước thời điểm Tổ chức đăng ký niêm yết chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu, việc giao dịch Trái Phiếu như trên sẽ được thực hiện thông qua đăng ký tại Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu theo thủ tục quy định tại Văn Bản Chỉ Định.

(vi) Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC và các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định của Văn Kiện Trái Phiếu (trong phạm vi các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Kiện Trái Phiếu không xung đột với các quy định của pháp luật Việt Nam và VSDC).

(d) ***Quyền biểu quyết***

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà phải xin ý kiến của Người Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu.

(e) ***Quyền có tổ chức đại diện***

Theo quy định của Pháp luật, Tổ chức đăng ký niêm yết đã ký kết Hợp Đồng Đại Diện với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định tại Điểm 14.a.

Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu công nhận và đồng ý việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điểm 13.1(e) này và Hợp Đồng Đại Diện.

(f) ***Quyền nhận thông tin***

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông tin mà Tổ chức đăng ký niêm yết, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo phương thức quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu.

(g) ***Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ chức đăng ký niêm yết***

(i) Nếu Tổ chức đăng ký niêm yết không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại Điểm 10.3) và vẫn tiếp tục không thanh toán trong thời gian mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng (mỗi trường hợp như vậy được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

(ii) Nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ chức đăng ký niêm yết (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) (mỗi trường hợp như vậy đều được gọi là một "**Sự Kiện Vi Phạm**"), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

(iii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (1) biết có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại đoạn (ii) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, sau khi xác minh thông tin, phải gửi thông báo cho Tổ chức đăng ký niêm yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ chức đăng ký niêm yết phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn toàn bộ ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

(iv) Trường hợp tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Điều này, nếu có bất kỳ thủ tục phá sản, giải thể, phán quyết, quyết định của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc Tổ chức đăng ký niêm yết đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác thì việc thanh toán Trái Phiếu cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo thủ tục phá sản, giải thể hoặc đồng thời phải tuân thủ theo các phán quyết, quyết định khác của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền có liên quan.

(h) Toàn quyền quyết định và có thể tự thực hiện các thủ tục để lưu ký Trái Phiếu do mình nắm giữ.

(i) Các quyền khác theo quy định pháp luật và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

13.2. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Tổ chức đăng ký niêm yết và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo một Nghị Quyết những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

14. Đại diện người sở hữu trái phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) được Tổ chức đăng ký niêm yết chỉ định là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:

(a) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(b) Ký kết và thực hiện bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(c) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ chức đăng ký niêm yết quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ chức đăng ký niêm yết vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;

(d) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ chức đăng ký niêm yết trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu; ký các quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;

(e) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ chức đăng ký niêm yết và các tổ chức có liên quan khác; Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ chức đăng ký niêm yết, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc VSDC yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(f) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ chức đăng ký niêm yết, Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

(g) Thông báo và yêu cầu Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu hoặc VSDC thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;

(h) Hỗ trợ Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu;

(i) Phối hợp với Tổ chức đăng ký niêm yết để hỗ trợ, hướng dẫn Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC và niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy chế của VSDC hoặc Sở giao dịch chứng khoán;

(j) Trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSDC, hỗ trợ Người Sở Hữu làm việc với Đơn Vị Quản Lý Trái Phiếu trong việc tiếp nhận, thu hồi các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị rách, bị mờ, hết hiệu lực hoặc đã báo thất lạc mà được tìm thấy và cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu mới nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu;

(k) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và của Hợp Đồng Đại Diện.

15. Việc Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn

(a) Quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn của Tổ chức đăng ký niêm yết vào ngày tròn năm (05) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu ("**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại**"):

(i) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điểm 15.1(a)(iii) dưới đây, tổ chức đăng ký niêm yết có quyền mua lại trước hạn toàn bộ Trái Phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu.

(ii) Trong trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ chức đăng ký niêm yết và nhận được 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và tất cả các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu (nếu còn đang được nắm giữ bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ tự động hết hiệu lực.

(iii) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điểm 15.1(a) này, Tổ chức đăng ký niêm yết và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ chức đăng ký niêm yết ít nhất 10 (mười) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ chức đăng ký niêm yết mà không do lỗi của Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ chức đăng ký niêm yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ chức đăng ký niêm yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của (mỗi) Người Sở Hữu Trái Phiếu như được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

(b) Không ảnh hưởng tới Điểm 15.1(a), trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ chức đăng ký niêm yết có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ chức đăng ký niêm yết hay không. Việc chào mua Trái Phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Các trường hợp mua lại khác theo quy định của pháp luật.

16. Phương thức tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^{n} \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó: PV: là Giá của Trái Phiếu.

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CFi: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;
4) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
5) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).
6) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 09/09/2026
- Ngày đáo hạn: 09/09/2036
- Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần
- Lãi suất Trái Phiếu (giả định Tổ chức đăng ký niêm yết không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại): Lãi suất Trái Phiếu 05 năm đầu bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,25%/năm và Lãi suất Trái Phiếu 05 năm cuối bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,25%/năm.
- Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu: dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – khu vực/thành phố Hà Nội tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi.
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến)**: 09/11/2026**
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 20 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Giả sử lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi 05 năm đầu là 8,15% và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi 05 năm cuối là 9,15%/năm.

- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k): Bằng tổng của 2,25% và trung bình cộng lãi suất (là lãi suất hoặc trần lãi suất nếu không công bố lãi suất) tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 (bốn) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – khu vực/thành phố Hà Nội.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365
- Lãi suất tham chiếu giả định tại ngày niêm yết: 5,90%/năm

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 09/11/2026, giá của Trái Phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7
	09/03/2027	09/09/2027	09/03/2028	09/09/2028	09/03/2029	09/09/2029	09/03/2030
Lãi suất coupon	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%
Dòng tiền lãi *CF(i) = CPN x số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365*	4.042	4.108	4.064	4.108	4.042	4.108	4.042
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Số ngày nắm giữ	120	304	486	670	851	1.035	1.216
Lãi suất chiết khấu	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%

Kỳ	8	9	10	11	12	13	14
	09/09/2030	09/03/2031	09/09/2031	09/03/2032	09/09/2032	09/03/2033	09/09/2033
Lãi suất coupon	8,15%	8,15%	8,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%
Dòng tiền lãi *CF(i) = CPN x số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365*	4.108	4.042	4.108	4.562	4.613	4.537	4.613
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Số ngày nắm giữ	1.400	1.581	1.765	1.947	2.131	2.312	2.496
Lãi suất chiết khấu	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%

Kỳ	15	16	17	18	19	20
	09/03/2034	09/09/2034	09/03/2035	09/09/2035	09/03/2036	09/09/2036
Lãi suất coupon	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%
Dòng tiền lãi *CF(i) = CPN x số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365*	4.537	4.613	4.537	4.613	4.562	4.613
Gốc trái phiếu	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày nắm giữ	2.677	2.861	3.042	3.226	3.408	3.592
Lãi suất chiết khấu	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%

$$PV = \frac{4.042}{(1+8{,}15\%)^{120/365}} + \frac{4.108}{(1+8{,}15\%)^{304/365}} + \frac{4.064}{(1+8{,}15\%)^{486/365}} + \frac{4.108}{(1+8{,}15\%)^{670/365}} + \frac{4.042}{(1+8{,}15\%)^{851/365}} + \frac{4.108}{(1+8{,}15\%)^{1.035/365}} + \frac{4.042}{(1+8{,}15\%)^{1.216/365}} + \frac{4.108}{(1+8{,}15\%)^{1.400/365}} + \frac{4.042}{(1+8{,}15\%)^{1.581/365}} + \frac{4.108}{(1+8{,}15\%)^{1.765/365}} + \frac{4.562}{(1+8{,}15\%)^{1.947/365}} + \frac{4.613}{(1+8{,}15\%)^{2.131/365}} + \frac{4.537}{(1+8{,}15\%)^{2.312/365}} + \frac{4.613}{(1+8{,}15\%)^{2.496/365}} + \frac{4.537}{(1+8{,}15\%)^{2.677/365}} + \frac{4.613}{(1+8{,}15\%)^{2.861/365}} + \frac{4.537}{(1+8{,}15\%)^{3.042/365}} + \frac{4.613}{(1+8{,}15\%)^{3.226/365}} + \frac{4.562}{(1+8{,}15\%)^{3.408/365}} + \frac{104.613}{(1+8{,}15\%)^{3.592/365}}$$

PV = 3.939 + 3.849 + 3.661 + 3.558 + 3.367 + 3.290 + 3.113 + 3.042 + 2.878 + 2.813 + 3.004 + 2.919 + 2.762 + 2.699 + 2.554 + 2.496 + 2.362 + 2.308 + 2.195 + 48.387 = 105.197

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^{n} \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá Trái phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu
- Ngày phát hành: 09/09/2026
- Ngày đáo hạn: 09/09/2036
- Lãi suất Trái Phiếu giả định: Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi 05 năm đầu là 8,15% và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi 05 năm cuối là 9,15%/năm
- Kỳ trả lãi: 06 tháng/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: **09/11/2026**
- Giá giao dịch dự kiến: 103.000 đồng/Trái Phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 103.000 đồng/Trái Phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Ngày trả lãi	09/03/2027	09/09/2027	09/03/2028	09/09/2028	09/03/2029	09/09/2029	09/03/2030
Kỳ trả lãi	1	2	3	4	5	6	7
Lãi suất (%/năm)	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%	8,15%
Dòng tiền trả lãi CFi	4.042	4.108	4.064	4.108	4.042	4.108	4.042
Dòng tiền gốc TP	-	-	-	-	-	-	-
Số ngày tính đến ngày trả lãi	120	304	486	670	851	1.035	1.216

Ngày trả lãi	09/09/2030	09/03/2031	09/09/2031	09/03/2032	09/09/2032	09/03/2033	09/09/2033
Kỳ trả lãi	8	9	10	11	12	13	14
Lãi suất (%/năm)	8,15%	8,15%	8,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%
Dòng tiền trả lãi CFi	4.108	4.042	4.108	4.562	4.613	4.537	4.613
Dòng tiền gốc TP	-	-	-	-	-	-	-
Số ngày tính đến ngày trả lãi	1.400	1.581	1.765	1.947	2.131	2.312	2.496

Ngày trả lãi	09/03/2034	09/09/2034	09/03/2035	09/09/2035	09/03/2036	09/09/2036
Kỳ trả lãi	15	16	17	18	19	20
Lãi suất (%/năm)	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%	9,15%
Dòng tiền trả lãi CFi	4.537	4.613	4.537	4.613	4.562	4.613
Dòng tiền gốc TP	-	-	-	-	-	100.000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	2.677	2.861	3.042	3.226	3.408	3.592

$$PV = \frac{4.042}{(1+k)^{120/365}} + \frac{4.108}{(1+k)^{304/365}} + \frac{4.064}{(1+k)^{486/365}} + \frac{4.108}{(1+k)^{670/365}} + \frac{4.042}{(1+k)^{851/365}} + \frac{4.108}{(1+k)^{1.035/365}} + \frac{4.042}{(1+k)^{1.216/365}} + \frac{4.108}{(1+k)^{1.400/365}} + \frac{4.042}{(1+k)^{1.581/365}} + \frac{4.108}{(1+k)^{1.765/365}} + \frac{4.562}{(1+k)^{1.947/365}} + \frac{4.613}{(1+k)^{2.131/365}} + \frac{4.537}{(1+k)^{2.312/365}} + \frac{4.613}{(1+k)^{2.496/365}} + \frac{4.537}{(1+k)^{2.677/365}} + \frac{4.613}{(1+k)^{2.861/365}} + \frac{4.537}{(1+k)^{3.042/365}} + \frac{4.613}{(1+k)^{3.226/365}} + \frac{4.562}{(1+k)^{3.408/365}} + \frac{104.613}{(1+k)^{3.592/365}}$$

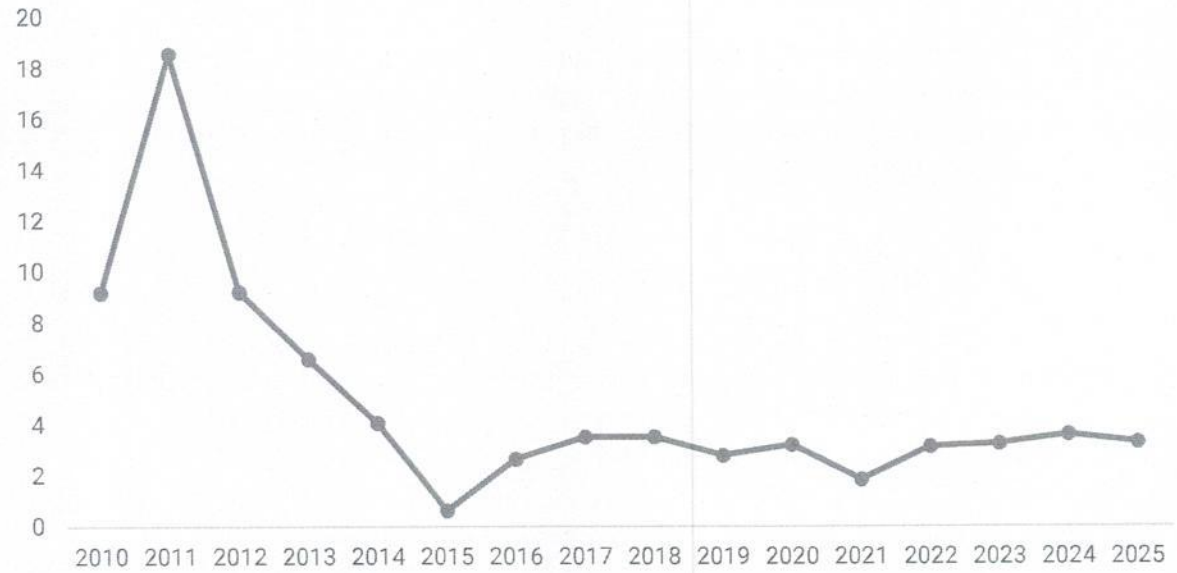
Áp dụng phương pháp nội suy: ***k = 8,48%. Do đó YTM = 8,48%***

18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết (sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu

Theo báo cáo mới nhất của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) vừa công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cuối năm 2025 tăng 3,48% so với tháng 12/2024. CPI bình quân năm 2025 (tức lạm phát bình quân) tăng 3,3% so với năm 2024. Áp lực lạm phát nhìn chung ổn định và duy trì dưới ngưỡng kiểm soát của Chính phủ (4,5%).

Về xu hướng giá cả năm 2026, áp lực lạm phát dự kiến không quá lớn nhưng sẽ cao hơn so với năm 2025 (dự kiến khoảng 3,5% theo nhận định của Tổng cục Thống kê), do một số nguyên nhân: Giá năng lượng, nhiên liệu và hàng hóa cơ bản đầu vào trên thế giới diễn biến khó lường hơn, có xu hướng tăng trở lại sau giai đoạn 2024-2025 giảm mạnh; Nhu cầu tiêu dùng, đầu tư, đặc biệt là đầu tư công tăng tốc nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cao sẽ tạo áp lực cầu kéo lên mặt bằng giá cả; Tỷ giá USD/VND vẫn có xu hướng biến động mạnh.

Hình 4: Lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2010 – 2025



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.

Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao

19. Cam kết về bảo đảm

Không có vì Trái phiếu đăng ký niêm yết là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

20. Thông tin về các cam kết

20.1 Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

- Tổ chức đăng ký niêm yết đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện phát hành Trái Phiếu.

- Tổ chức đăng ký niêm yết có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và có các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ chức đăng ký niêm yết để phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu.

- Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết liên quan đến Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu.

20.2 Cam kết khác: Không có.

21. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do BIDV đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

22. Các loại thuế có liên quan

22.1. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái

Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán) phải tuân theo các quy định riêng.

(a) ***Thuế thu nhập cá nhân***

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại:

- Trước ngày 01/07/2026: Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC.
- Từ ngày 01/07/2026: Luật thuế TNCN số 107/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo đó, sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- ➢ Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.
- ➢ Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức nước ngoài có thu nhập phát sinh tại Việt Nam đều là đối tượng chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025), Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc đáp ứng điều kiện kê khai đầy đủ doanh thu, chi phí và thu nhập, việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN được thực hiện theo phương pháp kê khai, trên cơ sở doanh thu – chi phí thực tế phát sinh.

Đối với tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không đáp ứng điều kiện kê khai, việc xác định nghĩa vụ thuế TNDN được thực hiện theo phương pháp khấu trừ hoặc nộp thay (thuế nhà thầu) trên từng khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Hiện nay, đến khi có hướng dẫn thay thế chính thức, việc xác định thuế TNDN đối với thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của tổ chức nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, với mức thuế suất áp dụng như sau:

- ➢ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- ➢ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

Các mức thuế suất và phương pháp tính nêu trên sẽ có thể được điều chỉnh theo quy định pháp luật thuế tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế.

(c) ***Thuế Giá trị Gia tăng***

Theo các quy định tại Luật thuế GTGT số 48/2025/QH15, Nghị định 181/2025/NĐ-CP, các khoản thu tài chính (lãi Trái Phiếu) được loại trừ khỏi giá tính thuế giá trị gia tăng; việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

22.2. Khấu trừ Thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("Thuế") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSDC (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Từ 01/01/2019 đến 31/12/2023 và từ 01/01/2025 đến 30/06/2026

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 15, Toà nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 6288 3568 Fax: (84.24) 6288 5678

Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024

Công ty TNHH KPMG

Trụ sở chính : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hoà, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (84.24) 3946 1600 Fax: (84.24) 3946 1601

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

Website : www.masvn.com

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRÁI PHIẾU

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở chính : 74 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 39411 846 Fax: (84.24) 39411 847

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trụ sở chính : Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 3910 2222 Fax: (84.28) 3910 7222

Website : www.masvn.com

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết;

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động;

3. Phụ lục III: Điều lệ công ty;

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và giữa niên độ Quý II/2026 đã được soát xét.

Bản Cáo Bạch này được ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2026

Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

M.S.D.N: 0100150819 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

LÊ NGỌC LÂM
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

BÙI THỊ HÒA
Kế toán trưởng

HOÀNG VIỆT HÙNG
Tổng Giám đốc

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

S.G.P: 130 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
P. SÀI GÒN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUH HONG SUK
Chủ tịch Hội đồng quản trị